



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Chi-ara (Pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **TRÀ TUYẾT** (thơ Thích Thiện Trí), trang 6
- ♦ **NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- ♦ **BỐN CHỮ VÔ** (thơ Thy An), trang 9
- ♦ **HAI CÂU CHUYỆN RẤT THƯƠNG TÂM** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 10
- ♦ **NGHE, NỢ ĐỜI, CHỜ, THÊM...** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 12
- ♦ **PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUA CÁC KHÚC QUANH LỊCH SỬ** (Nguyễn Siêu), trang 13
- ♦ **CHÁNH NIỆM: LẤY LẠI SỰ CHỦ TÂM** (Thiền sư Nhất Hạnh), trang 16
- ♦ **MÂY BAY ĐI** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 17
- ♦ **NGHIỆP ĐEN THÌ TỰ ĐI XUỐNG** (Quảng Tánh), trang 18
- ♦ **BUI ĐỜI TRONG MẮT TÔI** (Thích Thái Hòa), trang 22
- ♦ **VỀ NGUỒN** (Nguyễn Thế Đăng), trang 22
- ♦ **BỐN MÙA VI VU** (Thanh Nguyễn), trang 23
- ♦ **THÔNG BÁO SỐ 1 - Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 10** (HT Thích Tuệ Uy), trang 24
- ♦ **GIÀ MÙ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 25
- ♦ **TÌM HIỂU "KINH CĂN TU TẬP"** (Thích Nữ Hằng Như), trang 26
- ♦ **NGŨ UÂN VÔ THƯỜNG - Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **ĐỌC TRIẾT LÝ VÀ THI CA CỦA THẦY NGUYỄN SIÊU...** (Huỳnh Kim Quang), trang 31
- ♦ **STORY OF UPAKA** (Daw Tin), trang 34
- ♦ **DỪ CHỈ LÀ KHOẢNH KHẮC, ĐỜI CHỈ THÈ THÔI** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 42
- ♦ **BERNICE BING: NHỮNG NÉT VẼ THIÊN** (Nguyễn Giác), trang 43
- ♦ **ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI SAU ĐỘT QUỴ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 46
- ♦ **TUỆ GIÁC BẦY, PHÙ SINH NHƯ MỘNG** (thơ Diệu Viên), trang 47
- ♦ **NẬM KIM CHÂM XÀO THẬP CẨM CHAY** (G. Phương), trang 48
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- ♦ **VẮNG DƯƠNG SAU BÃO LŨ** (Trần Tử Khách), trang 51
- ♦ **CÔI SÁNG, THẤT TỊCH, CHỖN CŨ...** (thơ Tịnh Bình), trang 53
- ♦ **CHẠM VÀO GIẤC MƠ** (Tiểu Lục Thần Phong) trang 54
- ♦ **THIÊN ĐÀNG, TỈNH ĐỘ Ở NƠI ĐÂU?** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 56
- ♦ **BẢN NGHÈO** (Truyện cổ Phật giáo), trang 57
- ♦ **KIỆN TRÌ TU TẬP DỆP BÓT "CÁI TA"** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 59
- ♦ **CÔI TRÔI tập 1 - chương 1** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61





Thư Tòa soạn

ĐƯỜNG DÀI

NHÂN

*Lên đồi, cao hứng khúc phiêu du
Trắng những gợn mây, sương tuyết mù
Cheo leo chòm đá rêu tro sặc
Không người, tịch mịch, gió nhẹ ru.*

*Tĩnh tọa đêm dài hạ sang thu
Soi thấy trần gian như ngục tù
Vô-minh kết thành bao thống-khổ
Lấn quẩn ra vào chốn thâm u.*

*Lặng thương kiếp người lệ tràn mi
Xuống đồi, hoa nở gót từ bi
Gây trúc gỗ nhịp đường mê huyền
Thao thức canh dài nghìn dặm đi.*

NHÂN

*Vào dòng, cuộn cuộn con nước phẳng
Phù sa bồi – lở bến vô ngần
Hồn nhiên ngụp lặn theo cơn sóng
Bềnh bồng một thoáng tưởng nghìn năm.*

*Tĩnh chung chưa thỏa đã tình riêng
Buồn – vui, mê – tỉnh, mộng triền miên
Đau cắt bao lần cơn khổ, nhục
Trui thành ngọc sáng, rửa oan khiên.*

NHẬN

*Đường dài đã mỏi cuộc rong chơi
Quay đầu vẫn thấy quê xa vời
Hồng trần xuôi – ngược chừng quen nếp
Ngồi đây, lắng xuống những bụi đời.*

*Tóc tơ nay bạc hơn phân nửa
Da mồi đã gập nghìn rãnh sâu
Việc trong việc ngoài vẫn chưa dứt
Tha hồ năm tháng cứ trôi mau.*

*Thiên thần năm ấy giờ tiên ông
Thong thả quét lá như dọn lòng
Mở đất nhận vào bạo rác rưởi
Hồn ngây thơ cũ vẫn thong dong.*



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Lễ hội đèn lồng tại chùa Manpukuji ở Kyoto

UJI, tỉnh Kyoto - Một lễ hội đèn lồng ngoạn mục đang chờ đón du khách đến với ngôi chùa Manpukuji do nhà sư Yin Yuan, người Trung Hoa, thành lập vào đầu thế kỷ 17.

Được tạo tác cho lễ hội này bởi các thợ thủ công từ Trung Quốc, khoảng 30 chiếc đèn lồng kiểu Trung Hoa trang trí công phu đang được sử dụng để chiếu sáng sân chùa vào mỗi buổi tối cho đến cuối tháng Giêng 2023.

Những chiếc đèn lồng nói trên được làm bằng khung kim loại và vải sa tanh để tạo ra những kiểu dáng tinh tế.

Shokyoku Araki, một vị chức sắc hàng đầu của chùa Manpukuji, lưu ý rằng những chiếc đèn lồng lồng này được sử dụng trong các lễ tưởng niệm ở Trung Quốc.

Lễ hội đèn lồng được tổ chức hàng ngày từ 5:30 chiều đến 9 giờ tối tại chùa Manpukuji năm nay khi Nhật Bản và Trung Quốc đánh dấu kỷ niệm 50 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao, và chùa kỷ niệm 350 năm ngày mất của sư Yin Yuan (1592-1673) - người Nhật gọi tên ông là Ingen.

Sau khi đến Nhật Bản, sư Yin đã thành lập trường phái Thiên tông Obaku với Manpukuji là ngôi chùa chính, cùng với nhiều ngôi chùa phụ được thành lập trên khắp Nhật Bản.

(The Asahi Shimbun - November 6, 2022)



Lễ hội đèn lồng tại chùa Manpukuji ở Kyoto



Photos: Kenta Sujino

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma bày tỏ sự đau buồn vì những người thiệt mạng trong vụ sập cầu ở Gujarat

Ngày 31-10, Đức Đạt Lai Lạt Ma gửi lời chia buồn đến gia đình những người thiệt mạng trong vụ sập cầu treo Morbi ở bang Gujarat.

Ít nhất 134 người đã chết trong vụ sập cầu nói trên. Cây cầu hơn một thế kỷ này trên sông Machchhu đã mở cửa trở lại 5 ngày sau khi sửa chữa và cải tạo rộng rãi, nhưng vào tối 30-10 do trên cầu chật ních người nên nó bị sập. Trong một bức thư cho Thủ hiến Bhupendra Rajnikant Patel của bang Gujarat, Đức Đạt lai Lạt ma cho biết ngài cầu nguyện cho những người đã thiệt mạng

và gửi lời chia buồn đến các gia đình đã mất người thân cũng như những người khác bị ảnh hưởng bởi vụ tai nạn đáng tiếc nhất này.

Ngài nói, "Khi những sự cố như thế này và thảm họa ở Hàn Quốc xảy ra, nó như thể một tai họa ập đến với tất cả chúng ta. Tôi hy vọng rằng mọi nỗ lực sẽ được thực hiện để ngăn chặn những tai nạn thương tâm như vậy xảy ra trong tương lai."

(NewsNow - November 3, 2022)



Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: theconversation.com

ẤN ĐỘ: Liên đoàn Phật giáo Quốc tế kỷ niệm 10 năm thành lập tại New Delhi

New Delhi, Ấn Độ - Ngày 5-11-2022, đại biểu Phật giáo từ khắp nơi trên thế giới đã được Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC) mời dự lễ kỷ niệm lần thứ 10 của Liên đoàn tại một khách sạn Samrat ở New Delhi.

Sự kiện bắt đầu với việc thắp sáng đèn và dâng hoa lên tượng Phật bởi vị khách danh dự, Kyabje Yongzin Ling Rinpoche của Tu viện Drepung Loseling, bang Himachal Pradesh. Sau đó là một buổi tụng kinh của các nhà sư để chúc phúc cho sự kiện.

Cùng với nhiều vị chức sắc và nhà ngoại giao, các nhà sư lỗi lạc từ Nepal, Tích Lan và các nơi khác đã tham dự sự kiện này.

Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC) là liên đoàn Phật giáo lớn nhất, có trụ sở tại Delhi và được mệnh danh là tổ chức đầu tiên

hợp nhất các Phật tử trên thế giới.

Với phương châm, "Tiếng nói Chung của Trí tuệ Tập thể", IBC hướng tới việc biến các giá trị và nguyên tắc của Phật giáo trở thành một phần của diễn ngôn toàn cầu và là phương tiện giải quyết xung đột.

(ANI – November 5, 2022)

HÀN QUỐC: Các nhà lãnh đạo Phật giáo tham gia tưởng niệm nạn nhân của Thảm kịch Halloween tang tóc ở Seoul

Ngày 2-11-2022, các nhà lãnh đạo Phật giáo và các thành viên tăng đoàn, trong số các đại biểu của 7 giáo phái lớn của Hàn Quốc, đã tụ tập tại trung tâm Seoul để tưởng nhớ những người đã mất mạng trong đám đông Halloween giẫm đạp thật bi thảm ở khu giải trí Itaewon của thành phố vào ngày 29-10.

Các đại biểu đến từ Hội nghị các Tôn giáo vì Hòa bình Hàn Quốc, một cơ quan tham vấn đại diện cho các cộng đồng tôn giáo chính ở Hàn Quốc. Họ đứng cầu nguyện và tỏ lòng thành kính trước một bàn thờ tưởng niệm liên tôn giáo - được dựng lên tại quảng trường công cộng trước Tòa thị chính Seoul.

"Sẽ không bao giờ phải có một thảm họa như vậy nữa, và chúng tôi cầu nguyện cho sự tái sinh của các nạn nhân trên thiên đường," Hòa thượng Jinwoo, chủ tịch Tổng phái Jogye, hội Phật giáo lớn nhất Hàn Quốc, đã viết trong một cuốn lưu bút để tưởng nhớ.

Ít nhất 156 người - hầu hết là phụ nữ và đa số ở độ tuổi 20 - đã thiệt mạng, và hơn 150 người bị thương khi một lượng lớn những người vui chơi cố gắng tìm đường xuống một con hẻm hẹp trong lễ hội Halloween ở khu phố đêm nổi tiếng Itaewon.

(Buddhistdoor Global - November 4, 2022)



CAM BÔT: Triển lãm tranh về Lịch sử Phật giáo tại Bảo tàng Quốc gia ở thủ đô Phnom Penh

Bảo tàng Quốc gia Cam Bốt thông báo rằng Cục Mỹ thuật và Thủ công mỹ nghệ thuộc Bộ Văn hóa và Mỹ thuật sẽ tổ chức một cuộc triển lãm tạm thời kéo dài 2 tuần với tên gọi "Lịch sử Phật giáo: Triển lãm tranh truyền thống lưu trữ" nhằm quảng bá di sản văn hóa dân tộc.

Trong một bài đăng trên mạng xã hội vào ngày 7-11, bảo tàng cho biết cuộc triển lãm "Lịch sử Phật giáo: Triển lãm tranh truyền thống lưu trữ" sẽ diễn ra từ ngày 17 đến 30-11 tại tòa nhà của họ ở thủ đô .

"Triển lãm này nhằm quảng bá di sản văn hóa quốc gia bị bỏ qua đến giới trẻ và công chúng để họ biết đến giá trị của tranh truyền thống Khmer, cũng như các nghệ thủ công khắc dưới mọi hình thức, cả vật thể và phi vật thể," Bảo tàng cho biết.

(The Phnom Penh Post - November 7, 2022)



Chư tăng thuộc Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc cầu nguyện cho các nạn nhân của vụ đám đông giẫm đạp tại Itaewon, Seoul
Photos: koreatimes.co.kr

Các nhà lãnh đạo tôn giáo tưởng niệm tại bàn thờ trước Tòa thị chính Seoul vào ngày 2-11-2022



TRỞ VỀ MỤC LỤC



Poster của cuộc triển lãm "Lịch sử Phật giáo: Triển lãm tranh truyền thống lưu trữ"
Photo: phnompenhpost.com

ẤN ĐỘ: Tác phẩm điêu khắc Đức Phật cổ đại tịch thu tại Attari được gọi là 'quý hiếm nhất trong số các hiện vật quý hiếm'

Attari, Amritsar (bang Punjab) - Một tác phẩm điêu khắc Đức Phật bằng đá - đã bị tịch thu từ một người nước ngoài tại Trạm Hải quan Đường bộ, Trạm Kiểm tra Tích hợp (ICP) ở Attari vào tháng 9 năm nay - hóa ra là món đồ cổ quý hiếm nhất thuộc thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên.

Sự việc đã được thông báo cho văn phòng Khảo sát Khảo cổ học Ấn Độ (ASI) ở Chandigarh vì nghi ngờ đây là một vật bị cấm, thuộc danh mục 'cổ vật'.



Tác phẩm điêu khắc Đức Phật được gọi là 'quý hiếm nhất trong số các hiện vật quý hiếm'
Photo: tribuneindia.com

Rahul Nangare, Ủy viên Hải quan Amritsar, cho biết một báo cáo từ ASI đã làm chứng rằng

mảnh điêu khắc này có vẻ là tác phẩm Đức Phật của Trường nghệ thuật Gandhara, và bước đầu có thể xác định được niên đại từ thế kỷ thứ 2 hoặc thứ 3 sau Công nguyên.

"Một hành khách quốc tịch nước ngoài, đến Ấn Độ qua trạm ICP ở Attari vào tháng 9, đã bị bắt giữ tại nhà ga hành khách. Trong quá trình kiểm tra, một tác phẩm điêu khắc Đức Phật bằng đá đã bị thu giữ từ hành lý của anh ta," Ủy viên Hải quan Rahul nói.

(tribuneindia.com - November 12, 2022)

INDONESIA: Hàng trăm Phật tử tham gia lễ Atthasilani ở Borobudur

Magelang, Trung Java - Hàng trăm Phật tử từ Hội đồng Phật giáo Mahanikaya Indonesia (MBMI) đã tham gia lễ Upasika Ratana (Atthasilani) tại đền Borobudur, Magelang, miền Trung Java, vào thứ Bảy 5-11-2022.

"Atthasilani là một hoạt động đào sâu giáo pháp của Phật giáo nhằm thực hành 8 giới. Những người tham gia được kỳ vọng sẽ tỏa ra hạnh phúc của tình yêu thương và tràn đầy hy vọng, để tất cả chúng sinh đều hạnh phúc. Tình yêu thương được vun đắp sẽ mang lại hạnh phúc vì nơi nào có tình yêu thương, nơi đó sẽ có hạnh phúc," Agus Jaya, chủ tịch MBMI, nói.

Một số hoạt động Phật giáo đã được MBMI tổ chức từ ngày 3 đến ngày 6-11-2022 tại Đền Borobudur. Một trong những hoạt động này là Atthasilani, với 200 phụ nữ tham gia. Hoạt động bao gồm đọc Kinh Hộ Trì (paritta) và tham gia thiền định, pháp thoại, lớp học đạo pháp và cúng dường chư tăng.

(Tipitaka Network - November 14, 2022)



Đền thờ Phật giáo Borobudur ở Magelang, miền Trung Java (Indonesia)—Photo: CÉphoto

HÀN QUỐC: Tổng thống Yoon gặp gỡ các nhà lãnh đạo Phật giáo, Thiên chúa giáo để tìm lời khuyên sau thảm kịch Itaewon

SEOUL, Hàn Quốc - Tổng thống Yoon Suk-yeol đã gặp riêng với các nhà lãnh đạo Phật giáo và Cơ đốc giáo vào thứ Ba, ngày 8-11-2022, để tìm kiếm lời khuyên của họ về cách giúp đất nước gượng dậy từ thảm kịch của đám đông giẫm đạp tại Itaewon, văn phòng của ông cho biết.

Tổng thống Yoon đã gặp các vị tôn sư Phật giáo vào buổi sáng và sau đó hội kiến các bậc trưởng lão Thiên chúa giáo vào buổi chiều, một quan chức văn phòng Tổng thống cho biết.

Tổng thống cũng đã tham dự các lễ tưởng niệm Phật giáo, Tin lành và Công giáo cho các nạn nhân vào cuối tuần.

"Như một phần mở rộng của việc đó, ông ấy đang tiếp tục gặp gỡ những vị trưởng lão tôn giáo và tìm lời khuyên của họ về cách giúp người dân vượt qua thảm kịch quốc gia và đoàn kết, đứng vững trở lại thông qua sự an ủi và khích lệ", quan chức này cho biết.

Tổng thống Yoon có kế hoạch gặp gỡ các nhà lãnh đạo tín ngưỡng khác trong tương lai như một phần của nỗ lực đó, quan chức này nói thêm.

(Yonhap - November 8, 2022)



Tổng thống Hàn Quốc Yoon Suk-yeol - Photo: YNA

THÁI LAN: Thống đốc tỉnh Phuket dẫn đầu buổi lễ Dâng Y cho Dự án Học bổng Học tập Hoàng gia

PHUKET, Thái Lan - Ngày 10-11-2022, Thống đốc Phuket Narong Woonciw đã dẫn đầu một buổi lễ dâng y cho các nhà sư Phật giáo ở Phuket - như một phần trong những đóng góp liên tục của Văn phòng tỉnh Phuket trong khuôn khổ Dự án

Học bổng Học tập Hoàng gia.

Thống đốc Narong dẫn đầu buổi lễ, được tổ chức tại chùa Wat Mongkol Nimit, với trụ trì chùa Phra Aram Luang hiện diện để nhận các phẩm vật. Sự kiện này có sự tham gia của nhiều quan chức từ một loạt các văn phòng chính quyền địa phương.

Dự án Học bổng Học tập Hoàng gia hoạt động dưới sự bảo trợ của Đức Vua Maha Vajiralongkorn.

Dự án do vua cha Bhumibol Adulyadej khởi xướng nhằm cấp học bổng hoàng gia cho các nhà sư Phật giáo Thái Lan.

Từ năm học 2004 đến 2016, tổng cộng 2,880 suất học bổng của hoàng gia đã được cấp cho các tu sĩ Phật giáo Thái Lan.

(The Phuket News - November 11, 2022)



*Lễ Dâng Y cho Dự án Học bổng Học tập Hoàng gia Thái Lan
Photo: PR Phuket*

NHẬT BẢN: Các ngôi chùa Phật giáo của Nhật Bản mở cửa 'shukubo' cho khách du lịch

Trong nhiều thế kỷ, các vị thánh nhân, người hành hương và quý tộc đã đi trên những con đường thiêng liêng xuyên Nhật Bản để tìm kiếm kiến thức và sự giác ngộ. Vào cuối một ngày dài lang thang trên những con đường núi, họ luôn luôn tìm kiếm một ngôi chùa để cho cơ thể mệt mỏi của họ nghỉ ngơi.

Nơi ở đơn giản mà các ngôi chùa có thể cung cấp này, cùng với các bữa ăn truyền thống và những lời cầu nguyện, được gọi là "shukubo".

Và giờ đây, do khách hành hương là một điều hiếm hoi ở Nhật Bản, nên các ngôi đền đang mở cửa trượt bằng gỗ cho du khách từ khắp nơi trên thế giới.

Kaiji Yamamoto, một vị cao tăng tại chùa Zenkoji ở Takayama, nằm ở miền núi trung tâm tỉnh Gifu, cho biết: "Ngày nay, ngày càng có nhiều du khách sử dụng shukubo như một nơi độc đáo để lưu trú và mang lại trải nghiệm hoàn toàn yên tĩnh".

Du khách thời hiện đại có thể tham gia các buổi thiền định, các buổi cầu nguyện, yoga, sao chép thư pháp tạo thành kính và đi bộ có hướng dẫn trong các ngọn núi xung quanh.

Vào những dịp đặc biệt, du khách cũng có thể tham gia các nghi lễ tẩy rửa liên quan đến việc đứng bên dưới thác nước và đọc kinh cầu nguyện.

(cbn.com - November 9, 2022)



Lưu trú tại chùa 'Shukubo' được trình bày như một giải pháp thay thế cho khách sạn. Du khách tại các ngôi chùa shukubo có thể chứng kiến cuộc sống của các tu sĩ Phật giáo



Photos: Share Wing



TRÀ TUYẾT

*Tuyết trắng nung sôi bốc khói
Mang trà pha hương tuyết gói hương trà
Nước từ mặt đất mà ra
Hoá thành mưa tuyết, mưa hoa gởi về*

*Ô hay, nước hoá đê huê!
Cũng từ một thể khi về trắng tinh
Nước pha trà, hương vị tình
Tuyết pha trà cả hương trinh trắng ngần*

*Còn ta duyên gặp giữa trần
Ban sơ trắng buốt dần dần hoá đen...
Phái chãng vàng đá một phen
Thử lòng quân tử sang hèn mới phân?*

*Trà pha cũng lượng cho cân
Còn riêng tuyết trắng chẳng cần đếm đo
Pha trà pha giọt tình cho
Cho đời, cho bạn, cũng cho... riêng mình*

*Tuyết pha trà nguyên khói tình
Gởi hương qua gió còn in... hương lòng
Uống trà nhé!
Có ngon không?
Mùa đông pha giọt sắc hồng trà thơm!*

thơ THÍCH THIÊN TRÍ

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

HT. Thích Thắng Hoan

VĂN HÓA / GIÁO DỤC



Trong cộng đồng nhân loại, bất cứ chủng tộc nào, có tinh thần độc lập, có ý chí tự cường, có lịch sử đấu tranh lâu dài thì chủng tộc đó nhất định có sáng tạo văn hóa để thích ứng với mọi hoàn cảnh địa lý, với những điều kiện thực tế để tự cường, sinh tồn và phát triển. Dân tộc Việt Nam là một chủng tộc có ngôn ngữ riêng biệt thuần

nhất, có nền văn hóa nhân bản đặc thù, siêu việt và nền văn hóa này có khả năng chuyển hóa, dung hợp tinh ba của tất cả nền văn hóa nhân loại biến thành chất liệu sống và ý nghĩa sự sống bồi dưỡng cho sanh mệnh dân tộc mang tánh chất Rồng Tiên nảy nở phát triển và trường tồn bất diệt trải dài lịch sử hơn bốn ngàn năm vẫn hiển kể từ khi lập quốc cho đến ngày nay. Đặc tánh Rồng Tiên, theo "Hai Ngàn Năm Việt Nam Và Phật Giáo" của Lý Khôi Việt, trang 51 giải thích: "Rồng tượng trưng cho hùng tráng dũng mãnh tung hoành, Tiên biểu tượng cho thanh thoát cao quý, hòa điệu." Vì có khả năng chuyển hóa và dung hợp của nền văn hóa Việt Tộc (Chủng Tộc Việt Nam), dân tộc Việt Nam đã tiếp xúc, hấp thụ và Việt hóa những tinh hoa của các trào lưu văn hóa đông tây qua các Tôn Giáo mang vào như Phật Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo, Thiên Chúa Giáo, v.v... để bồi dưỡng cho nền văn hóa độc lập, tự chủ, nhân bản, bất khuất của Rồng Tiên.

I. SỰ QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA PHẬT GIÁO VÀ VĂN HÓA VIỆT TỘC:

Trong suốt hai ngàn năm lịch sử, đạo Phật luôn luôn có mặt trong lòng dân tộc Việt Nam khắp nẻo đường đất nước và gắn bó với dân tộc Việt Nam trong mọi thăng trầm vinh nhục. Có thể nói văn hóa Phật Giáo suốt dòng lịch sử đã hòa mình và hợp nhất với nền văn hóa Việt Tộc trở thành một tổng thể bất khả phân ly qua ngôn ngữ, qua tư tưởng, được biểu lộ nơi mọi sự sinh hoạt xã hội, nơi nếp sống tâm linh. Hai nền văn hóa hợp nhất này đã thể hiện rõ nét trong phong tục tập quán, trong văn học bình dân cũng như

trong văn học bác học. Danh từ chuyên môn của Phật Giáo như, trí tuệ, tử bi, thiện ác, nhân quả, nghiệp báo, v.v... nếu tách rời ra khỏi nền văn học Việt Nam thì văn hóa Việt Tộc trở nên khô cứng không còn sức sống tinh anh nữa. Những chứng tích về văn hóa Phật Giáo hòa đồng trong nền văn hóa Việt Tộc như sau:

1. NHỮNG CHỨNG TÍCH VỀ TỤC NGỮ:

Tục Ngữ là ngôn ngữ dân gian mà người bình dân Việt Nam thường sử dụng nhằm để trao đổi tư tưởng cho nhau. Những tư tưởng trong ngôn ngữ dân gian được gọi là văn hóa bình dân.

Những danh từ chuyên môn của Phật Giáo đã biến thành văn hóa Việt Tộc qua ngôn ngữ của người bình dân Việt Nam thường sử dụng, đã được trao truyền cho nhau trong dân gian mà chúng ta đã thấy tàn mác nơi văn học bình dân. Chúng tôi xin đem ra đây một vài câu tục ngữ để chứng minh giá trị sự hội nhập của văn hóa Phật Giáo trong văn hóa Việt Tộc, điển hình như những từ ngữ "Tội nghiệp quá", "Hằng hà sa số", "Ta bà thế giới", "Lù khù nhưng ông Cù độ mạng", v.v...

a. Người bình dân mỗi khi thấy những ai bất hạnh, bị hoạn nạn đau khổ thì liền tỏ lòng thương xót và thốt lên câu: "Tội nghiệp quá". Hai chữ *tội nghiệp* là danh từ chuyên môn của Phật Giáo với ý nghĩa chỉ cho nghiệp báo tội ác đã định. Cụm từ *tội nghiệp quá!* là câu nói của người bình dân hàm súc hai ý nghĩa: một là quan tòa định tội và hai là tâm tình chia sẻ.

Quan tòa định tội, nghĩa là người này đã gây nghiệp tội ác quá nặng cho nên giờ đây phải chịu quả báo khổ đau không thể trốn tránh nên phán quyết câu: "Tội nghiệp quá!" lên người tội lỗi kia. Tâm tình chia sẻ, nghĩa là thấy họ bị hoạn nạn đau khổ thì bộc lộ tâm tình thương hại thốt lên câu: "Tội nghiệp quá!" để san sẻ phần nào niềm đau khổ của họ.

b. Người bình dân muốn diễn tả số lượng người ta quá đông đảo hoặc số lượng vật gì quá nhiều không đếm được thì liền dùng câu: "Hằng hà sa số" để tỏ bày. Hằng hà sa số là danh từ chuyên môn của Phật Giáo với ý nghĩa là số nhiều như cát sông Hằng. Sông Hằng (sông Gange) là chỉ cho một trong hai con sông lớn nhất của Ấn Độ. Ấn Độ có hai con sông nổi tiếng thế giới là sông Ấn (Indus) và sông Hằng (Gange) và hai con sông này khai nguồn tài nguyên sức sống cho toàn thể dân tộc Ấn Độ phát triển và tồn tại. Trong các kinh luận, Phật Giáo cũng thường dùng những ngôn từ *Hằng hà sa số* nhằm để nói lên số lượng quá nhiều không thể đếm được như đã trình bày ở trên.

c. Khi thấy một số người đi lang thang khắp nơi, sống rày đây mai đó, không chịu dừng chân một chỗ nào lâu dài, người bình dân thường gắn cho họ một ngôn từ đơn giản là kẻ sống "Ta bà thế giới". Ta bà thế giới là ngôn từ chuyên môn của Phật Giáo nhằm chỉ cho thế giới tổng hợp bao gồm cả năm cõi mà năm loại chúng sanh sống chung lẫn lộn nhau và sống quan hệ với nhau, như thế giới Địa Ngục, thế giới Ngạ Quỷ, thế giới Súc Sanh, thế giới loài Người, thế giới các cõi Trời và những thế giới nói trên có một danh từ chung là Dục Giới. Thế giới Ta Bà hay Dục Giới là chỉ cho những cõi mà đức Phật Thích Ca làm giáo chủ và ngài thường xuyên qua lại những cõi đó để hóa độ chúng sanh. Ngôn từ Ta Bà Thế Giới của Phật Giáo đã được Việt Nam tiếp nhận trở thành văn hóa Việt Tộc.

d. Trong xóm làng, có một số người không học thức, không có trình độ văn hóa, không biết đua chen với đời, cứ sống buông trôi cho qua ngày đoạn tháng, nhưng không biết tại sao họ lại được rất nhiều may mắn ngoài khả năng của họ. Đối với những hạng này người bình dân Việt Nam thường dùng ngôn từ "Lù khù nhưng ông Cù độ mạng" để chỉ sự may mắn nói trên của họ. Hai chữ lù khù là chỉ cho hạng người khờ dại, ngây thơ, không biết chút gì về cuộc đời. Hai chữ ông Cù, gọi cho đủ là ông Cù Đàm; hai chữ Cù Đàm dịch âm từ chữ Phạm là Gautama, tức là chỉ cho dòng họ của Phật Thích Ca. Lù khù nhưng ông Cù độ mạng nghĩa là những hạng này sở dĩ được may mắn là nhờ đức Phật Thích Ca độ mạng.

Còn nhiều chứng tích khác về tục ngữ đã được hàm chứa sâu sắc tinh thần Phật Giáo và những tục ngữ đó hiện đang tàng trữ trong kho văn học Việt Nam mà ở đây chúng ta chưa có thì giờ mang ra khai thác để làm phong phú cho nền văn hóa Việt Tộc. Chúng ta hy vọng một ngày nào đó cố gắng thực hiện công trình khai thác văn hóa Việt Tộc thêm được sáng tỏ những tư tưởng thâm sâu của Phật Giáo đang ẩn tàng trong nền văn học Việt Nam mà các tiền nhân đã dày công xây dựng.

2. NHỮNG CHỨNG TÍCH VỀ CA DAO:

Ca dao là những câu hò tiếng hát theo giọng điệu tự nhiên, phát xuất từ tâm hồn mộc mạc đầy tình cảm của người bình dân Việt Nam được lưu truyền trong dân gian. Những ca dao này mang tánh chất tư tưởng, tình cảm của dân tộc nhằm diễn tả luân lý, đạo đức, tình ý, phong tục, tập quán, trạng thái thiên nhiên, đặc tính xã hội của thời bấy giờ. Tư tưởng Phật Giáo thâm nhập vào ca dao Việt Nam từ bao giờ và tản mác khắp tâm hồn của người bình dân, không có ranh giới thời gian cũng như không có khu biệt không gian. Điển hình như những bài ca dao sau đây đượm nhuần tư tưởng của Phật Giáo:

a. Người Việt Nam lúc bấy giờ rất tin tưởng triết lý thiện ác nghiệp báo, nhân quả, luân hồi, và ý thức được giá trị nguyên lý duyên sanh (quan hệ với nhau trong sự sanh tồn) của Phật Giáo. Để thể hiện tinh thần đùm bọc lẫn nhau, họ thường hát lên những câu hò, những lời ru, v.v... nhằm tinh thức cho nhau nên tránh dữ làm lành, mong mỗi cuộc sống được hạnh phúc an vui lâu đời, đồng thời hy vọng con cháu sau này nương nhờ ân huệ đó tiến thân được lạc nghiệp, cho nên mới ngâm lên hai câu ca dao:

*"Ai ơi! Hãy ở cho lành,
Kiếp này không được, để
dành kiếp sau."*

Hai câu ca dao này hàm súc triết lý của đạo Phật rất sâu sắc mà người bình dân thời xưa đã được tiêu hóa trong tâm hồn thành chất liệu sống, ngoài vấn đề tiêu biểu đạo đức của Phật Giáo là Ở cho lành và lại còn thể hiện tư tưởng nhân quả luân hồi một cách thâm diệu qua hai câu Kiếp này và Kiếp sau. Họ căn cứ nơi dòng thời gian trải dài từ vô thi (trừ vô cực) cho đến vô chung (cộng vô cực) xuyên qua ba giai đoạn quá khứ, hiện tại và vị lai, mà tin tưởng rằng sẽ có kiếp sau vì có kiếp này, cũng như tin tưởng rằng sẽ có ngày mai vì có ngày hôm nay, mặc dù kiếp sau và ngày mai chưa bao giờ đến với họ. Vì tin tưởng những lý lẽ đó, họ mới khuyên cho nhau một cách ngọt ngào tha thiết đậm đà bằng hai câu ca dao nêu trên mang theo ý nghĩa tránh dữ làm lành và những điều lành đó tuy rằng không được thụ hưởng ở kiếp này nhưng rồi sẽ được thụ hưởng ở kiếp sau chẳng bao giờ biến mất.

b. Theo lý vô thường của Phật Giáo, cuộc đời là giả tạo, kiếp sống của con người là duyên sanh hoàn toàn không có thực thể, không được trường tồn. Sự giả tạo của cuộc đời cũng như sự tạm bợ của kiếp người chẳng khác nào bọt nước, mây trôi, ngựa qua cửa sổ, có rồi mất đi, không định trước được ngày mai. Cuộc đời giả tạo cũng như kiếp người tạm bợ là nguyên lý đích thực không một ai thoát khỏi và cũng không một ai chối bỏ được. Người bình dân thời xưa ý niệm được nguyên lý vô thường, cuộc đời giả tạo này một cách tinh tường và tâm hồn họ bộc lộ lên rất thâm thiết qua hai câu ca dao sau đây để tinh thức cho nhau với lời khuyên nhiệt tình, bảo rằng đừng đua chen theo bã lợi danh giả tạo của cuộc đời mà quên hẳn đi giá trị của con người; hai câu ca dao đó như sau:

*"Cuộc đời đâu khác loài hoa,
Sớm còn tối mất nở ra lại tàn."*

Hai câu ca dao trên cho chúng ta nhận thức được người bình dân thời xưa, họ đã thâm hiểu sâu xa lý vô thường của Phật Giáo, cho nên khéo dùng hình ảnh sớm nở tối tàn của loài hoa để nói lên một cách chính xác về giá trị tạm bợ của kiếp người cũng như sự giả tạo của cuộc đời. Con người

BÓN CHỮ VÔ

tôi dựa vào im lặng
nghe tiếng sóng đập chùng
nhấp nhô trong lòng
những chữ và nghĩa
... vô thanh

tôi dựa vào hư không
nghe khoáng trống lập đây
leng keng tâm thức
những sắc và hình
... vô tướng

tôi dựa vào rong rêu
bám bức tường nghiêng lệch
thời gian đi qua
xoi mòn ảnh hình dĩ vãng
... vô cảm

tôi dựa vào ký ức
lật trang giấy sử thi
vàng như cuộc đời
bẽ bàng những khúc quanh đâm lẹ
... vô vọng



thơ THY AN

hiện hữu thật rất đúng với ý nghĩa là "Sống ngày nay để biết ngày mai, khoáng đường sanh tử nào hay tỏ tường."

c. Thời xưa người bình dân thì rất tin tưởng về đạo đức hơn tài năng. Họ cảm thấy những kẻ có tài năng xuất chúng nhưng không tránh khỏi những tai họa đau khổ của cuộc đời mang đến; còn những kẻ không có chút tài năng nào mà lại gặp được nhiều may mắn bất ngờ, cho nên họ mới thốt lên câu: "Có đức không sức mà ăn". Từ đó họ lấy đạo đức làm kim chỉ nam cho cuộc đời và cố võ ai nấy đều phải lấy đạo đức để tô bồi cho nếp sống làm người, thế nên họ mới hát lên hai câu ca dao sau đây để cảnh tỉnh dân gian:

"Lênh đênh qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm."

Thần Phù theo Việt Nam Tự Điển, là tên của con sông Chính Đại, thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đổ ra vịnh Bắc Việt. Cửa sông này về sau bị cát bồi thành đất liền và cuối đời nhà Lê dân cư lập thành một Tổng, gọi là Tổng Thần Phù. Người dân lúc bấy giờ thường chèo thuyền qua lại trên cửa sông Thần Phù này, có người thì bị chìm chết và có người thì được thoát nạn. Qua những thực trạng đó, người dân mới mượn hình ảnh cửa Thần Phù để biểu tượng cho cửa Sanh Tử; hai chữ

Lênh Đênh là biểu tượng cho sự luân hồi của sanh tử; chữ Nổi là biểu tượng cho sự giải thoát lên cõi Niết Bàn; chữ Chìm là biểu tượng cho sự đọa lạc vào cõi Địa Ngục; hai chữ Khéo Tu là chỉ cho những kẻ giác ngộ, biết chuyên cần tu tập đạo đức cho mình. Hai câu ca dao trên đây là gợi lên những hình ảnh có liên quan với đạo đức để cảnh tỉnh dân gian chuyên cần tu tập tránh dữ làm lành giúp cho đời sống được an lạc và giải thoát qua tinh thần Phật Giáo.

Văn hóa Phật Giáo có thể nói đã hòa mình sâu xa và rộng rãi, biến thành văn hóa Việt Tộc, được thấy tàn mác qua những câu ca dao dưới mọi hình thức, trong mọi trạng huống, có chỗ thì bộc lộ cụ thể và có nơi thì gợi ý tâm tình để nói lên ý nghĩa nào đó. Với nội dung trong bài này, chúng ta chỉ đem một vài nét ca dao để minh chứng văn hóa Phật Giáo hiện diện trong văn hóa Việt Tộc mà ở đây không thể đem ra lý giải toàn bộ những tư tưởng sâu xa của Phật Giáo đã chứa đựng trong nền văn học nói trên.

(còn tiếp)

Hai câu chuyện rất “Thương Tâm”

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bút giả đến Mỹ cũng khá lâu, cách nay cũng trên 40 năm. Đầu tiên tôi sinh hoạt chính thức Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tiểu bang Colorado, thành phố Denver. Được hơn một năm, không chịu đựng với cái lạnh không quen ở đây nên về sinh hoạt với Phật Học Viện Quốc Tế và cũng là Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Nghi lễ của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Hoa Kỳ, trụ sở là chùa Việt Nam Los Angeles bây giờ. Sau đó, quý thầy lớn: Đức Niệm, Thiện Thanh, Tịnh Hạnh... lớp quý thầy ngang lứa như chúng tôi (*Tín Nghĩa*), Nguyễn Đạt, Pháp Châu, Nguyễn Trí núi (*tức là Hòa thượng Nguyễn Trí chùa Bát Nhã bây giờ*) và Nguyễn Trí già (*tức là Hòa thượng Đạo Quang bây giờ*). Tôi là Phó Chủ tịch đặc trách Gia đình Phật tử... còn quý Trí thức Cư sĩ gồm có: Bác sĩ Tôn Thất Niệm, Dược sĩ Tâm Thương, Đạo hữu Thiện Bửu... còn một số nữa, lâu quá chúng tôi không nhớ hết.

Sinh hoạt được hai năm thì chúng tôi vâng lời Giáo chỉ của Ôn Linh Mục (*sau này là Đức Đệ Tam Thăng Thống*) nên tất cả toàn bộ Giáo hội đồng thanh giải tán và đi vận động để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ. Có hai vị nghi luận các Phật sự và không cộng tác với bất cứ giáo hội hay hội đoàn nào, đó là Hòa thượng Nguyễn Đạt và Hòa thượng Pháp Châu...

* * *

Ngôi Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại ban đầu cũng chỉ khiêm nhượng với ngôi nhà thờ nhỏ được mua lại để xử dụng tạm thời; tuy thế, Phật tử và Đồng hương đã biết đến nhiều, nên những vấn đề quan hôn tang tế đều có liên hệ mật thiết.

Trước khi bút giả thuật lại hai câu chuyện này, tôi xin tự giới thiệu trước tháng Tư đen 1975; tôi là thầy dạy Toán, Lý hóa hai trường Trung Học Bồ Đề Đà Nẵng, và Trung học Bồ Đề Hòa Vang. Cả hai trường đều do Cổ Hòa thượng Thích Minh Tuấn làm hiệu trưởng...

Số là tôi có một số học sinh lớn tuổi đang học lớp đệ tứ và đệ tam, cũng có một ít xin quy làm đệ tử. Trong số vừa học sinh vừa đệ tử, nhưng gia đình cũng cho phép lập gia đình sớm với các thanh niên vừa đến tuổi quân dịch hoặc theo học lớp sĩ quan Thủ Đức.

Những trai thời loạn ra trường chưa được bao ngày thì mùa Hè Đỏ Lửa đã lấy mất mạng sống của họ. Thi thể đưa về nhà xác của bộ Tư lệnh Quân đoàn I, gần Tổng Y viện Duy Tân, Đà Nẵng. Gia đình của người quá cố nhờ tôi vào tận nhà xác để nhận diện thi thể.

Tôi đã từng vào đây rất nhiều lần và cũng thấy xác tử trận nằm thành hàng trong nhà lạnh ướp xác... Tôi vẫn thân niên cùng với mấy anh

binh sĩ gác trực ở đây khi đi tìm thi thể... Tôi vẫn an nhiên không hề run sợ chút nào cả; thế nhưng, với hai câu chuyện dưới đây đã làm cho tôi chùn bước thật sự và vô cùng xúc động mạnh vào thâm thức của chính bản thân tôi,

Kể từ khi Tổ Đình Từ Đàm sinh hoạt, bản thân chúng tôi có hai câu chuyện rất “Thương Tâm”, đó là:

1) Năm 1994, chùa có một gia đình thân quen. Cụ bà và mấy cô con gái thường đi chùa lạy Phật và cúng dường đều đặn.

Trong số các người con trai gái dâu rể, cô con gái tên Phạm thị Bích Nga, sinh năm Canh tý (1960), chú rể Dương Thế Kiệt, sinh năm Nhâm thìn (1952), là đôi vợ chồng rất thuận cần, biết đạo nhất trong gia đình, và cũng là những vị thân cận với chùa nhiều nhất và thường xuyên nhất...

Vào dịp lễ Độc Lập 04-07-1995, cả gia đình dâu rể nội ngoại đều đi thăm bà con, thân nhân ở Houston. Hai chiếc xe Van do hai chú rể cầm tay lái cả đi lẫn về. Những ngày vui chơi ở Houston thì không sao, khi trở về thì câu chuyện thương tâm đã xảy ra ở thành phố Center Ville, cách Houston độ hai giờ lái xe. Chiếc xe chạy đầu chờ hai ông bà cụ Phạm Nguyễn Giai là song thân phụ của cô Bích Nga, hai đứa con trai và bà dì ruột tên Nguyễn Thị Lang, tuổi Giáp ngọ; có lẽ người lái xe buồn ngủ nên mất thăng bằng và xe lao xuống hố: cái đầu của cô Lang bị mất một nửa, cụ Giai và cô Bích Nga chết tại chỗ; chú bé con trai út của Nga mới hai tuổi văng ra xa và rớt trên ổ mồi, bị gãy một chân, Mẹ của Bích Nga cũng bị thương. Đáng số là cụ bà không bị, nhưng trước khi rời Houston, cụ Giai bảo bà qua xe nẩy ngồi với ông cụ cho vui. Lúc đầu cụ bà từ chối; nhưng cụ ông nài nỉ bà qua bên này ngồi chung, để tui ngồi một mình buồn lắm. Thế là hai ông bà ngồi bên nhau, xe lật một chết một bị thương. Sau này lành bệnh, cụ bà lên chùa lạy Phật kể lại cho chúng tôi nghe như vậy đó.

Sau hung tin đó, cô Nhung con cụ Giai lên chùa thỉnh chúng tôi về lo tang lễ.

Vừa đến nhà quán, ba quan tài sắp hàng ngang theo thứ tự gia đình. Chính giữa là cô con gái Bích Nga, bên trái là dì Lang và bên phải là bố của Bích Nga. Gia đình chỉ biết khóc lóc kêu gào rất thảm thương; đã thế, cộng thêm cháu bé trai con Nga quần đầy bằng bó rất thê thảm.

Đến ngày an táng, ba huyết mộ hiện ra và ba quan tài cũng nằm theo thứ tự như khi còn ở nhà quán. Chúng tôi lấy hết tâm lực của mình, định tâm bái sám mà vẫn không thể an lòng khi mọi người khóc lóc, rên siết vô cùng thảm thiết...

Thời gian là dược liệu để xoa dịu những vết thương lòng cho dù nó như thế nào chăng nữa... Ngày độc lập 04 tháng 07 năm 1995 cũng phải đi qua theo năm tháng...

2) Vào ngày 29 tháng 09, Nhâm dần (nhằm ngày 24 -10 - 2022), vào lúc 6 giờ chiều cùng ngày, nhóm sinh hoạt với nhau gọi lên chúng tôi để thỉnh mời về tận nhà người quá cố để cầu nguyện cho gia đình bớt lạnh lẽo qua sự quen biết của anh Vương Dương Minh, phật tử của chùa.

Khi đến tận nhà, một số anh em, thường sinh hoạt với nhau như vợ chồng cô Thúy, anh Duy, anh Thuận, anh Hiếu, chị Diệp, chị Phượng ca sĩ,... còn nhiều nữa, nhưng chúng tôi chỉ ghi vội trong lần đầu gặp nhau tại nhà có tai nạn.

Trước khi hai thầy trò chúng tôi cử hành lễ cầu nguyện, thì trong nhóm có cô Thúy đại diện nhóm kể ra sự tình như sau:

Thưa Sư ông và Ni sư, chúng con trong nhóm thiện nguyện sinh hoạt với nhau rất lâu và thường khi có những việc gì hệ trọng, chúng con đều liên hệ với sư Tịnh Đức chùa Đạo Quang ở Garland rất mật thiết; chúng con đa phần là Thiên chúa giáo, số còn lại là Phật giáo,...

Thúy đưa tay chỉ về cô vợ trẻ của nạn nhân ngồi bất động, mặt mày tái mét và nói:

- Em đây là Nguyễn Thanh Diệu, 24 tuổi, dân Sài Gòn mới qua Mỹ gần hơn năm năm và kết hôn với cậu Ngô Đức Hùng, 41 tuổi dân Hà Nội. Hùng qua Mỹ hơn mười năm.

Hai cô cậu sống với nhau có cháu đầu là trai gần ba tuổi, chưa biết nói. Ban đầu, hai cô cậu sống ở Garland và có một quán cà-phê để sinh sống và cũng sinh hoạt hoạt văn nghệ với chúng con.

Bốn tháng trước đó, trong quán của cậu ta xảy ra án mạng, buồn quá nên đưa tiểu gia đình về vùng Arlington, mua ngôi nhà này được hơn bốn tháng thì chuyện không may lại xảy ra như thế này.

Thúy kể tiếp:

Em đang mang thai và chuyển về đây gần ba tháng. Đến ngày cô vợ sắp sinh, Hùng bảo:

- Chúng ta có bé trai, anh mong sao có một bé gái là anh vui rồi. Khi ra hai cháu một trai và một gái; cũng không may, bé trai mới lọt lòng mẹ thì yếu vong, còn lại bé gái rất kháu khỉnh mà cô bạn đang bồng trên tay ở gần mấy bạn của con.

Thấy trong nhà có nhiều quà lá và những lẵng hoa đẹp, chúng tôi hỏi:

- Sao không để lên bàn thờ cho Hùng mà để bên cạnh đó?

Thúy tiếp:

- Quà lá đó là ngày chung vui đầy tháng của cháu gái ấy. Thúy nói tiếp:

- Số là: Khi hai cô cậu chuẩn bị đầy tháng cho cháu, thì đã bị xảy ra hoàn cảnh đau thương này trước một ngày.

Đến đây cô vợ kể tiếp:

- Đứng năm giờ chiều anh chết, anh có gọi phone cho con và bảo rằng: Em ơi! Anh thèm ăn



thịt bò, em đi làm về nhớ ghé chợ mua thịt bò về để ăn tối nay nghe em! Con da một tiếng qua điện thoại, thì khách lại vào và cũng đến phiên của con nên phải làm nên về trễ.

Về đến nhà, con thấy cửa mở toang, vào nhà gọi anh ơi, không thấy trả lời, con nghĩ chắc anh ra ngoài hút thuốc, vì thường ngày anh cũng làm như vậy.

Đứa con của con không biết nói, khi nghe tiếng con nó chạy vào kéo tay con ra chỉ chỗ nơi anh đang nằm; thì than ôi! Chồng con nằm trên vũng máu dưới làn mưa tầm tã, có cây súng nằm bên cạnh. Con chết điếng cả người, lật đật chạy vào lấy cái mền đắp cho anh, rồi đi vào vừa khóc vừa gọi điện thoại cho cảnh sát.

Hai vị cảnh sát đến, việc đầu tiên họ chia nhau để làm: Một vị lo bồng đứa bé mới sinh cho bú sữa vì khóc gần ba tiếng đồng hồ, mặt mày tím ngắt; vị kia lo tắm rửa và thay áo quần cho cháu trai, vì cả con người của cháu đều vấy máu từ đầu đến chân.

Xong xuôi đưa hai cháu cho bạn bè, hai vị cảnh sát phải lo lau chùi máu me vì cháu nhỏ cứ tưởng bố ngủ, nó chạy ra nằm một bên bố; cứ chạy ra chạy vào như thế nên cả căn nhà đều máu là máu...

Chúng tôi đứng nghe một hồi về câu chuyện thương tâm ấy, thì Ni sư nói rằng: Thôi chúng ta lo lễ cầu nguyện cho Hùng, sau đó sẽ nói tiếp.

Thúy bảo:

- Chúng con là Thiên chúa, ai cũng có tên Thánh, bên Phật giáo thì phải có tên Pháp danh, Sư ông đặt cho Hùng một cái tên trước khi làm lễ để cho Hùng ra đi thanh thản. Tôi hỏi:

- Sao con biết?

- Dạ, tụi con sinh hoạt chung với sư Tịnh Đức và mỗi khi ai đó bên Phật giáo chưa có tên đạo thì sư đặt tên cho vị ấy trước khi làm lễ cầu nguyện. Và, tôi cũng nói cho cô Thúy và quý vị tham dự lễ đều biết Ngô Đức Hùng có pháp danh là Quảng Hậu.

Trước bàn thờ linh quá đơn giản, tôi cùng tất cả những bạn bè của Hùng, không ai bảo ai cũng xin một cây hương và thành tâm im lặng cầu nguyện cho đến hết thời kinh gần một giờ rưỡi.

Làm lễ xong, họ yêu cầu chiều mai đến nữa, tôi bảo:

- Ngày mai không có Sư ông vì bạn Phật sự tại Florida.

Tôi chuẩn bị ra phi trường thì phong ba bão táp nổi lên và tất cả các chuyến bay tại phi trường Dallas-Fort Worth đều tạm ngừng lại, Ni sư liền tìm cách đổi gấp vé cho ngày kế để kịp về dự lễ cúng Tổ Viên Thành, khai sơn chùa Tra Am - Mật Sơn ngày Chủ nhật, Oct. 30, 2022.

Chiều hôm thứ sáu tôi lại về cầu nguyện một lần nữa. Quý vị có mặt hôm trước cũng có mặt đông đủ và ai ai cũng vui sẽ đồng nói:

- Ngày hôm qua, chúng con đến sớm thầy

ngôi nhà trống vắng và lạnh lẽo chi lạ; nhưng, sau khi Sư ông cúng xong thì không khí ấm áp trở lại. Ngày hôm nay Sư ông đến chúng con vui hơn, chắc là hương hồn của Hùng cũng vui vẻ lắm Sư ông hè! Tôi chỉ biết cười, thế câu trả lời.

Cô vợ kể tiếp:

- Số là sau khi cúng xong, mọi người đều về hết, riêng con xin ở lại và sẽ về sau, nhưng lại không có xe về, bố của anh Duy (*Duy là người lo lắng cho mấy mẹ con của Hùng*) thấy thế, để xe lại cho con về sau và con cũng lái như mọi khi. Không biết tại sao, con và chiếc xe bị sập xuống hồ, trong xe khói um tùm bao phủ; con bị ngột ngạt quả cũng không biết cách nào tống cửa để ra khỏi xe: không biết chổng con linh thiêng hay một sự nhiệm mầu nào đó đã cứu con, khi con nói: anh ơi mở cứu em và cho em ra khỏi xe, không thì em sẽ chết mất. Chúng ta còn có hai đứa con nhỏ không ai chăm lo anh ơi! Con khẩn vái vừa dứt thì nghe tiếng mở cửa nghe một rắc, con nghe và liền mở cửa ra khỏi xe.

Chiếc xe hiện tại của thân phụ anh Duy đã bị kéo về nghĩa địa... Tội nghiệp cho ông cụ, vì thương con mà mất luôn chiếc xe.

Ngày thứ ba làm lễ phát tang, thứ tư, ngày 01-07-2022, lễ tiễn đưa linh cữu Hùng đến nơi hỏa táng. Bạn bè cả nam lẫn nữ là 41 vị. Họ mua 41 cái bong bóng để phát cho nhau, riêng cô vợ thì cái bong bóng lớn gấp đôi; Khi đưa quan tài vào lò thiêu tất cả mọi người đồng thả bong bóng bay lên cao chào tiễn biệt.

Lễ hỏa táng vừa hoàn tất, cô vợ và cả đoàn cùng lên chùa để an linh và xin gởi tro cốt đợi ngày về thì đem theo về tận Hà Nội với cha mẹ của Hùng.

Trước khi làm lễ an linh, anh Duy còn cho biết thêm về Hùng và con chó mực (*đen*) đến ngụ sau vườn nhà; Hùng thấy tội nghiệp liền đem nó vào tắm rửa, săn sóc cho ăn uống no đủ, độ mười ngày sau nó bỏ đi biệt; trước khi Hùng bị bắn độ vài giờ con chó trở lại, Hùng mở cửa cho nó vào, rồi cũng cho ăn uống, Hùng lấy cellphone quay và hỏi sao mấy bữa nay mày đi đâu mất dạng, bây giờ lại đến, cho mày ăn no có còn bỏ tao mà đi nữa không? Hùng vừa quay vừa cười to. Đây là lời nói và nụ cười cuối cùng giữa Hùng và con chó, Clip ấy vẫn còn nơi anh Duy cất giữ và hiện tại gia đình của Duy đang lo cho ba mẹ con của Thanh Diệu ở trong nhà, chờ đợi khi có gia đình bên chồng qua đem hài cốt thì đem luôn cả ba mẹ con cùng về Hà Nội luôn một thể. Cái nhà thì giao cho nhà bằng tùy tiện và cũng có giấy tờ của cơ quan cảnh sát ghi nhận là có người bị bắn ở sau vườn...

Câu chuyện thứ hai này tương đối tạm đầy đủ và gói trọn nơi đây.

Đến đây, bút giả tóm gọn như thế này: Tuy hoàn cảnh và sự thể cũng như già trẻ có khác; nhưng tất cả đều là duyên nghiệp.

Để kết thúc câu Hai Câu Chuyện "Thương Tâm" ghi trên, chúng tôi rút ra hai câu kinh như sau để thay cho phần kết luận:

Kinh dạy: ..."*Dục tri tiền thế nơn, kim sanh thọ già thị, dục tri lai thế quả, kim sanh tác già thị*"... Nghĩa là: Muốn biết cái nơn đời trước ra sao, thì nhìn cái quả đang nhận trong hiện tại; Muốn biết cái quả trong tương lai thì nhìn hành động của mình đang gieo trong hiện tại.

Mạnh đôngng Nhâm dần – Nov. 10th, 2022



NGHE

*Già nua ôm phiên nã
Thơ ngây lúc cháu đùa
Nhâm nhi dòng huyền ảo
Ngóng nghe tiếng chuông chùa.*

NỢ ĐÒI

*Hèm cùng không bóng nắng
Gió luôn lay sột soạt
Nợ nần xưa gây hân
Nhịp theo âm mộc đặc.*

CHỜ

*Nụ xanh chờ nắng gheo
Tình xưa chờ ngày mới
Chín trăm chờ một triệu
Năm không chờ làm mới.*

THÊM

*Thoảng trăm phút gieo duyên
Đón đưa từng tri vọng
Lạ lòng đôi mắt quen
Đời vui thêm lận đận.*

HẸN

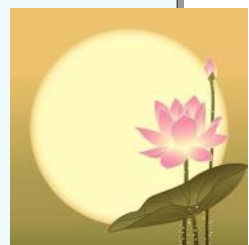
*Chim rộn hót nhà bên
Nhạc vui quán đầu hèm
Nhớ mà già dò quên
Cát chờ ôm sóng biển.*

GIÁC

*Lược cùn trêu tóc bạc
Thời gian gọi tuổi già
Thinh không trông bóng hạc
Túm tím nắng chén trà.*

thơ

VĨNH HỮU
TÂM KHÔNG



PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUA CÁC KHÚC QUANH LỊCH SỬ THỜI ĐẠI

Nguyễn Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Đại Hội Bất Thường tại TV Nguyễn Thiệu 2003

Phật Giáo đã có mặt trên quê hương Việt Nam kể từ thời bình minh dựng nước của 2000 năm trước. Từ thời ấy, các vị Tổ đức Thiền gia đã dày dạn, cần mẫn, gieo từng hạt giống, ươm từng hạt mầm để cây Phật giáo được ăn sâu mọc rễ, bám chặt vào lòng đất thắm, mà đơm bông, kết trái hiển dăng cho đời hoa thơm quả ngọt. Nhờ vậy, dân tộc Việt mới nếm được hương vị ngọt ngào của giáo Pháp, để rồi thực hành, áp dụng Phật Pháp vào đời sống của tự thân, gia đình, xã hội.

Tự thân thì biết xuất gia đầu Phật, quy y Tam bảo, giữ giới, ăn chay, tu nhơn hành thiện để trở thành những con người tốt, có đạo đức, lễ nghi. Đó chính là hạt giống để tác thành các bậc kỳ túc nơi chốn Thiền môn, làm rường cột ngôi nhà Phật giáo 2000 năm qua.

Gia đình thì có hiếu thảo, bổn phận với nhau trong mối tương quan của lễ sống. Cha mẹ biết lo cho con cháu thành người tốt, có nhân có nghĩa. Và con cái thì có hiếu thảo, đức hạnh với hai đấng sinh thành.

Xã hội thì có lòng trung thành với nước non. Xây dựng một quê hương thái bình, thịnh trị, giữ yên bờ cõi, xóm làng, trong yên ngoài ấm. Tránh nạn binh đao, giữ lòng Từ Bi mà trị nước, an dân muôn thuở.

Chúng ta có cái nhìn xuyên suốt qua ba phạm trù ấy. Đời sống tự thân, đời sống gia đình, đời sống xã hội bất phân ly đã kết thành một sức mạnh để hộ quốc, an dân, phò trì Đạo Pháp.

Bây giờ, chúng ta thử đọc một cách tổng quát quyển *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận Toàn Tập*

của Nguyễn Lang, để có một cái nhìn xuyên suốt mà khâu kết lại một vài hình ảnh, dữ kiện đã kinh qua dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam từ lúc ban mai cho đến hôm nay.

Bối Cảnh Lịch Sử Thời Sơ Khai

Đọc vào các sử liệu, chúng ta biết Đạo Phật được truyền vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ II, bằng những đoàn người đi buôn trên những con thuyền buồm xuôi theo gió mùa. Trong đoàn người thương buôn ấy, cũng có các nhà Sư đi theo để hoằng Pháp. Khi tàu buôn cập bến nơi mảnh đất Giao Châu thì các nhà Sư này cũng theo đó mà làm Phật sự, sinh sống từ lúc ấy. Bước lên mảnh đất mới, chắc hẳn sẽ tạo nên một nếp sống mới, một sinh hoạt mới, để phù hợp theo nền văn hóa của người dân bản xứ. Từ lĩnh vực học thuật, tín ngưỡng, cho đến giáo dục, tập quán, xã hội, v.v... thầy đều sinh động, dựng thành một xã hội Phật đầu tiên cho quê hương, dân tộc này, và quê hương, dân tộc này cũng đã dang rộng vòng tay đón nhận đạo Phật đầu tiên, như là một bầu không khí mới làm tươi mát, thăng hoa cho một đời sống tâm linh cao quý.

Trung Tâm Phật Giáo Luy Lâu

"Đạo Phật truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Tài liệu chắc chắn cho biết rằng vào hạ bán thế kỷ thứ hai, tại nước ta đã có một trung tâm Phật Giáo phồn vinh và quan trọng rồi, nhưng có thể đạo Phật đã du nhập vào nước ta trong thế kỷ đầu của kỷ nguyên." (Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận Toàn Tập*, Chương I, tr. 23)

Lời mở đầu của bộ sách lịch sử, đã khẳng định một cách minh nhiên rằng, Đạo Phật đã được truyền bá vào nước ta rất sớm, và cũng từ đó đã dựng thành một Trung tâm Phật Giáo Luy Lâu để làm Trung tâm hóa đạo, kiến lập niềm tin yêu Tam Bảo, là nơi chuyển tải giáo Pháp đến cho mọi tầng lớp người lúc bấy giờ, và tầng lớp người ấy đã trở thành đệ tử của Phật, phát tâm tu trì và hộ pháp thực vững chắc, như cây Phật giáo gốc rễ đã ăn sâu vào lòng đất, tỏa mát lá cành, che rợp một trời quê hương.

"Trung Tâm Luy Lâu được hình thành do sự viếng thăm của những Tăng Sĩ Ấn Độ. Các vị Tăng Sĩ này tới Việt Nam, bằng đường biển, theo các thuyền buôn người Ấn. Nhưng trước khi các Tăng Sĩ Ấn Độ tới Việt Nam, thì các thương gia Ấn Độ cũng đã tới Việt Nam rồi và cũng đã mang theo sinh hoạt Phật Giáo tới xứ ta." (Sđ., tr. 25)

Các người buôn trên những thương thuyền

ấy, có thể hiểu họ dùng chân ở lại mỗi lần là một năm, đợi cho gió mùa Đông bắc lại đến thì họ mới tương bướm quay về Ấn Độ. Trong thời gian lưu trú, họ có những sinh hoạt mang tính cá nhân, nhưng đã làm ảnh hưởng đến dân Việt thời bấy giờ. Những sự sinh hoạt ấy như Nguyễn Lang cho biết là: "*Họ thờ Phật, đốt trầm, đọc kinh và cúng dường những Pháp Phật nho nhỏ mà họ mang theo.*" Từ những hình ảnh tinh tế này, cho ta một hiểu biết, hay một cái nhìn để thấu triệt được rằng, chính những người thương buôn này có thể đi trước một bước đối với chư sư người Ấn, đem đạo Phật vào quê hương Giao Chỉ lúc bấy giờ. Sự sinh hoạt nho nhỏ, thường nhật của họ lâu ngày đã dần thấm vào lòng người dân Giao Chỉ, và được xem như là món ăn tinh thần để nuôi dưỡng đời sống tâm linh. Để rồi đến khi thực sự có hình thức sống của chư Tăng, hiện diện sinh hoạt nơi ấy thì niềm tin Phật được hòa quyện một cách thâm trầm gần bó hơn, để ngày càng phát triển và tự thành nền văn hóa Luy Lâu Phật Việt. Đây chính là cái nôi đã sinh ra và nuôi lớn Đạo Phật Việt để đồng hành với dân tộc.

Đạo Phật Giao Châu Trong Thế Kỷ Đầu Tây Lịch

"*Sự thành lập Tăng đoàn, dịch kinh, sáng tác và làm chùa hẳn được thực hiện vào thế kỷ thứ hai. Trong thế kỷ đầu của Tây lịch sinh hoạt Phật ở Giao Châu, chắc chắn còn thô sơ lắm.*" (Sđd., Chương II, tr. 14)

Một khi hạt giống đã được gieo xuống đất, có đầy đủ nhân duyên thì hẳn là mầm cây sẽ mọc lên, cành to, nhánh rộng và đơm bông kết trái. Sự thành tựu niềm tin trong đạo Phật của dân gian lúc bấy giờ qua các lĩnh vực:

Quan niệm về Phật: Được sự thân cận học hỏi giảng dạy, người Phật tử lúc bấy giờ đã biết được Phật là một đấng Giác ngộ. Một đức Thế Tôn có lòng Từ Bi ban vui cứu khổ luôn gần gũi với con người trong mọi thời mọi lúc, làm nơi quy ngưỡng, nương tựa cho tất cả chúng sanh. Bằng cách nhìn đó, mà trong tâm lúc nào cũng có Phật. Phật ở trong tâm. Trong tâm có Phật, hiểu một cách đơn sơ, chân thành. Chính vậy mà nhà nhà có thờ Phật, người người đều thắp hương, niềm tin Phật càng lớn mạnh.

Quan niệm về Pháp: Nghe những lời Phật dạy, rồi đem áp dụng vào đời sống tự thân, họ thấy có một niềm an vui hạnh phúc. Họ biết làm lành, lánh dữ, xem giáo pháp như liều thuốc chữa bệnh ưu phiền, thực hành giáo pháp để chứng đắc giáo Pháp. Như ngồi thuyền qua sông, vượt bờ bề qua bờ giác. Hay, nếu có ai đó chưa được hiểu một cách sâu xa thì ít ra giáo pháp cũng đã là nơi nương tựa bằng cái nhìn "*Phật Pháp dân gian.*"

Quan niệm về Tăng: Người dân nhìn chư Tăng lúc bấy giờ rất đơn sơ, dễ gần gũi. Một người cạo bỏ râu tóc, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Đáng đấp hiền hòa tử tôn, thương người, giúp đời, không điều kiện. Từ đó đã tạo nên mối tương quan thâm thiết hơn giữa hai đời sống Tăng Sĩ xuất gia, và Cư Sĩ tại gia.

Quan niệm về nghiệp báo luân hồi: Bằng cái học Phật chân chất, hiền hòa, mà nghĩ rằng, mình sống mà biết hiền lành, thì sẽ gặp được nhiều quả tốt. Ăn ác, ở ác thì kết quả chẳng được bình yên. Và cứ thế mà dần dựng nên một đời

sống đạo đức dân gian, theo giáo lý nhà Phật, ăn hiền ở lành.

Quan niệm về Từ Bi Hỷ Xả: Con người sống phải biết cho tình thương, và cứu đi nỗi khổ. Phải biết vui vẻ với mọi người và buông bỏ mà không trói buộc. Từ quan niệm này, mà người dân càng gần gũi với đạo Phật thời ấy hơn nữa. Đây, một vài hình ảnh tiêu biểu trong cộng đồng Phật tử thời bấy giờ.

Điều mà chúng ta rất cần quan tâm, để ý một cách cần trọng ấy là Bộ Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Bộ Kinh có mặt đầu tiên của dòng lịch sử Phật Việt. Bộ Kinh này do hai ngài Ca Diếp Ma Đăng và Trúc Pháp Lan thỉnh về từ Thiên Trúc, chớ trên lưng con bạch mã, được dịch và lưu hành từ thuở ấy. Nhưng cho đến nay thì nội dung đã được thêm vào nhiều tư tưởng Thiên đưng màu của chư Tổ: "*Pháp của Ta và quan niệm cái vô niệm, thực hành cái vô hành, nói cái vô ngôn, tu cái vô tu, chứng cái vô chứng.*" (Ngô Pháp niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng.) Hay có một tư tưởng khác, tư tưởng Thiên Đại Thừa: "*Ta phải niệm nghĩ gì? Niệm nghĩ tới Đạo. Ta phải hành gì? Hành Đạo. Ta phải nói gì? Nói về Đạo.*" (Sđd., tr. 55).

Không phải cho tới bây giờ, Pháp môn tu thiền được nhiều người hâm mộ mà kể từ thời Khương Tăng Hội, Thiền Tổ của Phật Giáo Việt Nam đã được khởi xướng, thịnh hành đối với cộng đồng Phật giáo thời ấy: "*Thiền học Việt Nam khởi đầu bằng Khương Tăng Hội vào đầu thế kỷ thứ ba. Không những Khương Tăng Hội là sáng tổ của Thiền Học Việt Nam, ông cũng còn phải được xem là người đầu tiên đem Thiền học phát huy ở Trung Hoa nữa.*" (Sđd.). Từ mẫu chốt lịch sử này, trải dài qua các bối cảnh tư tưởng của các tông phái Thiền, Tịnh, Mật trên dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam.

Bối cảnh tư tưởng của Tỳ Ni Đa Lưu Chi: "*Cuốn Kinh đầu tiên mà Tỳ Ni Đa Lưu Chi phiên dịch là Kinh Tượng Đầu Tinh Xá, một Kinh có tính chất Thiền học và mang màu sắc của văn hệ Bát Nhã. Kinh này nói về bản chất của giác ngộ, tức là Bồ đề. Đây là một vài đoạn chọn trong những đoạn quan trọng nhất của kinh.*" (Sđd., tr. 115)

Kinh Tượng Đầu Tinh Xá nội hàm yếu tính phá chấp của văn hệ Bát Nhã, do được tu tập và thấm nhuần yếu tính ấy mà vua Lý Thái Tông đã làm bài thơ trong tán Thiền Sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi:

"*Hạo hạo Lăng Già Nguyệt
Phân phân Bát Nhã Liên
Hà thời đặc tượng kiến
Tương dữ thoại trùng Huyền?"*

Dịch:
"Trăng Lăng Già vắng vặc
Sen Bát Nhã ngạt ngào
Bao giờ được tượng kiến
Đàm đạo huyền cùng nhau?"

Tư Tưởng Pháp Thuận Thiền Sư: Làm ông lão đưa đò, Thiền Sư Pháp Thuận đã giúp vua Lê Đại Hành trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ đưa Lý Giác, sứ Tàu sang sông:

"*Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên nha
Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba.*"
Dịch:

"Song song ngỗng một đôi
Ngửa mặt ngó lên trời
Lông trắng phơi dòng biển
Sóng xanh chân hồng bơi."

Đọc vào lịch sử, chúng ta thấy những chặng đường lịch sử Phật Giáo Việt Nam không thể tách rời dòng lịch sử dân tộc Việt Nam. Hai dòng lịch sử đã hòa quyện với nhau, có thể nói cùng sống chết với nhau, cùng đồng hành với nhau như là con chim có đôi cánh. Khi Vua Lê Đại Hành hỏi về vận nước, Thiền sư Pháp Thuận trả lời:

"Quốc tộ như đằng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh."

Dịch:

"Vận nước như dây quấn
Trời Nam ôi thái bình
Đạo đức ngự cung điện
Muôn xứ hết đao binh."

Tư Tưởng Vạn Hạnh Thiền Sư: Chuyên tâm tu tập, chứng đắc đạo Thiền, nhưng không xa rời đời sống xã hội, Thiền sư đã nỗ lực hộ quốc an dân qua cuộc vận động đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vàng giữ yên bờ cõi, đem đạo giải thoát, giác ngộ đến cho muôn dân thanh bình, thịnh trị. Tự thân chứng ngộ làm Tổ Sư Thiền, còn lưu lại bài kệ cho ngàn vạn đời sau:

"Thân như điện ảnh, hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy, vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô."

Dịch:

"Thân như sấm chớp, có rồi không
Cây cối xuân tươi, thu héo hon
Nhìn cuộc thịnh suy, đừng sợ hãi
Thịnh suy: ngọn cỏ giọt sương hồng."

Dòng lịch sử cứ tiếp nối, rồi lại tiếp nối, tiếp nối không ngừng. Tiếp nối trên hai phạm trù: dữ kiện lịch sử và con người lịch sử, mà triều đại nào cũng có, hoàn cảnh lịch sử nào cũng có. Dù thịnh, dù suy thì dữ kiện lịch sử vẫn còn đó và con người lịch sử vẫn là chứng nhân của lịch sử để tô đậm chiều sâu và bề dày lịch sử. Như "những ngày cuối" của Trúc Lâm Đầu Đà Điều Ngự Giác Hoàng Phật Tổ, đã truyền trao công việc lãnh đạo Giáo Hội Trúc Lâm cho Pháp Loa Tôn Giả:

"Ngày tết, ỷ Pháp Loa trú Trì Chùa Báo Ân.

Tháng tư: Kết Hạ ba tháng tại chùa Vĩnh Nghiêm, ỷ Pháp Loa trú trì luôn cả chùa này. Giảng Truyền Đăng Lục cho đại chúng. Thịnh Quốc Sư Đạo Nhất giảng Kinh Pháp Hoa..." (Sđd., tr. 308)

Thầy truyền xuống cho học trò lớn. Sư huynh truyền xuống sư đệ. Đây chính là lịch sử Tổ Tổ tương truyền. Hay Tổ Ân Trùng Quang đời đời không dứt. Dòng chảy của Giáo Hội Trúc Lâm truyền từ tổ Trúc Lâm Đầu Đà xuống đệ tử Pháp Loa Tôn giả, rồi Pháp Loa Tôn Giả truyền xuống cho Huyền Quang Tôn Giả đệ Tam Tổ: "Những điều mà Trúc Lâm Điều Ngự nói, nhà người quên hết cả rồi sao? Huyền Quang nghe nói thế từ đó theo sát bên mình Pháp Loa để tham học." (Sđd., tr. 340)

Cho đến bây giờ, hàng Phật tử chúng ta có một số là đệ tử của Môn Phái Liễu Quán, như bao nhiêu Môn phái khác. Được quy y, thọ giới thành người Phật tử, kể cả xuất gia lần tại gia, theo mỗi

dòng kệ của Tổ. Điều này chứng tỏ, trên tinh thần tu học, chúng ta phải có Tổ có tông, phải có cội nguồn, gốc gác. Chính tinh thần Tổ Tông, cội nguồn gốc gác là chánh lý, là yếu tính tất nhiên như thị.

Tổ Liễu Quán thuộc đời thứ 35 dòng Lâm Tế. Bài kệ truyền Pháp như là:

"Thật Tế Đại Đạo
Tánh Hải Thanh Trùng
Tâm Nguyên Quảng Nhuận
Đức Bốn Từ Phong
Giới Định Phước Huệ
Thể Dụng Viên Thông
Vĩnh Siêu Trí Quả
Mật Khế Thành Công
Truyền Trì Diệu Lý
Diễn Xướng Chánh Tông
Hành Giải Tương Ứng
Đạt Ngộ Chân Không."

Dịch:

"Đường lớn thực tại
Biển thể tính trong
Nguồn tâm thẩm khắp
Gốc đức vun trồng
Giới định cùng tuệ
Thể dụng viên thông
Quả trí siêu việt
Hiểu thấu nên công
Truyền giữ lý mẫu
Tuyên dương chính tông
Hành giải song song
Đạt ngộ chân không." (Sđd., tr. 603)

Việt Nam Phật Giáo Sử Luận Toàn Tập còn cho thấy quá nhiều những dữ kiện lịch sử, những biến đổi của thời cuộc: Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, các triều đại nhà Nguyễn, Phật giáo ở đàng trong, Triều đại đệ nhất, đệ nhị Cộng Hoà, và bây giờ, sau năm 1975, nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa. Phật Giáo đã có lúc lên ghềnh, khi xuống thác vận nước lên đèn, nhưng không bao giờ chết.

Nhà Sư Nặng Tình Với Quê Hương, Dân Tộc, Đạo Pháp, Tuổi Trẻ

Hôm nay, Tuệ Sỹ, tên người Viễn Mộng, của đọa đầy, của tóc trắng bờ vợ, của mắt xanh mòn mỏi, của đợi chờ nơi quán trọ, trên đỉnh Trường Sơn, giữa dòng sông nhuộm nắng.

"Ngược Xuôi nhớ nửa cung đàn
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về."

Hòa Thượng Tuệ Sỹ, một nhà Sư nhiều tình cảm quê hương dân tộc, đạo Pháp, tuổi trẻ... Những tình cảm này đã nung nấu và đốt cháy tâm tư, để cất lên thành lời thơ bất hủ, Khung Trời Cũ:

"Đôi mắt ướm tuổi vàng khung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya ngổi kể chuyện trăng tàn
Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng
Đêm tóc bạc tuổi đời chưa đủ.
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn."

(xem tiếp trang 39)

CHÁNH NIỆM: LẤY LẠI SỰ CHÚ TÂM

Thiền sư Thích Nhất Hạnh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Không suy nghĩ là một nghệ thuật như bất kỳ nghệ thuật nào, đòi hỏi sự thực tập và kiên nhẫn. Lấy lại sự chú tâm và đưa tâm trở về với thân, chỉ trong vòng 10 hơi thở thôi thì cũng đã khác đi rất nhiều rồi. Tuy nhiên, với sự thực tập liên tục, ta có thể khôi phục lại khả năng có mặt và học cách sống trong giây phút hiện tại.

Ngồi yên vài phút là cách dễ nhất để bắt đầu tập luyện buông bỏ tập khí suy nghĩ. Khi ngồi yên, ta có thể quan sát suy nghĩ của ta vọt lên như thế nào và ta có thể thực tập không nhai lại những suy nghĩ đó. Ta định tâm vào hơi thở và vào sự im lặng, để cho chúng đến rồi đi.

Có nhiều người không thích ngồi yên. Thậm chí họ thấy rất đau nhức, khổ sở. Chỉ vì họ không biết cách buông thư. Có một người phụ nữ quyết định là sẽ không bao giờ thiền tập nữa, chỉ vì cô ta thực tập không thành công. Tôi mời cô ta đi bộ với tôi, tôi không gọi là thiền hành, nhưng chúng tôi đi rất chậm và rất ý thức, thường thức không khí trong lành, tận hưởng những bước chân đặt trên mặt đất, và chỉ đi với nhau như vậy thôi. Khi trở về, hai mắt cô sáng lên, tuối mắt trở lại và thấy lòng quang đặng hơn.

Chỉ cần ta để ra vài phút cho bản thân làm lắng dịu thân thể, cảm thọ, tri giác bằng cách này thì niềm vui sẽ xuất hiện. Niềm vui của sự yên tĩnh sẽ trở thành thức ăn trị liệu hằng ngày của chúng ta.

Đi bộ là một cách tuyệt hảo để thanh lọc tâm mà không cần phải cố gắng. Ta không nói: "Bây giờ tôi phải thiền tập," hay, "Bây giờ tôi sẽ không suy nghĩ." Chúng ta chỉ đi thôi, và khi ta tập trung vào việc đi thì niềm vui và ý thức sẽ phát khởi một cách rất tự nhiên.

Để thực sự thường thức từng bước chân khi đi, ta phải cho phép tâm ta buông bỏ hoàn toàn những lo lắng và kế hoạch. Ta không cần phải mất nhiều thời gian và nỗ lực để dừng suy nghĩ. Chỉ cần một hơi thở vào trong chánh niệm là ta đã có thể dừng lại rồi. Thở vào, ta bước một bước. Với hơi thở vào này, ta mất hai, hoặc ba giây để dừng lại những tâm hành đang vọng động. Nếu đài NST (Suy nghĩ liên tục) vang lên, đừng để cho năng lượng tán loạn lòng vòng này lôi kéo ta như

một cơn lốc xoáy. Nhiều người trong chúng ta cứ để cho tình trạng này xảy ra liên tục. Thay vì sống hạnh phúc, ta để cho mình bị cuốn quét nhiều lần trong ngày, từ ngày này sang ngày khác. Với sự thực tập chánh niệm, ta có thể an trú trong giây phút hiện tại, vì chỉ có trong giây phút hiện tại thì sự sống và những màu nhiệm của nó mới có thực và có mặt cho ta.

Ban đầu có thể ta cần nhiều thời gian hơn, có thể 10 hay 20 giây thở trong chánh niệm thì suy nghĩ mới ra đi. Ta có thể bước một bước với hơi thở vào và một bước với hơi thở ra. Nếu tâm ta lang thang thì ta nhẹ nhàng đưa tâm về với hơi thở. 10 hay 20 giây là nhiều lắm. Một cái vọng thức, một hành động bộc phát chỉ cần một phần nghìn giây để phát khởi. Cho mình 20 giây là cho mình 20 nghìn lần của một phần nghìn giây để dừng lại cơn tàu suy nghĩ. Nếu muốn, ta có thể cho ta thêm thời gian.

Trong khoảng thời gian này, ta có thể nếm được hạnh phúc, niềm vui sướng của việc dừng lại. Trong khi dừng lại, cơ thể ta có khả năng trị liệu. Tâm ta cũng có khả năng trị liệu. Không một ai và không một thứ gì có thể ngăn cản ta tiếp tục chế tác niềm vui sướng trong khi ta bước bước thứ hai hay thở hơi thở thứ hai. Bước chân và hơi thở của ta luôn có mặt đó để giúp ta trị liệu cho chính mình.

Khi bước đi, có thể tâm ta bị thúc đẩy hoặc lôi kéo bởi tập khí tham đắm, giận hờn sâu dày và lâu đời. Thực tế, tập khí này luôn thúc đẩy ta bất kể ta đang làm gì, kể cả khi ta đang ngủ. Chánh niệm có khả năng nhận diện tập khí này. Nhận diện nó, mỉm cười với nó và tắm nó trong chánh niệm, trong sự im lặng ấm áp và bao la. Với sự thực tập này, ta có khả năng buông bỏ được tập khí tiêu cực. Trong khi đi, khi nằm, khi rửa bát, khi đánh răng, ta có thể để cho sự im lặng ấm áp và bao la này ôm lấy ta.

Im lặng không có nghĩa là không nói. Hầu hết những tiếng ồn ào náo loạn mà ta nếm trải là những cuộc độc thoại trong đầu. Chúng ta suy đi nghĩ lại lòng vòng. Vì vậy, khi bắt đầu ăn, ta nhắc nhở chính mình là chỉ ăn những thức ăn nuôi dưỡng mà không ăn những suy nghĩ. Ta thực tập chú tâm đến việc ăn. Không suy nghĩ, chỉ ý thức



đến thức ăn và những người chung quanh.

Điều này không có nghĩa là ta không được suy nghĩ hay đề nên suy nghĩ của ta. Đơn giản là khi đi, ta hiến tặng cho ta một sự nghỉ ngơi không suy nghĩ, bằng cách đưa sự chú tâm vào hơi thở và bước chân của mình. Nếu thật sự muốn suy nghĩ về điều gì đó, ta có thể dừng lại để suy nghĩ về vấn đề đó với tất cả sự chú tâm của ta.

Thở và đi trong chánh niệm cho phép ta tiếp xúc được với những mẫu nhiệm của sự sống chung quanh ta, những suy nghĩ tán loạn sẽ tan biến đi rất tự nhiên. Ý thức được những mẫu nhiệm đang có mặt đó cho ta, giúp cho hạnh phúc của ta phát khởi. Nếu có trăng tròn trên trời mà ta bận suy nghĩ thì trăng sẽ biến mất, nhưng nếu ta chú tâm vào trăng thì suy nghĩ của ta sẽ dừng lại rất tự nhiên. Ta không cần phải ép buộc hay la rầy mình, cũng không cần cấm mình suy nghĩ.

Im lặng không nói. Nếu ta có khả năng hiến tặng cho ta một sự im lặng sâu lắng hơn, không suy nghĩ thì trong sự yên lặng đó, ta có thể tìm thấy sự nhẹ nhàng và tự do tuyệt hảo.

Từ suy nghĩ, ta chuyển sự chú tâm về định trên những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại, đó là sự thực tập chánh niệm căn bản. Ta có thể thực tập điều này bất cứ lúc nào, ở đâu, và ta sẽ thấy thích thú hơn trong cuộc sống. Dù đang nấu ăn, làm việc, đánh răng, giặt áo hay ăn cơm, ta cũng có thể thưởng thức sự im lặng tuối mát trong suy nghĩ và lời nói của ta.

Thực tập chánh niệm đích thực không yêu cầu ta phải ngồi thiền hay để tâm về những hình thức bên ngoài, mà đòi hỏi ta phải nhìn sâu để thưởng thức được sự tĩnh lặng bên trong. Nếu không làm được điều này, ta không thể chăm sóc được năng lượng bạo động, sợ hãi, hèn nhát và hận thù trong ta.

Khi tâm ta đang ồn ào hay phóng đi mà ta đi tìm sự yên tĩnh bên ngoài thì đó chỉ là một hình thức lừa gạt. Nhưng nếu tìm được một không gian tĩnh lặng trong lòng, thì không cần phải cố gắng, chúng ta cũng tỏa chiếu được bình an và niềm vui sống. Ta có khả năng giúp đỡ người khác, có khả năng tạo ra một môi trường có công năng trị liệu hơn mà không cần phải phát ra một lời nào.

(Trích từ sách *Tĩnh lặng*
của Thiền Sư Nhất Hạnh)



MÂY BAY ĐI

*Bước xuống mây mây bay đi
Ngồi quán quanh muôn hồng ngàn tia
Tìm cả môi tím cả khung trời
Áo của cha nắng mẹ chia riêng từng côi.*

*Cầm hạt sỏi hỏi bao lần sinh tử
Lựa mùa thu sao dệt áo mưa rào
Ngày ghé lại đôi xanh xưa đã hẹn
Ngó cuộc đời chẵn gói cuốn lao xao.*

*Mai nói lại trăm bờ đại hải
Giữa muôn năm sẽ đứng đợi chờ
Đôi mắt cũ nguyên màu hoa dại
Của em tôi và trời đất ban sơ.*

*Mặt trời ngã tà dương rơi mờ mịt
Ôi một ngày hòa thượng sẽ như mây
Ta sẽ khóc một ngày tận thế
Ôi một ngày cây lá rủ nhau bay.*

thơ **LÝ THỪA NGHIỆP**

NGHIỆP ĐEN THÌ TỰ ĐI XUỐNG

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đức Phật dạy về nhân quả thật rõ ràng. Ai gây nhân tạo mười loại nghiệp bất thiện thì chịu quả đi đến ác xứ, không thể đổi khác được.

"Một thời Phật du hóa tại Na-lan-đà, ở xóm Tường, rừng Nai. Bấy giờ A-tư-la thiên có người con là Già-di-ni, sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nơi Đức Phật, cúi lạy dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên. Già-di-ni, con trời A-tư-la bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, các người Phạm chí cao ngạo tự cho ngang bằng trời. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời. Thế Tôn là Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.

Thế Tôn bảo rằng:

- Nay Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thầy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: 'Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không?

Già-di-ni thưa rằng: Không thể được, bạch Thế Tôn! ...

- Nay Già-di-ni, cũng như cách thôn không



bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên'. Nay Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên

việc đó mà sẽ nổi lên không?

Già-di-ni trả lời rằng: Không thể được, bạch Thế Tôn!

- Cũng vậy, nay Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đến đều chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều đó không thể có được. Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ".

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Nghiệp tương ưng, kinh Già-di-ni, số 17 [trích])

Đức Phật dạy về nhân quả thật rõ ràng. Ai gây nhân tạo mười loại nghiệp bất thiện thì chịu quả đi đến ác xứ, không thể đổi khác được. Nghiệp xấu do chúng ta tạo ra rồi tự chiêu cảm lấy quả khổ, không ai có thể cứu vớt hoặc xoay chuyển làm cho tốt lên được.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, cầu nguyện, kêu gọi, van lơn không thể làm cho nhân xấu trở thành quả tốt. Trường hợp này, thân nhân chỉ còn cách làm những điều phước thiện rồi hồi hướng cho người thân đọa nơi ác xứ hay mượn tiếng kẻ lời kinh khai thị cho họ thức tỉnh, biết sám hối lỗi lầm, chuyển hóa dần ác nghiệp để từng bước đi lên.

Tạo nghiệp ác rồi bị đọa lạc nơi cảnh khổ hay biết sám hối phục thiện và chuyển hóa ác nghiệp để vươn lên đều vận hành theo nhân quả, do sự tạo tác thiện nghiệp hay ác nghiệp của mỗi người.

Bụi đời trong mắt tôi

THÍCH THÁI HÒA

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mỗi khi ngồi vào bàn vi tính (computer) để làm việc, tôi ngồi thật yên lặng, chấp tay lại, sau đây:

*"Làm việc bằng vi tính
xin nguyện cho mọi loài
biết sử dụng khoa học
làm sạch cõi trần ai".*

Cõi trần ai là cõi của bụi nên ở đâu ta cũng thấy không khí bị ô nhiễm, hơi thở bị ngột. Ngột từ gia đình đến xã hội và tôn giáo.

Bụi không đơn thuần chỉ thuộc về vật chất mà còn là thuộc về tinh thần nữa.

Những âm thanh không lành mạnh, không trong sáng, ta nghe làm cho ta vẫn đục tâm hồn. Chính âm thanh ấy là bụi. Những hương vị và mùi vị không trong sáng, không lành mạnh, ta tiếp xúc, làm cho ta vẫn đục tâm hồn. Chính hương vị và mùi vị ấy là bụi.

Những sự nhớ nghĩ nào làm cho ta u ám và vẫn đục tâm hồn, thì sự nhớ nghĩ ấy là bụi.

Bởi vậy, bất cứ sự tiếp xúc nào mà làm cho ta bị vẫn đục tâm hồn, thì sự tiếp xúc của ta đều là sự tiếp xúc với bụi.

Nên, bụi rất thô mà cũng rất tinh tế. Bụi thô ta dễ nhận ra để khắc phục, nhưng bụi bám tinh tế và thâm sâu, ta rất khó nhận ra, khó phòng hộ và rất khó tẩy trừ, nếu ta không thiết lập bản nguyện bằng những quyết tâm và định tâm.

Bụi đời được tạo nên không đơn thuần là những hạt bụi vật chất mà còn là những hạt bụi của tâm.

Ở nơi nào có đất, ở nơi đó có bụi của đất; ở nơi nào có nước, ở nơi đó có bụi của nước; ở nơi nào có lửa, ở nơi đó có bụi của lửa; ở nơi nào có gió, ở nơi đó có bụi của gió; ở nơi nào có không khí, ở nơi đó có bụi của không khí; ở nơi nào có nhận thức, ở nơi đó có bụi của nhận thức; ở nơi nào có hiểu biết, ở nơi đó có bụi của hiểu biết; ở nơi nào có ngôn ngữ, ở nơi đó có bụi của ngôn

ngữ; ở nơi nào có tâm thức vận hành, ở nơi đó có bụi của tâm thức vận hành; ở nơi nào có tình cảm ở nơi đó có bụi của tình cảm.

Vì bụi bám có mặt cùng khắp như vậy, nên người xưa đã gọi cõi này là cõi trần ai hay là cõi bụi đời.

Ta sống trong cõi bụi đời như vậy, mở mắt ra thì mắt ta bị xoắn, nhưng nhắm mắt lại mà bước đi, thì bị sa ngã hố hãm, rơi vào chàm bầy.

Nên, sống giữa trần ai, nhắm mắt hay mở mắt, ta không thể thoát ra khỏi tình trạng của bụi bám và những hiểm nghèo do bụi bám đem lại. Chính đó là một trong những nỗi khổ căn để và thường tạo ra những bi đát cho thân phận con người.

Vậy, có hướng nào giúp ta thoát khỏi tình trạng ấy không? – Có chứ. Ta sống với niềm tin cao thượng và ta phải biết biến niềm tin cao thượng ấy trở thành hiện thực trong đời sống hằng ngày của chúng ta, là ta có khả năng lọc bụi từ bên ngoài, khiến chúng không thể đi vào trong đời sống của ta một cách tự do.

Bụi đời đi vào trong đời sống của ta một cách tự do, là do ta sống không có niềm tin và hạnh nguyện nào cả. Hay chỉ là niềm tin và hạnh nguyện suông mà không biết biến niềm tin và hạnh nguyện trở thành những hành động thiết thực trong đời sống hằng ngày của chúng ta.

Ta không biến niềm tin và bản nguyện trở thành hiện thực trong đời sống của chúng ta, thì đời sống của chúng ta chẳng khác nào một cái ghè chứa bụi và bất cứ loại bụi gì trong cõi đời này đều có thể rớt vào trong cái ghè chứa bụi của ta, khiến cho đời sống của ta chỉ là bụi với bụi.

Nên, ta muốn phòng hộ và chuyển hóa bụi bám trong đời sống của ta, là ta phải sống có niềm tin hay bản nguyện, và phải biết biến niềm tin cao thượng hay bản nguyện ấy trở thành hiện thực trong đời sống hằng ngày của chúng ta.

Ta phải biết thực tập niềm tin cao thượng hay bản nguyện luôn luôn đi kèm với chánh niệm hay chánh kiến.

Niềm tin cao thượng hay bản nguyện đi kèm với chánh niệm, là niềm tin hay bản nguyện ấy luôn luôn có mặt hiện tiền trong mỗi động tác sinh hoạt bình thường của ta. Ta ăn cơm hay uống nước, thì niềm tin hay bản nguyện ấy đều có mặt một cách rõ ràng trong hành động ăn, hay trong hành động uống của ta. Ta mặc áo quần, tắm rửa, đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc cũng đều như vậy. Nghĩa là ta phải thực tập làm như thế nào đó, để niềm tin và bản nguyện của ta luôn luôn có mặt trong mọi động tác hằng ngày của ta, đó gọi là thực tập niềm tin cao thượng và bản nguyện đi kèm với chánh niệm.



Ta thực tập miên mật như vậy, thì mọi loại bụi đời không thể đi vào trong đời sống của ta và không thể khuấy lấp niềm tin cũng như bản nguyện của ta. Ta có tự do đối với các loại bụi đời.

Ta cũng có thể thực tập niềm tin cao thượng và bản nguyện đi kèm với chánh kiến. Nghĩa là ta làm bất cứ cái gì là ta nhìn thật sâu sắc vào cái đó, để thấy được sự thật của việc ta làm ở nơi cái đó, khiến cho niềm tin và bản nguyện của ta không bị lầm lẫn mà sáng lên từ nơi việc làm ấy. Và không những chỉ sáng lên, mà còn thấy một cách tường tận những tập khởi nhân duyên và hiệu quả khởi sinh của niềm tin và bản nguyện, khiến ta không bị lầm lẫn giữa bản chất niềm tin và bản nguyện của nhân duyên này với nhân duyên kia; không lầm lẫn giữa những tác dụng niềm tin và bản nguyện của nhân duyên này với nhân duyên kia; không bị lầm lẫn giữa những hậu quả của niềm tin và bản nguyện này với niềm tin và bản nguyện kia; không lầm lẫn giữa căn bản niềm tin này với căn bản của niềm tin kia và không lầm lẫn giữa căn bản của bản nguyện này với căn bản của bản nguyện kia.

Thực tập theo phương pháp này, ta không những chỉ làm cho niềm tin cao thượng và bản nguyện của ta không bị rơi mất, trong từng niệm hiện tiền qua các sinh hoạt bình thường của cuộc sống, mà còn làm cho niềm tin cao thượng và bản nguyện của ta tươi nhuận và sáng lên từ những sinh hoạt bình thường ấy của ta, khiến cho những bụi bặm tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định không thể sinh khởi trong đời sống hằng ngày của ta.

Và trong đời sống của ta, các loại bụi bặm này không có điều kiện để bám vào, thì các loại bụi bặm của hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc chạm cũng như những ngoại cảnh bên ngoài và những ảnh tượng hay ấn tượng bên trong, không còn chỗ để bám víu nơi đời sống của ta, nên khiến cho thân tâm ta có sự nhẹ nhàng, trong sáng và tự do một cách tự nhiên.

Do đó, ta phải biết thực tập niềm tin cao thượng hay bản nguyện đi kèm với chánh niệm hay chánh kiến, là ta có khả năng phòng hộ và chuyển hóa bụi bặm cho thân tâm ta, khiến thân tâm ta luôn luôn hòa điệu với nhau trong sự nhẹ nhàng, tươi vui và trong sáng giữa những bụi bặm của cuộc đời.

Ta sống không trong sáng và không tươi vui là do thân tâm ta bị bám đầy bụi đời.

Cũng vậy, chiếc máy vi tính của ta không hoạt động được là do chiếc máy vi tính đã bị bụi của vi tính bám vào quá nhiều, khiến cho máy mất hiệu năng và phương hướng hoạt động, hoặc máy có khởi động, nhưng không biểu hiện được những gì mà chức năng của máy vi tính vốn có.

Bởi vậy, trong máy vi tính có một bộ phận lọc và quét bụi, gọi là refresh.

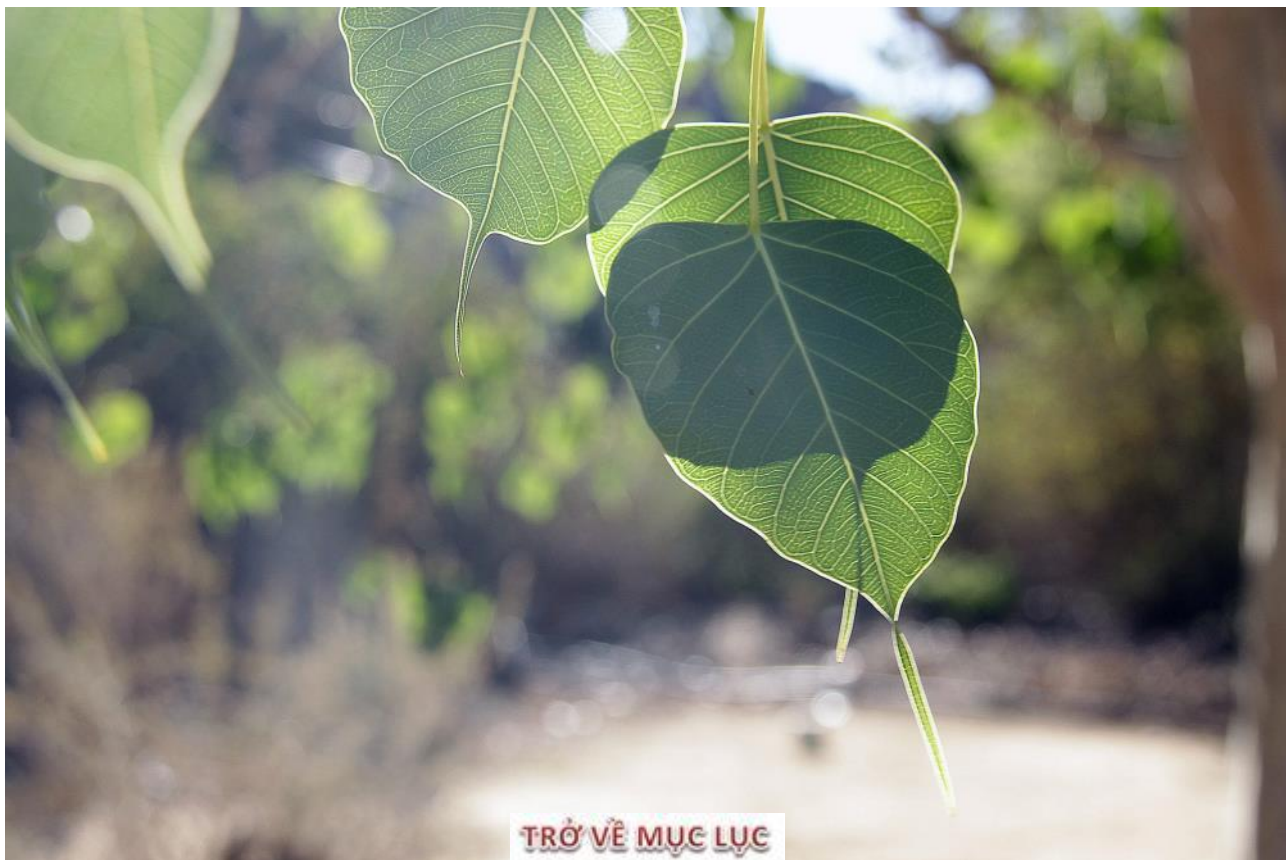
Ta sử dụng refresh cho máy vi tính là ta giữ gìn sự trong sáng của máy, trước khi ta vào các chương trình và sau khi ta kết thúc các chương trình.

Cũng vậy, ta muốn giữ gìn sự trong sáng, nhẹ nhàng và đầy sức sống cho thân và tâm ta, là ta phải thắp sáng niềm tin, chánh niệm và chánh kiến cho thân tâm ta, trước khi ta hành động, trong khi ta đang hành động và lại tiếp tục sau khi ta đã hành động.

Ta thực tập miên mật như vậy thì tuy bụi đời có đó và ngàn đời vẫn có đó, nhưng chúng không hề gây được ảnh hưởng đến thân và tâm ta.

Dù ta đang có mặt giữa cuộc đời, ta vẫn ăn uống, nói cười, làm việc tiếp xúc với tất cả, nhưng ta vẫn có được những phong thái tự do, bởi vì trong ta đã có niềm tin, chánh niệm và chánh kiến hiện tiền hay đã có refresh bảo chứng cho ta trong từng khoảnh khắc của sự sống. Chúng ta không cần phải lý luận nhiều, chỉ cần nỗ lực thực tập đúng pháp, hiệu quả tốt đẹp tự nó sẽ dẫn sinh, mà không cần phải mong đợi.

Bây giờ cuộc sống là hạnh phúc và ta là hạnh phúc trong cuộc sống ấy.





VỀ NGUỒN

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

1/ Nguồn

Con người được sinh ra đời, sống trong cuộc đời nhưng càng lớn lên càng cảm thấy mình như vẫn thiếu thốn cái gì, như vẫn là một người thất lạc. Rồi người ta bù đắp sự thiếu thốn ấy bằng danh vọng, tiền tài, quyền lực, bằng tình yêu và thậm chí bằng cả những điều xã hội không cho phép như các tệ nạn nhậu nhẹt, ma túy...

Sự thiếu thốn, thất lạc ấy được diễn tả nhiều trong văn chương và triết học: sự nhớ về quê hương hữu thể (Nostalgie de L'Être). Quê hương Hữu thể ấy văn chương và tôn giáo thường gọi là nguồn. Như Bùi Giáng đặt tên cho tập thơ đầu tiên của mình là *Mưa Nguồn*, và cả cuộc đời ông là một hành trình trở về quê hương, trở về nguồn.

Tâm tình một néo Quê Chung

Đường về Cổ Quận muôn trùng ta đi.

Đây là hai câu thơ của Huy Cận, nhưng Bùi Giáng đã viết nhiều lần trong thơ, khiến nhiều người tưởng là của ông, vì thấy cuộc đời ông cũng như thế thật.

Quê hương, gốc nguồn là một điều ám ảnh Bùi Giáng cả đời, và đó là nỗi ám ảnh đã làm nên sự nghiệp thơ ca của ông:

Hỏi quê rằng biển xanh đâu

Hỏi tên rằng mộng ban đầu đã xa.

Chữ "nhớ" được nhắc rất nhiều lần trong thơ ông:

...Ngỡ về em có nhớ không

Bóng vang đầu nước hình lồng cuối sân

....

Mùa mây trên thánng năm còn

Ngày vui thứ nhất trái tròn sơ nguyên

Dấu Tân ngã nhánh nghiêng nghiêng

Ôi người cổ quận nhìn em phương nào.

(Đi tìm)

Trong bài thơ viết về Đà Lạt, một nơi chốn hiện còn trong cuộc sống mỗi người, ông lại nhớ về một non nước đã mất mát, đã chia biệt không còn ai biết nơi đâu. Bài thơ kết thúc bằng bốn câu:

Non nước ấy chìm đâu em có biết

Dưng bên trời để nhớ để quên đi

Màu nước chảy để dư vang chia biệt

Vọng miền man trường hận thở than gì.

Với Hàn Mặc Tử, sự thất lạc, mất mát, sự bị bỏ rơi ấy còn khốc liệt hơn:

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?

Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?

Sao bỗng phương nở trong màu huyết

Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu.

(Những giọt lệ).

Martin Heidegger, một trong vài triết gia quan trọng nhất thế kỷ 20, mà chủ đề của ông là sự bỏ quên hữu thể hay bản tánh (l'oubli de l'Être, Seinsvergessenheit). Chính vì sự bỏ quên hữu

thể này mà con người đang ở trong một thời đại nguy hiểm. Hữu thể hay bản tánh còn được ông nói đến bằng những từ Nguồn gốc (Ursprung), Quê hương (Heimat), cái Thiêng liêng...

Quê hương đích thực, cội nguồn là nơi chốn mà triết học và thơ ca, tiểu thuyết luôn luôn tìm kiếm, bởi vì con người sinh ra đời trong một sự mất cội nguồn.

Nhan đề một cuốn sách của Albert Camus là *L'exil et le Royaume* được dịch là *Lưu đầy về Quê nhà* (Trần Phong Giao và Vũ Đình Lưu dịch, Giao Điểm 1965). Trong Kinh Thánh và Kinh Pháp Hoa đều có câu chuyện chàng thanh niên khốn khổ quên mất đường về quê hương và khó nhọc tìm về.

2/ Nguồn như là đích đến của con đường Phật giáo

Số phận con người là lưu lạc và nó chỉ chấm dứt được sự lưu lạc khổ đau khi về đến quê hương:

Khách lâu ngày ly hương

An toàn từ xa về,

Bà con cùng thân hữu

hoan đón chào mừng.

(Pháp Cú, Phẩm Hỷ Ái, 219, HT Thích Minh Châu dịch)

Quê hương, nhà, nguồn được nói nhiều trong kinh điển, ở đây chỉ nói về chữ Nguồn.

Những *Kinh Đại Bát Nhã* nói "*Bát nhã, trí huệ tánh Không, sanh ra chư Phật, là mẹ của chư Phật*". Như thế nghĩa là tánh Không là mẹ, là nguồn sanh ra chư Phật.

Chư Phật chứng ngộ hoàn toàn tánh Không, thị hiện ra đời từ tánh Không, thuyết pháp và làm việc trong tánh Không, và nhập diệt là lại nhập vào tánh Không. Chúng sanh cũng thế, sanh ra đời với nghiệp tốt và nghiệp xấu của mình từ tánh Không, hiện hữu trong tánh Không, và chết đi với nghiệp tốt nghiệp xấu của mình trong tánh Không. Tất cả vũ trụ chúng sanh đều nghiệp tốt và nghiệp xấu đều không thể ra ngoài tánh Không, không thể ra khỏi Nguồn tánh Không, dù có biết hay không biết. Trong *Kinh Đại Bát Nhã* còn nói tánh Không đồng nghĩa với tánh Như.

Kinh *Đại Bát Niết Bàn* nói, "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Hơn nữa, "Chúng sanh tức là Phật tánh; Phật tánh tức là chúng sanh" (phẩm *Bồ Tát Ca Diếp*). Phật tánh "đều có" nơi tất cả chúng sanh nghĩa là Phật tánh là nguồn của tất cả chúng sanh. Và Phật tánh "tức là" tất cả chúng sanh nghĩa là Nguồn Phật tánh ấy vẫn thường hằng có mặt nơi chúng sanh, không vì nghiệp của chúng sanh mà hư hoại. Chúng

sanh tức là nguồn Phật tánh nghĩa là chúng sanh vốn là Phật, như *Kinh Viên Giác* nói, "Chúng sanh bốn lai thành Phật".

Một Tantra căn bản của Đại Toàn Thiện có nhan đề là *Supreme Source*, Kunjed Gyalpo, do Chogyal Namkhai Norbu và Adriano Clemente dịch và giảng, nxb Thiện Tri Thức 2018. Dịch ra tiếng Việt là *Nguồn Tối Thượng* Kunjed Gyalpo, Tantra Căn bản của Dzogchen Semde.

Nguồn chung ấy, theo *Kinh Hoa Nghiêm* là:

*Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật, và chúng sanh
Cả ba không sai khác*

(Đạ Ma cung kệ tán, thứ 20).

Nói cách khác, tâm, Phật và chúng sanh, cả ba đồng nguồn.

3/ Về đến nguồn

Tất cả những con đường, những phương pháp, những pháp môn Phật giáo đều đưa chúng ta về đến nguồn ấy. Ở đây trích một ít kinh thông tin cho biết về đến nguồn sẽ như thế nào để người thực hành có thêm đam mê, động lực mà đi tới cùng.

- Theo *Kinh Đại Bát Nhã*, nguồn ấy là "không có chỗ trụ" (vô sở trụ). Và vì nguồn không ở riêng một nơi nào cả nên nguồn ấy ở khắp tất cả chỗ, trong mọi không gian, trong mọi thời gian.

Về đến quê nhà thì thấy khắp cả đều là quê nhà, nghĩa là đều là tánh Không, tánh Như. Thế nên *Kinh Viên Giác* nói:

"Vì tất cả vốn là Giác vậy" (Chương Bồ tát Phổ Nhãn).

Kinh Kim Cương nói:

"Như Lai tức là nghĩa Như của tất cả các pháp... Thế nên Như Lai nói: Tất cả các pháp đều là Phật pháp".

Thiền sư Thường Chiếu (?- 1203) có hai bài kệ:

*Ở đời làm thân người
Tâm là Như Lai tạng
Chiếu sáng khắp muôn phương
Tìm đó lại trông không.*

Và:

*Đạo vốn không nhan sắc
Mỗi ngày mỗi mới khoe
Ngoài vô số cõi nước
Nơi đâu chẳng phải nhà.*

Người chứng ngộ được nguồn tâm, "Tâm là Như Lai tạng" thì ở đâu cũng là quê hương, là nhà, là cõi nguồn, "Nơi đâu chẳng phải nhà".

- Khi về đến nguồn thì cảnh giới sanh tử bất tịnh của chúng sanh được chuyển hóa thành cảnh giới thanh tịnh Như Lai. Đó là vì tâm vô minh phân biệt bất tịnh của chúng sanh đã trở về nguồn tâm vốn thanh tịnh của Như Lai.

"*Đại Bồ tát dùng trí huệ vô ngại biết tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai. Biết tất cả cảnh giới ba đời, tất cả cảnh giới các cõi, tất cả cảnh giới của pháp, tất cả cảnh giới chúng sanh, cảnh giới chân như không khác biệt, cảnh giới pháp giới không chướng ngại, cảnh giới không có cảnh giới, đều là cảnh giới Như Lai*".

(*Kinh Hoa Nghiêm*, phẩm Như Lai Xuất Hiện thứ 37).

Khi về đến nguồn thì tất cả mọi cảnh giới của chúng sanh, núi sông, đất đai, cây, đá... đều là cảnh giới của nguồn tánh Không - tánh



BÓN MÙA VI VU

*Từ tôi bỏ lại phố phường
Ngõ như chẳng nhớ nhưng đường
chưa quên*

*Nỗi niềm lay lắt không tên
Hồn mang mang lắm đời mênh mộng đời*

*Từ tôi ra khỏi cuộc chơi
Thị phi bỏ lại không lời phân bua
Đành rằng lắm những thiệt thua
Thôi thì lau lách bốn mùa vi vu*

*Từ tôi nhận diện thân-thù
Chính mình là kẻ thậm ngu nhất trần
Thịnh suy trong tục xoay vần
Mai kia về lại rất gần suối mơ*

*Từ tôi rất mực tình cờ
Yêu em mấy độ đến giờ còn say
Trời sao dài lắm tháng ngày
Bây chừ chưa hết người hay chẳng người.*

thơ

THANH NGUYỄN

Át Lăng thành, 09/22

Như thanh tịnh vậy.

- Các *Kinh Đại thừa* thường nói, "sanh tử tức là Niết bàn". Ở đây trích một câu trong *Kinh Viên Giác*, phẩm *Phổ Nhãn*, để hiểu ở nguồn thì sanh tử và chúng sanh sẽ được thấy như thế nào.

"Mới biết chúng sanh xưa nay thành Phật, sanh tử Niết bàn giống như giấc mộng đêm qua".

"Sanh tử Niết bàn giống như giấc mộng đêm qua": Sanh tử và Niết bàn đồng là tánh Không, đồng một nguồn tánh Không - tánh Như. "Mới biết chúng sanh xưa nay thành Phật": chúng sanh và chư Phật đều đồng nguồn, đều xuất hiện từ đồng một nguồn tánh Không - tánh Như.

Đồng nguồn, đó là đại từ đại bi.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ - CANADA

THÔNG BÁO SỐ 1

**KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 10
CALIFORNIA 2023**

Ngày 29 tháng 10 năm 2022

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch Chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni
Kính thưa quý Phật tử,

Sau ba năm gián đoạn do COVID 19, vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ lần thứ 10 năm 2023 sẽ được trang nghiêm tổ chức tại Miền Nam California như sau:

Địa điểm:

The LODGE at Big Bear Lake, a Holiday Inn Resort
40650 Village Drive, Big Bear Lake, CA 92315 ~ Tel. (909) 866-3121

Thời gian:

Từ ngày Thứ hai 31 tháng 7, đến Thứ năm 3 tháng 8, năm 2023 (4 ngày 3 đêm), bắt đầu check in lúc 1 giờ chiều Thứ hai và check out lúc 11 giờ sáng Thứ năm.

Chi phí khách sạn rất cao tại thành phố du lịch Big Bear, cho nên để tạo điều kiện dễ dàng cho quý học viên về tham dự, khóa tu phải tổ chức vào ngày thường để được giá tốt.

Lệ phí: \$400/người

Xin hoan hỷ gửi chi phiếu cùng lúc gửi phiếu ghi danh vì ban tổ chức phải deposit chi trả từng phần cho khách sạn mỗi tháng. Gia đình có nhiều người phát tâm đồng về tham dự khóa tu học thì những người sau đóng mỗi vị \$300.

Ghi danh: Xin điền **Phiếu ghi danh** tham dự và **ngân phiếu** gửi bằng bưu điện về:

Tu Viện Liên Hoa Sanh, PO Box 2864, Big Bear City, CA 92314

(Lưu ý: Thư từ chỉ liên lạc qua đúng địa chỉ PO BOX trên, để tránh thư bị hồi trả lại)

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Hòa Thượng Thích Tuệ Uy

Trưởng Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 10
Viện Chủ Tu Viện Liên Hoa Sanh thành phố Big Bear
Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục

Chi phiếu xin về:

Tu Viện Hộ Pháp, Memo: Khóa tu Bắc Mỹ 10

Mọi chi tiết cần biết xin hoan hỷ liên lạc:

HT Thích Tuệ Uy: **(626) 377-1103**

SC Pháp Tạng **(714) 443-1210**, Phật tử Tú Anh **(858) 201-9859**

Email: khoatubacmy2023@gmail.com

GIẢ MÙ

Vua sai nhiều thợ thuở xưa
Phải làm công dịch rất ư nhọc nhằn
Lại còn ngược đãi bạo tàn
Bao người do đó chết oan nã nề
Vì đau khổ, vì thảm thê
Cho nên có gã thợ kia giả mù
Để mà trốn việc nhà vua
Quả nhiên mảnh lời kể như vẹn toàn
Gã này thoát cánh lâm than
Được vua cho phép bình an về nhà
Thế là chuyện đó đồn ra
Biết bao thợ khác nghe mà thấy ham
Muốn mù loà để không làm
Tính đường móc mắt mình. Làm lẫn thay!
Có người trong đám thợ này
Chợt đầu lên tiếng can ngay tức thì:
“Nếu ta mà móc mắt đi
Mù loà ta chẳng thấy chi mắt rồi
Thế là đau khổ suốt đời
Chớ nên dại dột, bạn ơi hãy ngừng
Thiếu gì cách dối quốc vương
Lừa vua mà tránh con đường khổ sai
Đừng làm công việc nguy tai
Đừng nên móc mắt cho hoài tâm thân.”

*

Ngâm ra trong cõi dương trần
Chút danh, chút lợi có ngần ấy thôi
Nhiều người ham muốn khôn nguôi
Cho nên phóng túng sống đời gian manh
Bao nhiêu giới luật tịnh thanh
Cứ luôn hủy phạm tạo thành khổ đau.

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

PRETENDING TO BE BLIND

Once upon a time, there was a trained craftsman who worked for the king. He could not bear the hardship and deceitfully said he was blind in order to release himself from the hard work.

On hearing it, another craftsman wanted to gouge out his own eyes so as to avoid the tiresome drudgery. Someone then asked him, "Why do you want to gouge out your eyes only to make yourself suffer more in another way?" Such a stupid man was laughed at by the people at large.

This is also held to be true with the common people.

For the sake of a little fame and gain, people are prone to tell wild stories and destroy their pure commandments. They will fall into the Three Evil Paths of Transmigration after their death, like that stupid man destroying his own eyes for a little benefit.

(Trích

“Sakyamuni’s One Hundred Fables”

do **TETCHENG LIAO**,

Tiến sĩ Luật khoa Đại Học Paris dịch)





TÌM HIỂU "KINH CĂN TU TẬP"

(Indriya Bhàvanà Sutta)

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

"Kinh Căn Tu Tập / Indriya bhàvanà sutta" là bài kinh cuối cùng trong số 152 bài kinh đăng trong Trung Bộ Kinh do cố Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ văn tạng Pali sang Việt văn. Bài kinh này, Đức Phật dạy cách kiểm soát cảm thọ và tư tưởng khi giác quan tiếp xúc với trần cảnh bên ngoài. Với cách này, cho thấy đường lối tu tập Phật dạy hoàn toàn khác biệt với đường lối tu tập của Bà-la-môn Pasariya dạy cho đệ tử. Bà-la-môn Pasariya dạy đệ tử không nên để mắt thấy sắc, không nên để tai nghe âm thanh, không nên để mũi ngửi mùi hương v.v... Phương thức này mang tính cách trốn chạy, tránh né, không dám để giác quan có cơ hội tiếp xúc với đối tượng bên ngoài thân. Như thế, lúc nào hành giả cũng phải nhắm mắt, bịt tai, bịt mũi... Điều này đối với người sống chắc chắn là không thể! Cho nên đối với Đức Phật, lối tu của Bà-la-môn không đúng, bởi ô nhiễm tham, sân, si... là do nơi tâm, chứ không phải do nơi các căn hay các pháp trần gây ra.

II. TÌM HIỂU "KINH CĂN TU TẬP" (INDRIYA BHÀVANÀ SUTTA)

A. KINH VĂN:

"Như vậy tôi nghe,
Một thời Thế Tôn ở Kajangala, tại Mukheluvana. Rồi thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Pasariya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Parariya đang ngồi một bên:

- Này Uttara, Bà-la-môn Pasariya có thuyết về căn tu tập cho các đệ tử không?

- Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pasariya có thuyết về căn tu tập cho các đệ tử.

- Nhưng này Uttara, Bà-la-môn Pasariya thuyết về căn tu tập cho các đệ tử như thế nào?

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, không nên thấy sắc với mắt, không nên nghe tiếng với tai. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pasariya thuyết căn tu tập cho các đệ tử.

- Nếu là như vậy, này Uttara, theo như lời nói của Bà-la-môn Pasariya, người mù sẽ là người có căn tu tập, người điếc sẽ là người có căn tu tập. Này Uttara, người mù không thấy sắc với mắt, người điếc không nghe tiếng với tai.

Khi được nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Uttara đệ tử của Pasariya ngồi im lặng, hổ thẹn, thụt vai, mặt cúi gằm xuống, trầm ngâm, không nói năng gì." (hết trích)

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- Chữ "Căn" dịch từ tiếng Pali là "Indriya" chỉ cho các giác quan như : Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Gọi là Nhân căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn,

Thân Căn, Ý căn.

Đoạn kinh này kể lại sự kiện thanh niên Bà-la-môn Uttara đến đánh lễ Đức Thế Tôn tại Kajangala, Mukheluvana. Trong dịp này, Đức Thế Tôn hỏi thăm thầy của thanh niên Bà-la-môn là Pasariya có giảng dạy pháp tu tập giác quan cho các đệ tử hay không? Nếu có thì phương thức tu tập như thế nào? Thanh niên Uttara cho biết là Đạo sư Pasariya có dạy pháp này, và cách tu tập của họ là không để mắt thấy sắc, không để tai nghe âm thanh.

Nghe thanh niên Uttara nói thế, Đức Thế Tôn có ý kiến rằng: Người mù không có mắt để thấy sắc, người điếc không nghe tiếng với tai. Ý nói, như vậy chẳng lẽ không cần tu tập, họ cũng đương nhiên thành tựu pháp tu này hay sao? Vì thực chất người mù không thấy sắc, người điếc không nghe được tiếng nói. Thanh niên Uttara nghe Đức Thế Tôn nói như thế, chỉ biết cúi mặt trầm ngâm không nói năng gì.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Uttara, đệ tử của Pasariya im lặng, hổ thẹn, thụt vai, mặt cúi gằm xuống, trầm ngâm, không nói năng gì, liền gọi Tôn giả Ananda và nói:

- Này Ananda, Bà-la-môn Pasariya thuyết cho các đệ tử căn tu tập một cách khác; nhưng trong giới luật các bậc Thánh, vô thượng căn tu tập khác như vậy.

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời! Bạch Thiện Thệ nay đã đến thời Thế Tôn thuyết vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh. Sau khi nghe Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này Ananda, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này Ananda, thế nào là vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo. Mắt thấy sắc, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khởi ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là aṇ òtinh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên dấu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Này Ananda, như một người có mắt, sau khi mở mắt, lại nhắm mắt lại, hay sau khi nhắm mắt, lại mở mắt ra, cũng vậy, như vậy là tăng độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập

đối với các sắc do mắt nhận thức.” (hết trích)

B. TÌM HIỂU Ý NGHĨA TỪ NGỮ VÀ NỘI DUNG:

- **Khả ý:** Vừa ý, dễ chịu, hài lòng.
- **Bất khả ý:** Không vừa ý, không dễ chịu, không hài lòng.
- **An tịnh:** Yên lặng, bình an, sự vắng mặt của trạng thái lăng xăng (vọng tưởng)
- **Thù diệu:** Tốt đẹp, phi thường, vi diệu, thù thắng.
- **Tâm xả:** Ở đây có nghĩa là tâm không dính mắc, trạng thái tâm quân bình, thanh thản nhưng không phải thờ ơ lãnh đạm, được xem là tâm an tịnh thù thắng, thù diệu.

Đoạn kinh này, Tôn giả Ananda thỉnh cầu Đức Phật thuyết giảng về pháp tu tập các căn trong giới luật bậc Thánh. Và Đức Phật đã giảng như sau:

- Khi mắt thấy sắc với tâm hài lòng, hay không hài lòng, hoặc chưa xác định (trung tính) xuất hiện, thì hành giả hãy tuệ tri rằng: “Hài lòng, hay không hài lòng hoặc chưa xác định, đã xuất hiện trong tâm. Cái gì xuất hiện thì hành giả nên dứt trừ (đoạn diệt) cái đó, chỉ giữ lại xả (xả tồn tại). Đức Phật dạy việc làm này thực hiện với một tốc độ mau chóng, dễ dàng, giống như một người mở mắt rồi nhắm mắt, hay nhắm mắt lại rồi mở mắt ra, với tốc độ nhanh chóng dễ dàng”. Đây là pháp vô thượng cần tu tập đối với các sắc, do mắt nhận thức.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Lại nữa này Ananda, Tỷ-kheo tai nghe tiếng khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Này Ananda, như một người lực sĩ có thể búng tay một cách dễ dàng; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy) và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng cần tu tập đối với các tiếng do tai nhận thức. (hết trích)

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- Nhĩ căn tiếp xúc với âm thanh, tức tai nghe âm thanh, tiếng nói, với sự hài lòng, hay không hài lòng, hoặc chưa xác định, hãy tuệ tri rằng: “Hài lòng, hay không hài lòng, hoặc chưa xác định, đã được xuất hiện. Cái gì xuất hiện trong tâm phải nên buông bỏ, dứt trừ, chỉ giữ lại Xả là trạng thái tâm an tịnh, thù thắng mà thôi!”. Pháp tu tập này được Đức Phật ví như một lực sĩ dùng sức búng ngón tay với một tốc độ mau chóng dễ dàng. Đối với giới luật bậc Thánh, đây là pháp vô thượng cần tu tập đối với âm thanh, tiếng nói, do tai nhận thức,

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Lại nữa này Ananda, Tỷ-kheo do mũi ngửi hương khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là

khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Này Ananda, như những giọt nước mưa chảy trượt đi, không có đọng lại trên một lá sen hơi chúc xuống; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng cần tu tập với các hương do mũi nhận thức. (hết trích)

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- Khi mũi ngửi mùi hương. Tương tự như đoạn kinh trên, khi mũi ngửi mùi hương với sự ưa hay không ưa hoặc chưa xác định, đã xuất hiện trong tâm, hành giả phải ý thức ngay rằng: “Ưa, hay không ưa, hoặc chưa xác định đã xuất hiện. Cái gì xuất hiện thì giác quan tiếp xúc với đối tượng thì mau chóng dứt trừ, không nên dính mắc, chỉ còn Xả”. Thực hiện việc làm này với tốc độ nhanh chóng, ví như những giọt nước mưa chảy trượt mau lẹ, không còn đọng lại trên những lá sen chúc xuống. Đây là pháp vô thượng cần tu tập đối với các mùi hương, do mũi nhận thức.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Lại nữa này Ananda, Tỷ-kheo do lưỡi nếm vị khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Này Ananda, như một người lực sĩ có thể nhổ ra một cách dễ dàng cục đờm đọng lại trên đầu lưỡi; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng cần tu tập đối với các vị do lưỡi nhận thức. (hết trích)

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- Khi lưỡi nếm vị (ngọt, mặn, đắng, cay v.v...) với sự hài lòng hay không hài lòng hoặc chưa xác định đã được xuất hiện, hãy tuệ tri rằng: “Hài lòng, hay không, hoặc chưa xác định đã được xuất hiện trong tâm. Cái gì xuất hiện do điều kiện thì nó thuộc về pháp hữu vi có dạng thô, phải dứt trừ chỉ giữ lại Xả với một tốc độ nhanh chóng”. Ví như người lực sĩ phun ra cục đờm đọng lại trên đầu lưỡi dễ dàng, nhanh chóng. Đó là pháp vô thượng cần đối với các vị (ngọt, mặn, cay, đắng...), do lưỡi nhận thức.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Lại nữa này Ananda, Tỷ-kheo thân cảm xúc khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: “Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả”. Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là

khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Nay Ananda, ví như một người có thể co duỗi cánh tay được co lại của mình, hay co lại cánh tay duỗi ra của mình; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các xúc do thân nhận thức. (hết trích)

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- Khi thân va chạm với sự hài lòng hay không hài lòng, hoặc chưa xác định đã xuất hiện, hãy tuệ tri rằng: "Hài lòng hay không, hoặc chưa xác định đã xuất hiện. Cái gì xuất hiện, có mặt dưới dạng thô, đều nên buông bỏ, chỉ giữ lại Xả với tốc độ nhanh chóng". Ví như một người duỗi tay ra, co tay lại, một cách dễ dàng. Đây gọi là pháp vô thượng căn tu tập đối với sự tiếp xúc, va chạm (sự mềm mại, êm ái, lạnh, nóng...), do thân nhận thức.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Lại nữa này Ananda, Tỷ-kheo ý nhận thức các pháp khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau: "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên đầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Nay Ananda, như một người cho nhỏ hai ba giọt nước trong một cái chậu bằng sắt đun nóng mỗi ngày, này Ananda, các giọt nước rơi rất chậm nhưng chúng bị tiêu diệt, biến đi rất mau; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các pháp do ý nhận thức.

Như vậy, này Ananda, là vô thượng căn tu tập trong giới luật của bậc Thánh. (hết trích)

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- Khi Ý nhận thức các pháp với sự hài lòng hay không hài lòng, hoặc chưa xác định khởi lên, hãy tuệ tri rằng: "Hài lòng hay không hài lòng, hoặc chưa xác định đã xuất hiện. Hãy mau chóng dứt trừ những cảm thọ này, chỉ giữ lại trạng thái Xả an tịnh thù thắng". Pháp thực tập này ví như từng giọt nước nhỏ rơi chậm chạp trong cái chậu sắt nóng, chúng bị tiêu diệt vì bốc hơi với tốc độ mau chóng. Phương pháp tu tập này gọi là vô thượng căn đối với các pháp, do Ý nhận thức.

Tóm lại, những điều Đức Thế Tôn thuyết giảng cho Tôn giả Ananda trong các đoạn kinh trên là khi các căn tiếp xúc các trần với sự hài lòng, hay không, hoặc chưa xác định, hành giả cần tuệ tri,

tức nhận biết rõ ràng một trong ba cảm thọ đang hiện diện trong tâm. Điểm cốt yếu là thực tập quán sát chánh niệm không để tâm bị cảm thọ lôi kéo. Cảm thọ hài lòng, hay không hài lòng ngay khi ấy tự tiêu diệt, chỉ còn lại trạng thái Xả. Xả là trạng thái tâm quân bình thanh thản. Đây mới là pháp "căn tu tập" tối thượng của những bậc Thánh, không chấp trước với các pháp trần khi giác quan tiếp xúc đối tượng.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Và này Ananda, thế nào là đạo lộ của vị hữu học? Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu ão, tầm quý, ghét bỏ. Sau khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp, vị ấy khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu ão, tầm quý, ghét bỏ. Như vậy, này Ananda là đạo lộ của vị hữu học. (hết trích).

B. TÌM HIỂU NỘI DUNG:

- **Bậc hữu học:** Chỉ những vị thánh đệ tử của Đức Phật tuy hiểu rõ Phật pháp, tu hành đạt được một trong các quả vị: Dự Lưu, Nhất Lai và Bất Lai, nhưng chưa hoàn toàn dứt sạch lậu

hoặc, nên vẫn còn phải nỗ lực tu học nên các vị đó được gọi là bậc hữu học. **Bậc Vô học** là những vị đã chứng quả A-La-Hán đạt được cứu cánh Niết-bàn. Các phương tiện pháp học pháp hành đều buông hết. Các vị này được xếp vào các bậc Vô học.

Về "Con đường tu tập của bậc hữu học", Đức Thế Tôn dạy rằng khi vị Tỷ-kheo mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, thức tưởng tượng, với tâm hài lòng, hay không hài lòng hoặc trung tính xuất hiện. Vị ấy xấu hổ vì để tâm dính mắc với cảm thọ nên ghét bỏ (yếm ly), không để tâm vương mắc với pháp trần nữa.

A. KINH VĂN (tiếp theo)

Và này Ananda, thế nào là bậc Thánh, các căn được tu tập? Ở đây, này Ananda, sau khi mắt thấy sắc, vị Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yếm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng yếm ly đối với (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng yếm ly. Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly và (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yếm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng yếm ly đối với (sự vật) không yếm ly và (sự vật) yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng



yếm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi sau khi từ bỏ cả hai yếm ly và không yếm ly, an trú xả, chánh niệm, tinh giác", thời ở đây, vị ấy an trú xả chánh niệm, tinh giác.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp, vị Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yếm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng ta an trú với tưởng yếm ly đối với (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng yếm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi an trú với tưởng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly và (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tưởng không yếm ly. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn: "Mong rằng tôi, sau khi từ bỏ cả hai yếm ly và không yếm ly, an trú xả, chánh niệm, tinh giác", thời ở đây, vị ấy an trú xả, chánh niệm, tinh giác.

Như vậy, này Ananda, là bậc Thánh, các căn được tu tập. (hết trích)

B. TÌM HIỂU Ý NGHĨA TỪ NGỮ VÀ NỘI DUNG

- **Yếm ly:** Có nghĩa là chán ghét, lìa bỏ.
- **Chánh niệm:** Nhớ đúng, biết đúng, biết không lời.
- **Tinh giác:** Cái biết sáng suốt, tinh thức.
- **Tưởng:** Gồm hình ảnh, ý tưởng, ấn tượng xảy ra trong tâm.

Về đường lối tu tập của các bậc Thánh nhân, Đức Phật giảng rằng khi giác quan tiếp xúc trần cảnh, dù hài lòng hay không hài lòng hoặc là trung tính, vị ấy mong gì thì đạt được đó. Đức Phật đề cập đến năm kết quả như sau:

1) Vị ấy mong rằng: **An trú với tưởng không nhằm chán với vật đáng được nhằm chán, thì liền được tưởng không nhằm chán**".

2) Hoặc mong rằng khi: **An trú với tưởng nhằm chán sự vật không đáng nhằm chán, thì liền an trú vào tưởng nhằm chán**".

3) Khi mong muốn **An trú với tưởng không nhằm chán vật đáng nhằm chán hoặc vật không nhằm chán, liền an trú trong tưởng không nhằm chán**".

4) Khi mong muốn **An trú với tưởng nhằm chán với vật không nhằm chán và vật nhằm chán, thì liền an trú vào tưởng nhằm chán**".

5) Hoặc khi mong rằng: **Sau khi từ bỏ cả hai thái độ nhằm chán và không nhằm chán, an trú trong xả, chánh niệm, tinh giác, thì liền an trú trong trạng thái xả, chánh niệm, tinh giác**".

Trên đây là kết quả tu tập qua các căn mà vị Thánh hữu học đạt được. Lúc ban đầu còn thái độ mong muốn "tưởng nhằm chán" hay "tưởng không nhằm chán" đối với cảm thọ "hài lòng, hay không hài lòng, hay trung tính" xuất hiện khi các căn tiếp xúc các trần. Bốn giai đoạn đầu, tâm vị Thánh chưa hoàn toàn thoát khỏi tưởng. Sau cùng tâm của vị ấy vượt qua khỏi hai thái độ nhằm chán, không nhằm chán, làm chủ được tư tưởng của mình, an trú trong Xả, Chánh Niệm, Tinh giác,

tức an trú trong bây giờ và ở đây. Vị ấy thực hành đúng theo nguyên tắc: Giới, Định, Huệ. An trú trong Xả tức không dính mắc với hai bên là Giới. Chánh niệm là Biết không lời. Biết không lời là đặc tính của tánh giác, tức Định. Tinh giác là cái biết rõ ràng sáng suốt là Tuệ. Như vậy, Chánh Niệm Tinh Giác là nền tảng tu tập đưa đến Giác ngộ, Giải thoát.

Tóm lại, trên đây là phương pháp tu tập khi các căn tiếp xúc với các trần, hành giả giữ chánh niệm không buông lung chạy theo pháp trần khiến tâm thức bị dao động. Thực hành đúng lời Phật dạy, thì dù hành giả ở bất cứ môi trường nào, chôn đống người hay nơi thanh vắng đều kiểm soát được giác quan và làm chủ được nhận thức của mình.

A. KINH VĂN (đoạn cuối)

Như vậy, này Ananda, Ta đã giảng vô thượng căn tu tập trong giới các luật bậc Thánh, đã giảng đạo lộ của bậc hữu học, đã giảng bậc Thánh, các căn được tu tập. Này Ananda, phụng gởi một bậc Đạo sư phải làm, vì lòng từ mẫn, mưu cầu hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy Ta đã làm cho các Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những chỗ trống. Này Ananda, hãy Thiên tư, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là những lời giáo giới của Ta cho các Ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tin thọ lời Thế Tôn dạy. (hết trích)

B. NỘI DUNG ĐOẠN KINH CUỐI:

Đoạn kinh cuối này, Đức Phật cho Tôn giả Ananda biết rằng: Vì mong muốn các đệ tử có được đời sống an lạc hạnh phúc nên Ngài đã giảng dạy phương thức tối thượng căn tu tập. Đây là đạo lộ tâm linh của các bậc Thánh hữu học. Đức Phật đã làm tròn phận sự của bậc Đạo Sư. Còn lại là phần thực hành của đệ tử. Đức Phật nhắc nhở Tôn giả Ananda cũng như các vị Tỷ-kheo hãy đến gốc cây, đến những chỗ thanh vắng tọa thiền, chớ có buông lung phóng dật để khỏi lo lắng hối hận về sau. Nghe lời Phật dạy, Ngài Ananda vô cùng hoan hỷ vâng lời làm theo.

III. CHÚNG TA HỌC ĐƯỢC GÌ TỪ "KINH VĂN TU TẬP" ?

Đọc nhiều lần bài kinh này, chúng ta rút ra bài học về cách tu tập các căn. Chúng ta biết rằng, sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chỉ là sáu cánh cửa tiếp xúc với trần cảnh một cách vô tội vạ. Mỗi cánh cửa tự nó lần lượt đón nhận những vị khách riêng của mình và thành lập một thế giới riêng, nhưng ảnh hưởng toàn bộ tâm thức của con người. Sắc của mắt. Âm thanh của tai. Hương thơm của mũi. Vị của lưỡi. Sự mát mẻ, đê mê của thân. Sự suy nghĩ của ý. Khi các căn tiếp xúc với các trần, nếu chúng ta chỉ giữ cái biết như thật không lời, đối với các pháp, thì ngay khi đó tâm chúng ta ở trong trạng thái Xả, là trạng thái thân nhiên bình ổn. Nhưng nếu có ý thức, ý căn xen vào phân biệt, khen chê, bàn tán... thì sinh ra cảm thọ thích hay không thích, tâm bắt đầu dao động, đưa đến những ý nghĩ xấu tốt rồi từ đó phát ra lời nói, hành động xấu tốt tạo nghiệp, ảnh hưởng toàn bộ đến thân tâm của con người.

(xem tiếp trang 33)



NGŨ UẨN VÔ THƯỜNG

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Lam Viên thân mến,
Hôm nay Nhóm Áo Lam xin kể câu chuyện về công chúa Gia Nhã Ba, con của người dì của thái tử Tất Đạt Đa. Công chúa kết hôn với hoàng tử Nan Đà, nhưng vào ngày hôn lễ, hoàng tử Nan Đà lại theo đức Phật vào chùa đi tu, và bà mẹ ruột của công chúa cũng quy y theo đức Phật, trở thành một vị tỷ kheo ni.

Trong cảnh cô đơn công chúa nghĩ: mẹ ta và chồng ta đều đi tu cả rồi, thôi ta cũng đi tu luôn. Công chúa liền vào chùa xin xuất gia và trở thành một tỷ kheo ni nhưng chẳng phải vì lòng tin nhiệt thành nơi ngôi Tam bảo mà chỉ vì muốn bắt chước chồng và mẹ chồng theo con đường tu hành cho mình bớt lẻ loi.

Tỷ kheo ni nghe các bạn đồng tu nói đức Phật thường giảng dạy rằng: thân tâm ngũ uẩn này là vô thường, vô ngã và bất toại nguyện. Vì chưa hiểu rõ lý vô thường, vô ngã và bất toại nguyện của thân tâm ngũ uẩn, bà tưởng rằng đức Phật chẳng khen ngợi chi đến sắc đẹp lộng lẫy của bà nên bà thường tránh mặt đức Phật; nhưng nghe các vị đồng tu không ngớt tán thán công đức của đức Phật nên bà cũng đi theo họ một lần đánh lễ Phật.

Khi đức Phật trông thấy công chúa Gia Nhã Ba đến chùa, ngài nghĩ rằng "Đạp gai thì phải lấy gai mà lể, tỷ kheo ni này quá hãnh diện và quá triu mến nhan sắc của mình, phải làm sao cho công chúa thấy rõ sắc đẹp chóng tàn phai để dẹp bỏ

tánh tự kiêu và lòng tham luyến vào nhan sắc lộng lẫy của mình."

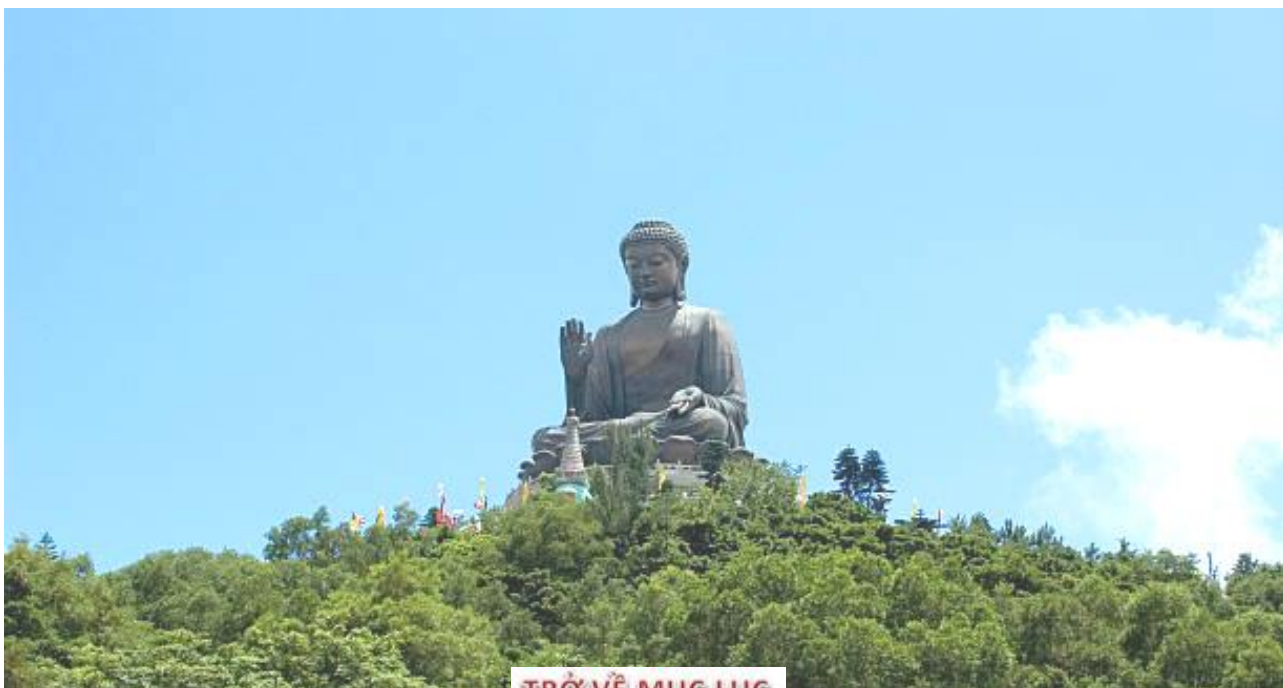
Khi các tỷ kheo ni vào đánh lễ, đức Phật dùng sức thần thông, tạo hình ảnh của một thiếu nữ tuổi chừng 16 đứng rất đẹp đẽ, mỹ miều đứng hầu quạt ngài mà chỉ riêng Gia Nhã Ba thấy được mà thôi. Gia Nhã Ba nhìn lên thấy một cô thiếu nữ xinh tươi gấp bội mình... Gia Nhã Ba tiếp tục nhìn mãi, nhìn mãi... bỗng cô thiếu nữ trở thành thiếu phụ, rồi trở thành một người đàn bà đã già, tóc hoa râm... Bấy giờ Gia Nhã Ba đã hiểu sự suy yếu của thân ngũ uẩn, sự tàn phai của sắc đẹp... và cùng lúc ấy, bà già sau lưng đức Phật ngã ra chết! Mắt Gia Nhã Ba thấy rõ thân thể người chết bị sinh lên, ruồi bọ nhung nhúc...

Lúc đó đức Phật biết suy nghĩ của Gia Nhã Ba đã thay đổi bèn thu thần thông lại và giảng về vô thường, vô ngã... liền sau đó Gia Nhã Ba chứng được quả vị Tu Đà hoàn.

Rồi đức Phật đọc lên bài kệ sau:

*Thành trì thân này dựng bằng xương,
Đắp bằng thịt và tô bằng màu.
Chết chừa bên trong cảnh già lão
Chết chóc ngã mạn và lửa đảo.*
(Kệ Pháp Cú, câu 150)

Thân mến kính chúc ACE thân tâm an lạc.
Trân trọng,
NAL



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Đọc ‘Triết Lý và Thi Ca’ của Thầy Nguyên Siêu để ‘Nghe Dòng Sông Nói’

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhà thơ, nhà văn nổi tiếng người Đức Hermann Hesse có lần viết trong tác phẩm “Siddhartha” rằng:

“Cả hai đều lắng nghe dòng nước, đối với họ đó không chỉ là dòng nước, mà còn là âm ba của cuộc sống, tiếng nói của cái đang là, tiếng nói của cái sắp là.”

Cùng một cảnh trạng như vậy, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu viết rằng:

“Ngồi một mình trên tảng đá, bên cội tùng bờ sông. Nhìn dòng nước lặng trôi. Em đêm, không mây động. Ngồi để nghe dòng sông nói.”

Đó là một đoạn được trích từ trang 27 trong tác phẩm “Triết Lý và Thi Ca” của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu (từ đây trở xuống xin được gọi là Thầy cho thân mật) đã được Phật Việt Tùng Thư xuất bản tại California, Hoa Kỳ vào năm 2021.

Chỉ bằng một loại bút pháp đơn giản và ngôn ngữ dung dị như thể thổi, Thầy Nguyên Siêu đã diễn bày được bao ý nghĩa sâu lắng của triết lý và thi ca vốn là chủ đề bao la rộng lớn khôn cùng.

Tôi tâm đắc bốn chữ “nghe dòng sông nói.” Để nghe dòng sông nói là một việc tưởng như dễ mà không dễ chút nào. Thầy Nguyên Siêu không gọi dòng sông chảy mà gọi là dòng sông nói. Nhìn dòng nước sông chảy thì chỉ thấy nước sông đang chảy, chậm hay xiết, một cách tự nhiên như bản chất thiên nhiên của dòng nước sông là thế từ ngàn đời. Nhìn như thế thì người nhìn chỉ thấy tình trạng nước sông đang chảy mà không phải là dòng sông đang nói. Chữ “nói” biểu thị cho một hành động phát ngôn có chủ ý, giống như khi chúng ta nói điều gì đó. “Dòng sông nói” tức là dòng sông đang thổ lộ bằng một thứ ngôn ngữ riêng biệt của nó về một điều gì đó. Trong cách nói của dòng sông ấy phải có cái chủ ý hay cái tình ý của nó, vì nếu không như vậy thì Thầy Nguyên Siêu đã không gọi “dòng sông nói.”

Nhưng bằng cách nào Thầy Nguyên Siêu nghe được tiếng nói của dòng sông? Trong đoạn trích trên Thầy đã cho chúng ta biết một ít chi tiết

làm sao Thầy nghe được dòng sông nói:

“Ngồi một mình trên tảng đá, bên cội tùng bờ sông. Nhìn dòng nước lặng trôi. Em đêm, không mây động.”

Thầy cho chúng ta biết rằng Thầy: ngồi một mình, trên tảng đá, bên cội tùng ở bờ sông, nhìn dòng nước lặng trôi, không mây động. Thầy viết “ngồi một mình” mà không viết ngồi cô đơn một mình. Đây chắc chắn là một chủ ý, bởi vì Thầy “ngồi một mình” mà không cảm thấy cô đơn, buồn tẻ. Có lẽ Thầy còn muốn mô tả cuộc sống độc cư của một vị Tỳ-kheo ở chốn rừng núi cô tịch. Đó là

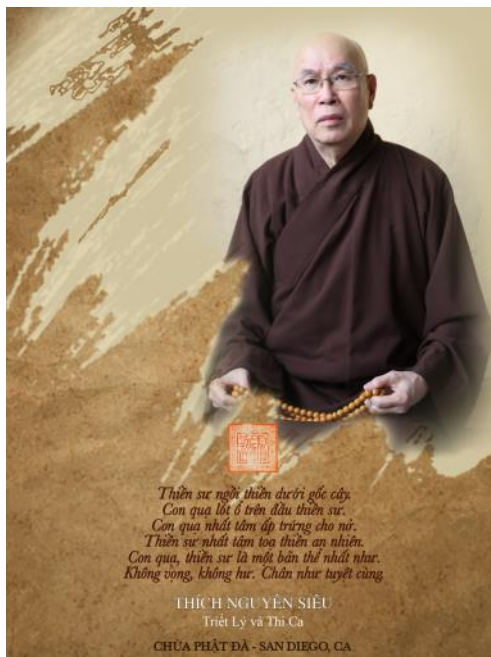
lối sống vốn được Đức Phật khuyến khích những đệ tử xuất gia của Ngài nên thực hành để có thể tu tập thiền định và chứng đắc đạo quả. “Ngồi một mình” như thế cũng có nghĩa là ngồi với sự rỗng bỏ những ràng buộc của thế sự đảo điên, cũng có nghĩa là ngồi với các tâm rỗng lặng không vướng mắc, điều mà Thầy viết là “không mây động.” Bằng tư thái sống tịch lặng như thế, Thầy đã mở cái tâm rỗng lặng và bình an vô sự đến vạn cảnh chung quanh để lắng nghe từ sâu thẳm từng tiếng nói của các loài hữu tình và vô tình, mà trong đó có tiếng nói của dòng sông.

Chỉ cần đọc một đoạn như thế, chúng ta thấy Thầy Nguyên Siêu đã rải ra trên trang sách bao nhiêu là triết lý, bao nhiêu là văn chương!

Nhưng đâu phải chỉ có chứng đó. Tác phẩm “Triết Lý và Thi Ca” của Thầy Nguyên Siêu,

đầy 577 trang với hai thứ tiếng Việt và Anh (bản tiếng Anh do Diệu Kim và Nguyễn Đức thực hiện), còn chứa đựng nhiều triết lý và thi ca hơn nữa. Đặc biệt, trong tác phẩm này còn có 205 đoạn thơ 4 câu và phần Ca từ gồm nhiều bài thơ như lời nhạc.

Thầy Nguyên Siêu có một quan điểm về triết lý và thi ca khá đặc biệt. Thầy không triết lý theo kiểu triết học cao siêu của những triết gia kinh viện. Triết lý của Thầy Nguyên Siêu là nhìn sâu thẳm vào bản chất của những hiện tượng, những sự vật, những thứ hiện hữu chung quanh trong cuộc sống của Thầy để liễu ngộ bộ mặt thật của



*Thiền sư ngồi thiền dưới gốc cây,
Con qua lối ở trên đầu thiền sư.
Con qua nhất tâm áp trướng cho nê.
Thiền sư nhất tâm tọa thiền an nhiên.
Con qua, thiền sư là một bản thể nhất như.
Không vọng, không hư. Chân như tuyệt cùng.*

THÍCH NGUYÊN SIÊU
Triết Lý và Thi Ca
CHÙA PHẬT ĐÁ - SAN DIEGO, CA

mọi hiện hữu, mà đôi khi rất đơn giản, rất gần gũi, chứ chẳng xa xôi hay cao siêu diệu vợi gì cả. Chẳng hạn như trong Lời Nói Đầu, Thầy viết:

"Triết lý khô như vách đá. Thi ca ướt như sương ẩm. Vách đá nhuộm hơi sương. Sương ẩm tươi vách đá, cả hai hỗ tương nhau tạo thành sức sống như năng lượng phù trầm, tương dung tương nhiếp, một mực không rời." (Sđd., tr. 9)

Sao mà dung dị và gần gũi, nhưng không thiếu sự sáng tạo và chiều sâu hun hút của trực quan nhìn thấu suốt vào một hiện tượng rất mực đời thường! Trong cái nhìn hàm ngụ triết lý và thi ca ấy của Thầy còn chuyên chở cả tư tưởng sâu thẳm của triết lý nhà Phật về mối tương quan, tương duyên, tương tức, tương nhập của giáo nghĩa trùng trùng duyên khởi.

Lại một lần khác, khi quán sát chiếc lá của hoa ngọc lan rụng và nằm yên trên phiến đá giữa trưa hè nắng cháy, và rồi héo úa vào buổi chiều, Thầy Nguyên Siêu trực nhận ra ngay nơi ấy cái "triết lý sống và chết" của vạn hữu. Thầy viết:

"Chiếc lá ngọc lan rụng về cội. Nằm yên gác đầu trên phiến đá. Nắng về trưa đốt cháy ngọc lan, khô giòn như bao chiếc lá trên rừng, mang sắc thắm ban mai, chiều trở thành héo úa. Như sự vận chuyển của thời gian đến đi vô tận. Nuôi sự sống. Đốt cháy sự sống. Một triết lý sống và chết, thiên thu bất tận." (Sđd., tr. 21)

Phải có một tâm hồn bén nhạy và trí tuệ tinh giác thì mới có thể nhìn ra được bản chất của các pháp xảy ra chung quanh Thầy như thế.

Trong "Triết Lý và Thi Ca," Thầy Nguyên Siêu cũng kể lại những ký ức của Thầy về quê hương, mái chùa làng và tình mẹ. Nhớ về tuổi thơ ở quê nhà và ảnh hưởng của ngôi chùa làng lên tâm hồn trong trắng, Thầy viết:

"Nơi tôi lớn lên giữa một cánh rừng miền núi. Xa vắng xóm làng, thưa thớt dân quê. Thịnh thoảng mới có con trâu đi trên đường đất khúc khuỷu. Cứ mỗi chiều về là buồn da diết. Một nỗi buồn ủ kín dưới những lớp lá mục quanh đây, mà trải qua bao nhiều mùa mưa nắng cũng chừng ấy." (Sđd., tr. 77)

Về ngôi chùa làng, Thầy kể:

"Trong làng có một ngôi chùa quê. Từ nhà tôi đi bộ đến chùa mất khoảng 45 phút hay một tiếng. Mỗi tháng Mẹ, Ba và anh tôi đi chùa hai lần. Rằm và mồng một. Sinh hoạt dưới mái chùa quê ấy. Chùa có Thầy trụ trì, mới gặp loáng thoáng đầu đó cũng thấy quê quê. Chiếc áo tràng bạc màu. Chiếc y hậu mòn cũ. Da mặt sạm nắng. Đôi tay hơi chai sần. Nhưng trong dáng dấp quê quê ấy, tôi thấy mà cảm nhận được có một cái gì đó ẩn nét tử bi, tấm lòng hiền hòa trong Thầy." (Sđd., tr. 77)

Ở một đoạn khác, Thầy kể tiếp về ảnh hưởng của ngôi chùa làng đối với cuộc sống đạo đức, tâm linh của người dân quê:

"Chùa làng tôi có con đường đất nhỏ cỏ mọc hai bờ xanh tươi. Có gió mát, mưa rào, làm duyên quê tu Phật. Nhờ vậy mà xóm làng yên vui, thái hòa. Chùa làng tôi có tình thương Mẹ hiền Quan Âm, ngàn mắt ngàn tay cứu độ. Rưới nước cam lồ.

Xoa dịu nỗi đau. Cành dương nước tịnh nhiệm màu. Bình đẳng vô phân biệt, cơ cầu, cảm ứng tùy duyên. Chùa làng tôi thiêng liêng như tiếng chuông chiều về, rạt rào, tinh tự rót vào cỏ, vào hoa, vào lòng người dân dã, dập tắt nỗi oan khiên, muộn phiền. Thăm nhớ về chùa làng, một quê hương diệu vợi." (Sđd., tr. 82, 83)

Tác giả cuốn "Triết Lý và Thi Ca" đã cảm nhận được ý nghĩa của một thứ triết lý sống trong chính "mái chùa xưa," và "tiếng chuông cổ tự" có khả năng làm "vơi đi bao điều tang thương dâu bể." Thầy Nguyên Siêu đã viết:

"Nếu ai kia đã từng lặn lội, bôn ba trên trường danh lợi; và nếu ai kia đã bao lần trải qua những đắng cay thử thách của cuộc đời thì giờ đây trong khung cảnh trầm mặc, u tịch này tấm lòng như vơi bớt đi bao điều tang thương dâu bể, lắng dịu tâm tư sạm nắng của gió tấp mưa sa. Quỳ đố, chấp tay quý kính. Mắt nhìn Phật. Miệng lâm râm Bồ Tát Quan Âm, hay Địa Tạng Vương, mà cảm thấy lòng thanh thản, yên vui. Đây là triết lý sống hay ý vị thi ca của quê hương, đạo pháp." (Sđd., tr. 36, 37)

Tình mẹ cũng đã được Thầy nói đến một cách trịnh trọng, chân thành, tha thiết và cảm động. Trong ký ức còn sống động của Thầy về người Mẹ thương yêu:

"Bóng Mẹ chiều nay, trong chiếc áo bà ba đen, đầu đội nón, tay bưng cái rổ nhỏ đi chợ, chú nhìn Mẹ thấy rõ niềm vui trên khuôn mặt, thì ra vì có tôi về thăm Mẹ. Cứ mỗi lần như thế là Mẹ vui. Mẹ hết đau, hết bệnh. Như thường ngày, mỗi tối Mẹ xúc một trạch than lửa rồi phủ tro để dưới giường cho ấm. Xong buổi cơm tối, Mẹ tôi ngồi bên cửa sổ nói chuyện gia đình. Mẹ nói: "Tui biết ông ở bên tui là ông khổ, nhưng tui không muốn ông đi xa tui, cho đến khi nào tui chết, thì ông tự do đi và chừng ấy ông mới hết khổ." Nguyễn văn lời nói của Mẹ là vậy. Tôi luôn nhớ cho đến hôm nay. Khi nghe Mẹ nói, tôi nhìn Mẹ cầm tay xoa xoa:

"- Mẹ cho con đi tu 20 năm rồi mà, đầu có phải một sớm một chiều nữa đâu mà nói được ở bên cạnh Mẹ. Sao khi xưa Mẹ bắt con lên chùa ở, dù nhớ Mẹ, muốn về thăm mà Mẹ cũng không cho. Đi tu là phải xa nhà, xa Mẹ mà."

"Tình Mẹ là vậy đó, đã cho con đi tu, nhưng luôn canh cánh bên lòng." (Sđd., tr. 62, 63)

Chỉ một câu nói của người Mẹ mà Thầy nhớ cho đến hôm nay đã đủ cho thấy tình Mẹ dành cho Thầy bao la, lai láng đến mức nào. Nó không màu mè, khách sáo. Nó thật mộc mạc, đơn sơ. Đó là tình thương tuồng chảy ra một cách tự nhiên từ trái tim yêu thương không bờ bến của người Mẹ.

*"Mẹ đi nhổ mạ ngoài đồng
Cấy vào thửa ruộng đơm bông trĩu đầy
Bát cơm bốc khói chiều nay
Công lao của Mẹ cấy cày của Cha."*

Đó là đoạn thơ thứ 130 trong phần thơ ca tiếp theo những bài viết ngắn kể chuyện ngày xưa tuổi trẻ của Thầy trong "Triết Lý và Thi Ca." Phần thơ này có tất cả 205 đoạn, mỗi đoạn 4 câu mà Thầy sáng tác theo thể tự do, không theo thể loại quy

luật thơ nào cố định và cũng không thống nhất trong một chủ đề nào, nghĩa là tùy cảm hứng.

Có những đoạn thơ trong phần này làm cho tôi dừng lại và đọc tới đọc lui vài lần để thưởng thức ý vị của thi ca. Chẳng hạn xin trích một vài đoạn như sau:

"Hương phấn hoa cau vương mùi hương khẽ bời

Mái rạ la đà đun từng sợi khói lam

Ngồi ru con Mẹ hát bài ca dân tộc

Dân tộc này quê hương ngàn dặm nước non." (đoạn 87)

Hoặc là:

"Trên triền núi đứng nhìn hoàng hôn tắt

Dòng sông xa ẩn dưới rặng dừa xanh

Nước vẫn chảy đăm lục bình trôi nổi

Xuôi về đâu hỏi một kiếp nhân sinh." (đoạn 30)

Còn nữa, nhớ về thời hành điệu, tức là thời thơ ấu mới vào chùa cạo tóc đi tu:

"Tôi hành điệu dưới mái chùa xưa nhỏ nhỏ

Quanh hàng dừa xanh rợp bóng mát mù u

Khi chiều về nghe vang vọng tiếng công phu

Lúc sáng sớm ra đứng nhìn dòng sông chảy." (đoạn 85)

Và đây là đoạn lục bát rất hiếm trong phần thơ này. Đoạn thơ phản phát triết lý vũ trụ và nhân sinh theo quan điểm vô thường biến dị của nhà Phật:

*"Lê chân mới gót phong trần
Rừng cây thay lá nhuộm màu đất khô*

*Để giun làm những nấm mồ
Năm nghe sương rụng mơ hồ đêm khuya."* (đoạn 181)

Nói tóm lại, còn rất nhiều điều đáng để đọc và thưởng thức từ triết lý đơn sơ, mộc mạc của cuộc sống chung quanh mà Thầy Nguyên Siêu cảm nhận được đến những áng văn chương làm rung cảm lòng người đọc trong "Triết Lý và Thi Ca." Rất tiếc trong khuôn khổ của một bài viết giới thiệu ngắn nên không thể đi xa hơn và đào sâu vào từng khía cạnh để cống hiến cho bạn đọc.

Bạn đọc có thể liên lạc về Chùa Phật Đà, 4333 30th Street, San Diego, CA 92104, để có một cuốn "Triết Lý và Thi Ca" trong tủ sách gia đình và từ từ đọc để thưởng thức.

Xin kính cảm ơn tác giả Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu và xin trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc cuốn "Triết Lý và Thi Ca."

TÌM HIỂU "KINH CĂN TU TẬP"

Thích Nữ Hằng Như

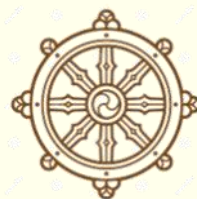
(tiếp theo trang 29)

Tóm lại, qua bài kinh này, Đức Phật dạy chúng ta pháp tu căn bản thu thúc lục căn, giữ chánh niệm, an trú trong bảy giờ và ở đây, tức an trú trong trạng thái Xả. Ở những bước đầu chúng ta thực hành bài học vỡ lòng là "chú tâm cảnh giác". Xử dụng Trí năng tỉnh thức học hỏi, kiểm chế, huấn luyện tế bào não không phản ứng khi các căn tiếp cận với trần cảnh. Dần dần các tế bào não quen với sự yên lặng sẽ không có cái "Ta" phản ứng khi giác quan tiếp xúc với đối tượng, chỉ có cái biết như thật không lời trong bất cứ tình huống nào.

Khi tâm hoàn toàn yên lặng, chúng ta trực nhận ra tính chất vô thường của vạn pháp. Tất cả mọi thứ trên đời này rồi sẽ đổi thay biến dạng. Với trí tuệ sáng suốt, chúng ta sẽ không còn tham đắm với tài, sắc, danh, thực, thù, do mười tám giới tạo dựng (sáu căn, sáu trần, sáu thức). Lúc bấy giờ chúng ta luôn an trú trong chánh niệm một cách tự nhiên, không cần phải nỗ lực cố gắng nữa. Khi đã thành tựu pháp tu, hành giả hoàn toàn làm chủ cảm thọ (yêu, ghét) cũng như làm chủ tư tưởng, từng bước loại trừ lậu hoặc, kiết sử (tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến)... sau cùng trở thành bậc A-la-hán là bậc Vô học.

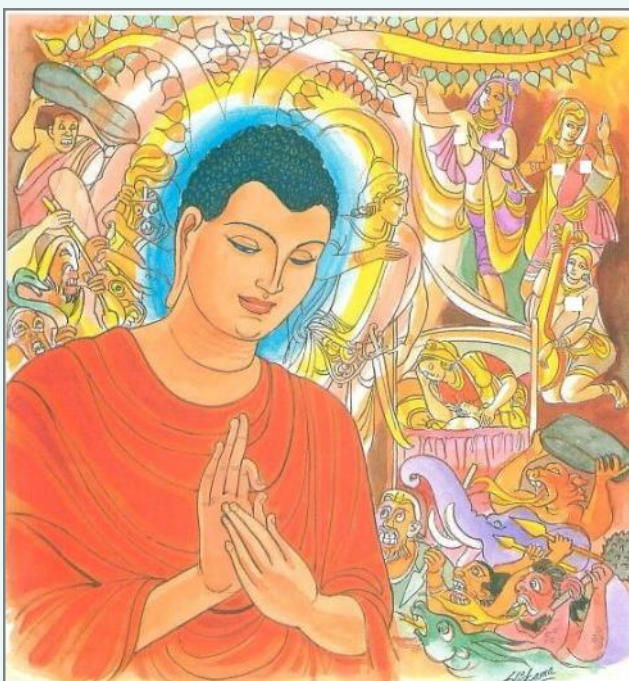
Đạo lộ tâm linh đi đến giải thoát giác ngộ, căn bản đầu tiên là phải tu tập từ các căn. Tu tập như thế nào Đức Thế Tôn đã từ bi chỉ rõ trong bài "Kinh Căn Tu Tập". Tuy bài kinh này, Đức Thế Tôn giảng dạy cho các bậc xuất gia tu hành cách đây mấy ngàn năm, nhưng vẫn còn giá trị cho tới ngày hôm nay và mãi mãi về sau, không những cho các vị tu sĩ xuất gia mà cho cả chúng đệ tử tại gia, những ai muốn sống cuộc đời tự tại không bị tam giới đời trôi buộc cũng có thể thực hành không có gì trở ngại.

Chúng tôi tạm ngừng bài viết tìm hiểu "Kinh Căn Tu Tập" tại đây. Nguyên chúc tất cả quý Phật tử hữu duyên tin sâu Tam Bảo, tu hành có kết quả tốt./.



The Story of Upaka

Dhammapada, Verse 353



All-conquering, all-knowing, detached from all, self-liberated, I am now my own Teacher.

353. *Sabbābhūtaṃ sabbavidūṃ haṃasmi
sabbēsu dhammēsu anūpalitō
sabbāñjāhō taṇhakkhayē vimuttō
sayāṃ abhinñāya kam'uddiseyyam?* (2A:20)

Beyond all being, wise to all,
unsoiled by dhammas all am I,
left all and freed by craving's end,
by self I've known, whom teacher call?

The Buddha uttered Verse (353) of this book, in answer to the question put up by Upaka, a non-Buddhist ascetic, while the Buddha was on his way to the Deer Park (Migadaya) where the Group of Five Bhikkhus (Panca Vaggis) were staying. The Buddha was going there to expound the Dhamma cakkappavattana Suttato the Panca Vaggis, his old associates, viz., Kondanna, Bhaddiya, Vappa, Assaji, and Mahanama. When Upaka saw Gotama Buddha, he was very much impressed by the radiant countenance of the Buddha and so said to him, "Friend, you look so serene and pure; may I know who your teacher is?" To him, the Buddha replied that he had no teacher.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 353: I have overcome all, I know all, I am detached from all, I have given up all; I am liberated from moral defilements having eradicated craving, (i.e., I have attained arahatship). Having comprehended the Four Noble Truths by myself, whom should I point out as my teacher?

At the end of the discourse Upaka expressed neither approval nor disapproval but just nodded a few times and went on his way.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUA CÁC KHÚC QUANH LỊCH SỬ THỜI ĐẠI

Nguyễn Siêu

(tiếp theo trang 15)

Tình tự quê hương như là chất liệu để nuôi sống đời mình, nên Hòa Thượng Tuệ Sỹ chỉ ở đó mà không đi đâu hết. Sinh ra giữa lòng đất Mẹ, chắc một ngày mai kia có chết, thì chết trong giữa lòng đất mẹ ấy, mà đã không ra đi như bao người đã ra đi. Có lẽ sinh ra nơi nào thì chết ở nơi đó. Đây là cái khí khái của bậc Đại Sĩ. Dù quê hương có đọa đầy mưa nắng, thì cũng nguyện là người làm mưa nắng để vun xới cho quê hương được tươi mát.

Ý thức dân tộc là văn hóa tự tồn, độc lập tạo thành một sức mạnh kiên cường dân chủ, là người Việt Nam máu đỏ da vàng, mũi tẹt mắt nâu, thì nguyện sống hòa quyền trong tình tự tồn dân tộc đó. Dòng máu của mình là dòng máu của dân tộc. Tế bào của mình là tế bào của dân tộc. Hơi thở của mình là hơi thở của dân tộc. Do vậy nguyện sống giữa lòng con dân nước Việt, dù nghiệt ngã điều tàn. Dù bị kết án tử hình, hay khổ sai chung thân, không cúi đầu lùi bước, mà còn cất cao khí thái của bậc Đại Hùng, vô úy:

*Con người sống hai thế kỷ,
Đầu hói mắt sâu sáng quắc
Cổ cao vai gầy
Trông giống Hạc già đi đêm
Bằng đôi chân lêu nghêu
Dẫm xuống nền đất bùn lầy lội
Lũ ếch nhái của còng hoàng sợ
Lặng thinh thêm thiếp cúi đầu
Ngồi đó, đôi diện với chính mình
Đếm thời gian đi qua từng đốt tay
Bụi đường mệt mỏi
Bên dốc lưng đeo
Tối ngủ chèo queo
Dưới lòng sừ tử đá
Trong miếu cô hồn
Hương tàn khói lạnh
Người gầy, móng lép cọng lau
Uống sương đêm làm nước
Ăn ánh sáng mặt trời
Mặc lá rừng làm áo
Chân mang dép cỏ gầy hao
Lang thang biển đời mây độ
Vai mang tinh thể trắng sao
Đền ơn công người cứu sống
Giữa rừng già trong bóng hoàng hôn
Người đi, trăng khuyết lại tròn
Núi cao, rừng thâm, biển còn xanh lơ
Sóng rì rào, người bước chân trên cát*

*Vẽ thành vết tích thời gian
Âm ba đồng vọng cung đàn
Nốt trắng, nốt đen ngập ngừng khoan nhặt
Đế hôm nay, thành người thế kỷ
Chứng tri cho năm mờ hoang tàn.*

*Hỡi! Người tù hai thế kỷ.
Ngẩng cao đầu không rên rĩ xin vang
Mặc cho chúng nó vỗ bàn
Hét la àm ỉ*

Im lặng an nhàn.

Người nói:

*"Không ai có quyền xét xử tôi.
Không ai có quyền ân xá tôi."
Mím cười đôi môi, người gầy thế kỷ
Ngắm trăng ngàn*

*Giấc mộng thoáng qua
Tháng ngày lặng lẽ la đà
Hóa thành thần tượng
Một tòa sáng trưng.*

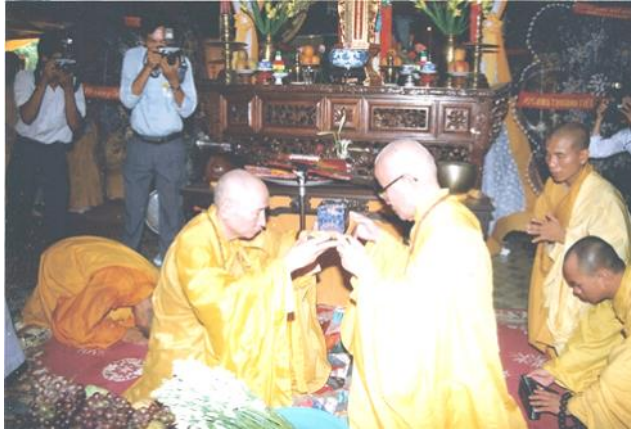
Một tòa sáng trưng, sáng như viên ngọc quý của dân tộc Việt Nam của Đạo Pháp Việt Nam như học giả Đào Duy Anh đã nói.

Xiển dương Đạo Pháp như trái tim nóng đẫy máu đến khắp toàn thân, để nuôi sống từng làn da, thớ thịt. Đạo Pháp là lý tưởng tối thượng, là tiêu chí tốt cùng, phải hy hiến đời mình để phụng sự, không phân biệt màu da, chủng tộc, giới tính, địa dư, tử trong nước. Thầy viết thư kêu gọi, vận động tinh thần phụng đạo, tiếp nối con đường hoằng Pháp của lịch Đại Tổ Sư, gửi ra hải ngoại, kêu gọi tứ chúng đệ tử Phật ngồi lại với nhau để giữ gìn kỷ cương nề nếp mà chữ vị kỳ túc, Tôn sư đã đề bạt ra nhưng chưa hoàn tất. Thầy lập Hội Đồng Hoằng Pháp, rồi Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời. Trong ý thức: "*Hoằng Pháp thị gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp*" mà tứ chúng đệ tử Phật đã hoan hỷ tùy thuận. Trong một tâm thư của Hội Đồng Hoằng Pháp, Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết: "*Những gian nan khổ nhọc trong chiến tranh khói lửa, những ức chế bởi thế lực cường quyền một thời, chư Tôn giả ấy, đã viết lên trang sử dày những công trình văn hóa giáo dục, không dầy với những dấu tranh bạo lực. Hàng hậu bối, thế hệ tiếp nối, bằng ý chí, bằng tâm đức, bằng trí tuệ, như thế nào để kế thừa di sản cao quý ấy, để phát huy tinh hoa dân tộc ấy?"*

Nửa thế kỷ đất nước hòa bình, nhưng dân tộc thì không hòa bình. Nửa thế kỷ Đạo Pháp trùng hưng, nhưng Tổ Ân không trùng quang. Làm sao để thực hiện ý chí thi thiết giáo luật của Đức Thế tôn, hóa giải những xung đột trong Tăng, bằng biện pháp cuối cùng là "*nư thảo phủ địa*."

Sau khi ổn định cơ cấu tổ chức của Hội Đồng Hoằng Pháp, Hòa Thượng Tuệ Sỹ tiến tới thành lập Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời. Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết: "*Thánh điển Tam Tạng là nguồn suối cho tất cả nhận thức về Phật Pháp, để học tập và hành trì, cũng như để nghiên cứu. Kinh Tạng và luật tạng là tập đại thành Pháp và luật do chính Đức Phật giảng dạy và quy định, là sở y cho tri thức và hành trì của Thánh đệ tử để tiến tới thành tựu cứu cánh Minh và Hạnh. Kinh và luật cũng bao gồm những diễn giải của các thánh đệ tử được thân truyền từ Kim Khẩu của Đức Phật.*"

Như vậy, về lĩnh vực Đạo Pháp, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã biểu tỏ một năng lượng sung mãn, làm động cơ thúc đẩy Chư Tăng Ni từ trong nước ra đến hải ngoại hãy đứng lên, đi bằng đôi chân của chính mình mà hoàn thành trọng trách trong ý



Hòa thượng Thích Huyền Quang tiếp nhận ấn tín Lương viện GHPGVNTN tại tang lễ ĐLHT Thích Đôn Hậu ở chùa Linh Mục, Huế, năm 1992

thức: "Tác Như Lai Sứ, hành Như Lai Sự." Như dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam 2000 năm qua đã chứng minh.

Tiếp sức một năng lượng cho tuổi trẻ - thể hệ kế thừa: Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết trong thư gửi các Tăng sinh Thừa Thiên-Huế: "...*Câu mong các con có đủ dũng mãnh để đi bằng đôi chân của mình, nhìn bằng đôi mắt của mình; tự xác định hướng đi cho chính mình. Thầy sẽ là người bạn đồng hành với các con trên đoạn đường bóng xế của đời mình ...*"

Sự ân cần, nhẫn nại bằng tâm huyết của Hòa Thượng đối với thế hệ trẻ. Một thế hệ có nhiều tương lai, đầy sức sống mãnh liệt. Nếu có một tuổi trẻ nào đọc được "Thư gửi" này mà thấm thấu được tâm nguyện của Hòa Thượng, và thực hành theo, để gìn giữ chí nguyện xuất trần của người xuất gia thì quả thật là niềm tự hào không đơn lẻ. Hiện tại, bây giờ và tương lai sắp đến có cả một thế hệ ý thức để cùng chung lưng đấu cật, thể hiện tâm nguyện hay thừa sự phụng hành trên bản thể độ sanh. Điều mà Hòa Thượng muốn nói cho tuổi trẻ hôm nay là có biết thương yêu quê hương dân tộc hay không, có biết nhớ một thuở sơ tâm xuất gia hay không, hay là cũng như bao nhiêu người khác mãi mê gắm vọc lựa là, bằng một hình tướng lâu son gác tía để lẫn lộn trong ao bùn danh vọng, trụy lạc của thế tục thì quả là lạc hướng, vong thân của một đời xuất gia, tu Phật: "*Các con hãy tự hào, với niềm tự hào trong trắng và vô tư của tuổi trẻ, từ thời điểm cột mốc này, đã một lần và mãi mãi đứng thẳng trên đôi chân của chính mình, bằng đôi mắt trí tuệ và hùng lực mà nhìn thẳng không khiếp sợ vào quyền lực xấu ác của thế gian, tự xác định hướng đi cho bản thân để làm những việc cần làm cho chính mình và cho mọi người.*"

Xây dựng thế hệ trẻ là tổ chức cho một lớp người trong tương lai có tầm nhìn và chỗ đứng vững chắc. Tầm nhìn trên phẩm tính chánh kiến, chánh tư duy... Thấy đâu là đúng, đâu là sai để nhận và bỏ theo chánh Pháp. Quả thật đây là một tâm hồn lớn. Tâm hồn kẻ sĩ thấu triệt các pháp thế gian, mà gióng lên tiếng trống Pháp vang rền để cảnh tỉnh cho tuổi trẻ còn đam mê bóng đêm, dập vùi trong các sắc thái của thế tục, mà ngăn

cao đầu với niềm tự hào trên dòng lịch sử của lịch đại Tổ Sư 2000 năm qua. Chỗ đứng bằng đôi chân của chính mình không quy lụy mà thẳng bước tới, đạp đổ gông cùm, xiềng xích, đi trên danh vọng huyễn hoặc. Chỗ đứng không vì căn bã của thế tục mà đứng. Bước tới không vì miếng mồi ngon đang giăng nhử mà bước tới. Bằng khí khái của bậc xuất trần thượng sĩ, Hòa Thượng nhắn nhủ: "*Nhân nhin đời nhưng không để cho quyền lực đen tối của đời sai sử. Tùy thuận thế gian, nhưng không tự đánh chìm trong dòng xoáy ô trược của thế gian. Các con hãy tự rèn luyện cho mình một tín tâm bất hoại, một đức tin đồng mãnh vô úy, nỗ lực tự huấn tập trí tuệ bằng văn, tư, tu để nhìn rõ sự tướng chân nguy, để thấy và biết rõ mình đang ở đâu, đang đi về đâu; không nhắm mắt phóng càn theo cỗ xe lộng lẫy bên ngoài, nhưng rêu rã bên trong, đang lao xuống dốc dài không định hướng.*" Thấm định để rồi giao phó, khơi sáng niềm tin để tuổi trẻ tự tin trên tiến trình hộ pháp, hộ dân, hộ quốc cho hôm nay và ngàn sau.

Thừa Tiếp Trọng Trách 'Tổ Ấn Trùng Quang'

Thừa tiếp trọng trách trên tiến trình Tổ Ấn Trùng Quang: ủy thác quyền điều hành Giáo Hội cho Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ. Trong Quyết Định số T4/QĐ/TT/VTT của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN ủy thác quyền điều hành Viện Tăng Thống ghi rằng:

"*Căn cứ vào Hiến chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất bản tu chính lần cuối qua ngày 04 tháng 12 năm 2015.*

Với lý tưởng hòa bình bất bạo động của Giáo lý Đức Phật, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời năm 1964 với lập trường kiên định và thuần khiết là để phụng sự nhân sinh và Dân tộc, vì vận mệnh của Giáo Hội tùy thuộc vào vận mệnh của Dân tộc. Đất nước Việt Nam sẽ thoát qua cơn quốc nạn và pháp nạn, không thể nào đứng ngoài quy luật tất yếu của thịnh suy.

Nay Quyết Định

Điều hai: Thành cử Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ thay tôi đứng đầu vào vị trí của Viện Tăng Thống, bảo đảm tiếp tục sứ mệnh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tương lai. Tôi hoàn toàn tin tưởng và ủy thác trọng trách này cũng như trao toàn quyền cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ điều hành mọi hoạt động của Giáo Hội.

Chùa Từ Hiếu, Sài Gòn ngày 24 tháng 05 năm 2019

Tức ngày 20 tháng 04 năm Kỷ Hợi

Đệ Ngũ Tăng Thống

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Sạ Môn Thích Quảng độ

Ấn Ký"

Hòa Thượng Tuệ Sỹ tiếp nhận sự ủy thác của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống một cách nghiêm minh theo dòng lịch sử luân tuôn chảy, cuốn phẳng và đẩy tới mọi rác rến dầy dầy. Đẩy tới đâu? Đẩy vào biển thệ của Như Lai, hòa tan vào Đại Hải thanh tịnh. Không còn như ngã phù trầm, nên hư tốt xấu, như là ảo ảnh của áng mây trôi, chợt tan rồi hợp. Chợt biến rồi thành. Sinh diệt vô tung. Đến đi tự tại. Bánh xe lịch sử tiếp tục lăn và nghiền nát tất cả chướng vật phía trước. Dù nhỏ dù to. Dù lớn dù bé tan thành tro bụi, trong tiếng gầm thét của

tiếng xe lăn, dệt thành một trang lịch sử mới. Trang lịch sử đầy máu và nước mắt. Trang lịch sử đầy sự tù đày và lao ngục. Bao nhiêu sự biến thiên của thế quyền nghiệt ngã, như tâm mạc trắc. Huỳnh đệ tương tàn. Cha con ly tán. Nhớ nghĩa đã phai pha. Tình người chỉ trong chiếc túi với đầy. Bạc như vôi, lạt như nước ốc.

Qua từng khúc quanh của dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam 2000 năm, không thiếu sự đau thương và tủi nhục. Nhưng đau thương và tủi nhục nào cũng được sang bằng qua tấm lòng Từ Bi và Trí Tuệ Hùng Lực. Chất liệu Từ Bi và Trí Tuệ này đã nuôi lớn chí nguyện phụng sự cho đạo cho đời dù phải đốt thân mình làm ngọn đuốc từ bi soi sáng lương tri cho các thế lực vô minh tâm tối, cũng không từ nan. Các bậc Kỳ Túc nhà thiền ấy đã biểu hiện hạnh nguyện độ đời kham nhẫn thật đẹp. Tuyệt đẹp như từng bước đi của Tượng Vương quay về lối xưa. Như tiếng rống vang rền của sư tử chúa:

*"Sư tử hống thời phương thảo lục
Tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng."*

Chấp tay, cúi đầu y giáo phụng hành như lễ nghi trong chốn nhà Thiền.

Trong Thư Khâm Thừa Quyết Định của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã viết rằng:

*"Ngưỡng bạch Chư Tôn Hòa Thượng,
Khâm thừa quyết định của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống, tôi Tỳ Kheo Thích Tuệ Sỹ, tự xét chướng thâm huê thiền, nhưng Tổ giáo nghiêm, vô khả nại hà, nay phủ phục đề đầu phụng chỉ..."*

*Thị ngạn am, PL 2563
Tháng 03, ngày 15
Tuệ Sỹ (ký tên)"*

Gió vẫn thổi, bầu trời vẫn sáng, có hạt bụi nào rơi trong mắt ai, ngàn năm mây trắng. Chim hoàng oanh hót trên cành liễu, la đà đong đưa theo ngàn hoa nội cỏ, từng bùng khoe hương tỏa sắc đón một mùa xuân mới.

*"Chư Pháp từng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đảo bạch họa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng."*

Chúng tích qua những khúc quanh lịch sử Phật Giáo Việt Nam là những dấu ấn in sâu vào tâm thức của những người con Phật, là những động lực cho chúng ta hãy đứng dậy và bước tới trong sứ mệnh thượng cầu hạ hóa, trong ý thức tự tôn của lễ sinh diệt, diệt sinh ngàn đời chẳng di dịch.

*"Năm ôm một bóng trăng gầy
Vai nghiêng tủi nhục hờn lay mộng tàn
Rừng sâu mây nhịp Trường Sơn
Biển Đông mấy độ triều dâng ráng hồng
Khóc tràn cuộc lũ long đong
Người đi còn một tấm lòng đơn sơ?
Máu người pha đỏ sắc cờ
Phương trời xè nửa giấc mơ dị thường
Quân hành đạp nát tà dương
Khúc ca du tử bẽ bàng trên môi
Tình chung không trả thù người
Khuất thân cho trọn một đời luân lưu."*

Ý thức trong trách nhiệm và bốn phận như nắng ấm làm đẹp lá hoa, rừng xanh và nước biếc. Dang tay ôm ấp một thứ tình; tình mùa Đông giá lạnh, như nuôi dưỡng được cội mai già khẳng khiu, gầy guộc, để cho những đóa mai vàng làm đẹp cuộc đời. Cho những ai bị hụt hẫng, trơ vơ, đầy



*30 năm sau, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ tiếp nhận ấn tín
Lường viện GHPGVNTN tại Chùa Từ Hiếu, Sài-gòn,
năm 2022*

bàn tay hãy nắm lấy. Đây bờ vai hãy dựa cho vững chắc và ấm êm để nghe lòng thì thầm cảm ơn đất trời man nhiên như thi.

*"Vác cuốc xuống chân đồi
Nặng mai hồng đôi môi
Nghiêng vai hờn tuổi trẻ
Máu đỏ rộn bên trời*

*Sức yếu lòng đất cứng
Sinh nhai tủi nhục nhiều
Thân gầy tay cuốc nặng
Mắt lệ nóng tình yêu*

*Thầy tóc trắng bơ vơ
Con mắt xanh đợi chờ
Đèn khuya cùng lẻ bóng
Khúc ruột rời đường tơ*

*Tuổi Thầy trong cánh hạc
Cánh hạc vẫn chốc mòng
Mắt con mờ ráng đỏ
Ráng đỏ lệ lưng tròn*

*Chân đồi xanh luống cải
Đời ta xanh viễn phương
Sống chết một câu hỏi
Sinh nhai lở độ đường."*

Rồi có lúc nào đó trên con đường dài sinh tử, ta có dừng chân đứng lại để ngắt một bông hoa nơi ven triền đồi, trên cánh đồng lúa vàng rì rào trong gió, mà thoảng nghe lòng thì thầm, như là một chứng nhân lịch sử của kiếp nào đang sống lại trong ta.

San Diego, California
Ngày 25 tháng 10 năm 2022
Thích Nguyên Siêu



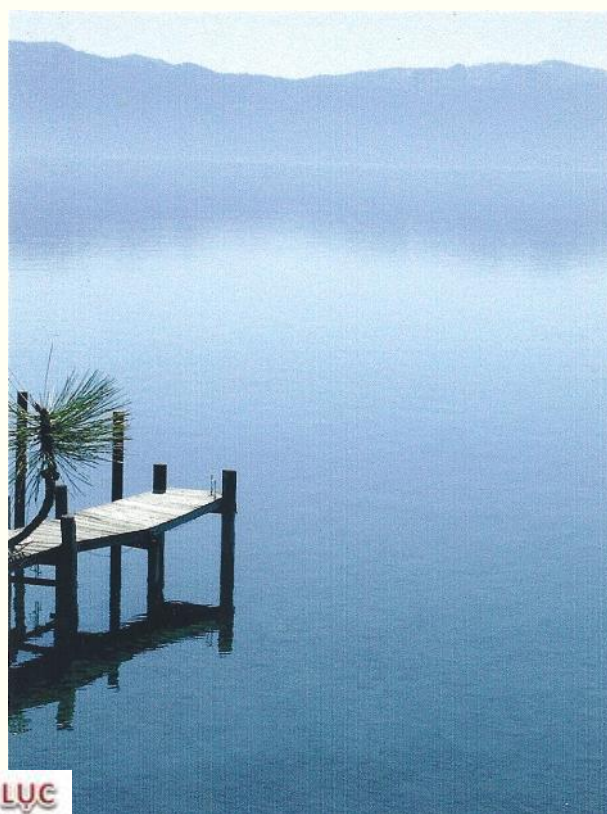
ĐỪNG CHỈ LÀ KHOẢNH KHẮC

Con người không tạo ra được thế giới
Nhưng hủy diệt thì dễ như chơi
Xưa những đoàn quân xâm lược
Phá thành trì và giết chóc vạn người
Ngày nay với vũ khí bom nguyên tử,
bom hạch nhân
Thế giới này thật mong manh
Máu đại Hán xâm lăng bành trướng
Tur tưởng Nga Sô cũng tương đương
Hiểm họa giết người, diệt quốc luôn thường trực
Với những nước nhỏ lân bang
Đã tâm mê muội cai trị và đồng hóa
Thật tàn độc, thật xót xa
Cái lý trong tay kẻ mạnh
Luật lệ thuộc kẻ cường quyền
Công lý là chuyện viễn vông
Thân thể con người không đầy hai thước
Mà tâm tham vượt cả đất trời
Muốn cướp lấy, muốn gồm thâu mọi thứ
Châu báu, đất đai và cả cái vô hình là ngôn ngữ
Thân xác con người không quá trăm cân
Mà tâm sân hận nặng tựa núi non
Truy sát, tru diệt hại người hại cả muôn loài
Mạng sống con người mong manh
giữa hai làn hơi thở
Sự ngu si bền vững tựa vách đá thành đồng
Khó thay đổi, không thể nào lay chuyển
Mộng xâm lăng lập đế quốc tiếp diễn triền miên
Bên đông, bên tây nào có khác gì nhau
Xương thịt nát, máu chưa từng ngưng chảy
Lửa hung tàn vẫn cháy suốt ngày đêm
Những di sản điêu tàn đổ nát
Những bạo chúa tham lam
bách hại không ngừng
Thế giới đầy mắt lệ rung rung
Cái ác vẫn đứng đưng
Thống khổ đau thương chưa từng vơi
dù chỉ là khoảnh khắc.

thơ DU TÂM LĂNG TỬ

ĐỜI CHỈ THỂ THÔI

Tôi không phải là nhà thơ
Chỉ viết vụng về vu vơ
Nào có biết gì thi pháp với nghệ thuật
Càng mù tịt bố cục hay cấu trúc
Đơn giản là hứng thú viết mà chơi
Tôi không phải nhà thơ
Tâm hồn thích lời thương lời nhớ
Viết những vần sâu nặng ân tình
Và cả nỗi bất bình
Về dân tình quốc sự
Con tim sai xứ
Yêu công lý, tự do
Tôi không phải nhà thơ
Chỉ là gã du tử rong chơi trên đường đời
Chép ghi lời tuyệt mỹ
Tụng ca cái đẹp
Của thế giới loài người
Và muôn loài hài hòa chung sống
Dòng đời đầy biến động
Tình ơi cứ mãi phiêu bồng
Tôi không phải nhà thơ
Một tên lãng tử
Mượn chữ nghĩa làm phương tiện tỏ bày
Tôi là kẻ ngoại đạo của ngôi đền nghệ thuật
Có con tim mà thiếu trí thông minh
Gã lãng tử lang thang trên đường đời vô định
Viết những gì thấy thích
Đời chỉ thể thôi.



Bernice Bing: những nét vẽ Thiên

PHAN TẤN HẢI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Trái: Tranh "Chân dung tự họa với mặt nạ" (Bernice Bing, 1960). Giữa: Bernice Bing khoảng 1960s.
Phải: Tranh "Vital Energy" (Bernice Bing, 1986)

Bà là một họa sĩ độc đáo. Nói độc đáo bởi vì, bà nổi bật trong kiểu rất riêng, với tài năng và đời sống không hề giống ai hết. Họa sĩ Bernice Bing (1936-1998) là một họa sĩ người Mỹ gốc Hoa, đồng tính nữ, hoạt động trong làng nghệ thuật Vùng Vịnh San Francisco Bay trong thập niên 1960s, có ảnh hưởng từ nền văn hóa Beats – kiểu phóng khoáng hippies có chất phản kháng xã hội – trong khi bản thân họa sĩ Bing chịu ảnh hưởng Thiên Tông, và đưa ảnh hưởng Thiên vào nét vẽ trừu tượng thư pháp mà Bing ảnh hưởng sau khi học với họa sĩ Nhật Bản Saburo Hasegawa. Làm thế nào trong một họa sĩ lại có rất nhiều yếu tố thiếu số như thế: gốc Á châu, đồng tính nữ, văn hóa Beats, và nét vẽ Thiên Tông?

Vậy mà, trong nhiều thập niên vừa qua, con người và tác phẩm của họa sĩ Bernice Bing y hệt như tàng hình. Cho tới bây giờ, gần ¼ thế kỷ sau khi từ trần năm 1998, Bing lại được vinh danh ở bảo tàng viện Asian Art Museum với cuộc triển lãm nhan đề **"Into View: Bernice Bing"** (Vào điểm nhìn: Bernice Bing) --- nơi đây triển lãm các bức tranh, các bản vẽ, và các trang trích từ nhật ký của Bing từ thời cuối thập niên 1950s tới giữa thập niên 1990s. Cuộc triển lãm hiện đang diễn tiến và sẽ kết thúc vào cuối tháng 5/2023.

Người giám quản cho cuộc triển lãm của Bing là Abby Chen, người năm 2018 được bổ nhiệm làm Giám đốc đầu tiên phụ trách về hội họa

đương đại tại bảo tàng này, nhận định rằng cuộc triển lãm này cho thấy sự đầu tư của bảo tàng viện này đối với các họa sĩ Hoa Kỳ gốc Á chưa được công nhận đúng mức. Nghĩa là, theo ý người giám quản, tài năng của họa sĩ Bernice Bing lẽ ra cần được vinh danh thích nghi hơn.

Thê thảm tới mức, trong khi Tự điển Wikipedia viết về cuộc đời họa sĩ Bernice Bing bằng 9 ngôn ngữ (Anh, văn, Pháp, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Ukraine, A rập Ai cập, A rập, Hebrew [Do Thái], Welsh) nhưng không thấy tiếng Trung Hoa. Có phải chính phủ Bắc Kinh và cả chính phủ Đài Loan đã xem họa sĩ Bernice Bing y hệt như ngoại tộc, không xem bà như khúc ruột xa ngàn dặm?

Bernice Bing có tên tiếng Hoa, theo phiên âm là Lee Yu Bing (李玉冰) và cũng là Lý Ngọc Băng, đọc theo âm Việt. Bernice Bing sinh ngày 10 tháng 4/1936 tại Phố Tàu, San Francisco, California. Bà từ trần ngày 18/8/1998, hưởng thọ 62 tuổi. Tên đầy đủ của bà là Bernice Lee Bing, khi còn thơ ấu được gọi bằng tên đùa giỡn là "Bingo" – có cha là một di dân từ miền nam Trung Hoa, và mẹ sinh tại Hoa Kỳ. Khi Bing sáu tuổi, mẹ chết vì bệnh tim, để Bing bơ vơ với di sản văn hóa Trung Hoa rất nhạt nhòa. Không cha lẫn mẹ, Bing cùng với em gái, tên là Lolita, được đưa vào sống trong các nhà nuôi trẻ mồ côi da trắng. Và rồi cùng với em gái được đưa vào sống trong Ming Quong Home, một nhà tập thể cho các cô gái trẻ

trong Phố Tàu của thành phố Oakland. Bing thỉnh thoảng có lúc được ra cư trú ở Oakland với bà ngoại, người khuyến khích Bing nên theo đường hội họa. Là một đứa trẻ nổi loạn, Bing không học giỏi lắm, thế rồi Bing chuyển sang đam mê học vẽ. Frieda Weinstein, người quản trị di sản Bernice Bing, nói rằng khi chưa tới tuổi thành niên, Bing đã ở tới 17 viện mồ côi khác nhau, bản thân từng bị lạm dụng và cũng từng bị đời lang thang.



Bernice Bing trong xưởng vẽ ở North Beach của bà năm 1961. (Photo: Charles Snyder / Bernice Bing Estate)

Sau khi tốt nghiệp trung học Oakland Technical High School năm 1955, bà nhận một học bổng National Scholastic Award để vào học đại học California College of Arts and Crafts (CCAC). Bà học trường này cùng với họa sĩ trừu tượng biểu hiện George Miyasaki và điêu khắc Manuel Neri. Trong thời gian học nơi đây, Bing học với các vị thầy như Nathan Oliveira (1928-2010), Richard Diebenkorn (1922-1993), và Saburo Hasegawa (1906-1957), vị sau này ảnh hưởng lớn với Bing. Là một họa sĩ sinh ra ở Nhật Bản, Hasegawa giới thiệu Bing với Thiền Tông Phật Giáo, với các triết gia Trung Hoa, trong đó có Lão Tử và nhà thơ Bạch Cư Dị, và với thư pháp truyền thống Đông phương.



Tranh Bernice Bing. Trái: "A Lady and a Road Map, 1962" (Một phụ nữ và một bản đồ lộ trình); phải: "Không đề, 1988."

Năm 1958, sau một học kỳ tại trường CCAC, Bing chuyển trường sang California School of Fine Arts, nơi bây giờ có tên là San Francisco Art

Institute (Học Viện Mỹ Thuật San Francisco). Nơi đây, Bing học với hai họa sĩ trường phái trừu tượng biểu hiện Elmer Bischoff và Frank Lobdell, và rồi tốt nghiệp văn B.F.A. (Cử nhân Mỹ thuật) với danh dự năm 1959 rồi văn bằng M.F.A. (Thạc sĩ Mỹ thuật) năm 1961. Để tự mưu sinh trong khi học, Bing cũng giữ một xưởng vẽ ở North Beach trên lầu của tiệm ăn Old Spaghetti Factory, một nơi được giới nghệ sĩ ưa chuộng tụ tập.

Vào cuối thập niên 1950s và đầu thập niên 1960s, bầu không khí nghệ thuật vùng Vịnh liên tục sinh động, và Bing sống gần với nhiều họa sĩ nổi tiếng đó. Nhóm bạn của Bing, nhiều người là các họa sĩ trừu tượng nổi tiếng, trong đó có Joan Brown, Wally Hedrick, Jay DeFeo, Bruce Conner và Fred Martin.

Kim Anno, một giáo sư tại California College of the Arts và là một người cố vấn cho cuộc triển lãm tranh Bernice Bing, nhận định, "Bing sống xa lạ, cách biệt đối với những thành phần dư tiền lâm bác."



Tranh Bernice Bing. Trái: "Raging Wind, 1986" (Gió cuộn cuộn); Giữa: "Philosopher's Stone, 1987" (Viên đá của triết gia); Phải: "Ideograph, 1989" (Hình biểu tượng).

Frieda Weinstein, người đồng quản trị Di Sản Bernice Bing, kể rằng Bing trở thành một phần trong không khí nghệ thuật avant-garde (tiên phong, thử nghiệm, sáng tạo...) của San Francisco, ưa tụ tập lang thang với nghệ sĩ hút thuốc và nốc rượu Cognac.

Là một người trọn đời hiếu học, Bing tự học về vật lý lượng tử, say mê đọc về Carl Jung (nhà nghiên cứu nổi tiếng về tâm lý học, về ý thức và vô thức, về tôn giáo...) và năm 1967, Bing vào sống 9 tháng trong phong trào "ý thức nhân loại" tại viện Esalen Institute, tại thị trấn Big Sur, cùng với nhiều nghệ sĩ, trí thức khác. Từ thời đi học, Bing học Thầy Hasegawa về cảm nhận mỹ học và sống mỹ học với Thiền Tông. Nhưng chính tại viện Esalen, Bing được học thêm từ một chân trời Thiền Tông khác: Bing được Alan Watts dạy ngồi Thiền theo phương pháp Zen Nhật Bản để nhận ra tâm tinh thức, rỗng rang, lặng lẽ. Và rồi, Bing trở thành một Phật tử nhiệt tâm.

Bing, bản thân là một người viết nhật ký chuyên cần, tự chất vấn về nơi bà tùy thuộc: "Tôi, là một phụ nữ, là một người gốc A châu, và là một đồng tính nữ trong một hệ thống của đàn ông da trắng - Nơi đâu tôi khởi đầu để kỳ phục thực tại của tôi?" Câu hỏi đó trong nhật ký nổi bật trong bức chân dung tự họa, tay bà cầm một chiếc mặt nạ che mặt. Trong khi đó, bạn hữu và những người chung quanh mô tả Bing là một phụ nữ xinh đẹp nhưng ý chí vững vàng, ưa nói thẳng nhưng khiêm tốn, khô hài nhưng phong thái quý tộc cao



Tranh Bernice Bing. Trái: "Dusk, 1987" (Bóng tối) ; giữa: "Lotus Sutra, 1986" (Kinh Pháp Hoa); phải: "Thư pháp trừu tượng, 1987."

vời, theo lời của Weinstein.

Bing có nhiều năm trong đời hoạt động cộng đồng, soạn ra các chương trình sáng tạo mỹ thuật cho các khu phố, và khuyến khích người khác học vẽ. Sau khi xảy ra chuyện 5 người chết trong một vụ băng đảng gốc Hoa bắn nhau có tên là thảm sát ở tiệm The Golden Dragon tại Phố Tàu San Francisco năm 1977, Bing làm việc với các em thiếu niên ở Phố Tàu, dạy các em vẽ.

Khi được học bổng Fulbright Fellowship, Bing sang Trung Quốc năm 1984. Trong thời gian đó, Bing học thư pháp, và cách vẽ tranh bằng mực truyền thống. Thời gian này, tranh của Bing đậm nét Phật giáo và truyền thống Trung Hoa. Nhiều nét tranh của Bing thời gian này liên hệ tới Kinh Pháp Hoa.

Vào đầu thập niên 1990s, Bing chẩn đoán có bệnh hemochromatosis (nhiễm sắc tố sắt mô) và bệnh lupus (lupus ban đỏ). Họa phẩm cuối cùng của bà có nhan đề "Epilogue" (Tái bút) vẽ trong các năm 1990-1995, chiều cao 1.8 meters và chiều rộng 7.3 meters đầy những màu sắc mãnh liệt và các đường mạnh mẽ. Trong khi vẽ tranh cuối đó, bà viết vào ngày 27/10/1992: "Tôi không có thể thay đổi thế giới. Điều duy nhất tôi có thể thay đổi là tôi. Và như thế có thể trọn một kiếp - không chỉ là kiếp sống hiện tại, nhưng sẽ là nhiều đại kiếp." Chữ đại kiếp là khái niệm chỉ có trong Phật giáo, hàm nghĩa là nhiều không kể xiết, cũng hàm nghĩa là khi thân tâm tan rã, năm uẩn không còn trở về với cái có thể đếm được..

Sau đó, Bing lui về ngôi làng Philo, một nơi cảnh đẹp và xa xôi hẻo lánh, cách San Francisco về phía bắc 120 dặm, nơi bà chăn dê, làm việc trong một tiệm bán thực phẩm hữu cơ và vẽ trong một căn chòi đồ nát.

Chú tâm vẽ, đối với Bernice Bing, cũng là một Thiền pháp. Bà viết năm 1964: "Tôi đôi khi đạt tới trạng thái giác ngộ này trong khi vẽ, nhưng điều này lại hiếm hoi... Tôi như dường không thể đưa cảm xúc mình vào tranh, khi tôi đạt tới cảm xúc trạng thái giác ngộ này." Chỗ này chúng ta có thể suy đoán, khi Bernice Bing có cảm giác tới trạng thái giác ngộ, tức là khi nhìn thấy tâm rỗng lặng (cũng là tâm xa lìa các pháp) thì màu sắc đường nét cũng như đường biến mất.

Nhiều năm sau khi viết như thế, họa sĩ Bernice Bing ghi nhận về pháp Thiền tập của bà và tranh vẽ, vào năm 1989: "Trong pháp tu Phật pháp của tôi, tôi vẫn chưa học được cách buông bỏ cả mỹ thuật. Hình thức cao nhất của mỹ thuật là một phương tiện, một câu thần chú. Tôi còn mang gánh nặng về phương diện sắc tướng của hành vi vẽ tranh." Có vẻ như bà ám chỉ tới Kinh

Kim Cương, khi lời Đức Phật dạy là buông bỏ cả những cái được thấy và những cái được nghe. Trong khi đó, đối với họa sĩ, tranh vẽ là một phương tiện, là một cỗ xe chuyên chở, là một câu thần chú để bà làm cho trong lành hóa cõi nhân gian này, và để giải thoát tự thân người sáng tạo.

Theo học giả Lin Ma, họa sĩ Bernice Bing tiếp cận với cả 3 khuynh hướng Phật giáo: Thiền Tông, Nichiren (Nhật Liên Tông), và Nyingma Buddhism (Cổ Mật PG Tây Tạng). Thái độ ứng xử Phật học của Bing thể hiện qua cách tự nhìn chính mình trong suốt đời là, không để cho được nhìn qua căn cước người Mỹ gốc Hoa, cũng không muốn được xem như một đồng tính nữ, cũng không để cho được nhìn như một phụ nữ. Nghĩa là, vô ngã. Do vậy, công chúng không hề biết Bernice Bing một người đồng tính nữ. Chỉ tới một năm sau khi bà tử trần, trong cuộc triển lãm tưởng niệm 1999 do giới họa sĩ San Francisco tổ chức, lần đầu yếu tố đồng tính nữ được viết lên trong bài tưởng niệm.

Bernice Bing kể về Giáo sư Saburo Hasegawa, người dạy bà về Thiền Tông từ năm 1956, và nói rằng chính thập niên 1956-1966 đã cho bà những khám phá mỹ học Thiền và tư tưởng Đông phương. Trong nhật ký, Bing ghi rằng Hasegawa là "ảnh hưởng thâm sâu đầu tiên về tư tưởng Đông phương."

Bing kể lại về Thầy Hasegawa: "*Ban đầu, Thầy chịu ảnh hưởng hội họa Châu Âu và rồi Thầy mới học Thiền. Thầy thực tập Thiền, và đưa thiền tập của Thầy vào trong họa phẩm. Tác phẩm của thầy là những gì trừu tượng như mộng, đẹp và phóng phất thư pháp. Thầy giới thiệu tôi vào một toàn bộ không khí hoàn toàn xa lạ với tôi. Tôi không có khái niệm gì về gọi là một phụ nữ A châu, và Thầy làm tôi bắt đầu suy nghĩ về cương vị đó, và cũng bởi vì Thầy nói bằng các ẩn dụ."*

Và rồi, nhiều năm sau, họa sĩ Bernice Bing viết về mắt nhìn Thiền Tông của bà: "*Tất cả thiên nhiên đều trong lành thanh tịnh, và đều trừu tượng một cách thanh tịnh, là sự hợp nhất tâm linh nối kết cả hai phần: những sắc tướng thiên nhiên được thấy và không được thấy.*" ("All nature is pure, and purely abstracted, the spiritual union links both the seen and the unseen forms of nature.") Hiển nhiên, tự thân bà đã có một cái nhìn của một bậc Thiền sư.

Thấy như thế, viết như thế, vẽ như thế, và sống như thế. Không có bao nhiêu người tới được nơi mắt nhìn thanh tịnh trừu tượng như bà, nơi trong kinh thường gọi là pháp nhãn thanh tịnh. Lý Ngọc Bằng, còn gọi là Bernice Bing. Là như thế. Chỉ là như thế. Nơi đây, bà không muốn được định vị căn cước của bà theo bất cứ cách nào khả lượng của thế gian.



Hình trái: Bing năm 1965, đang hút thuốc lá. Phải: Tranh "Blue Mountain, No. 2" (Bernice Bing, 1966).



ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI SAU ĐỘT QUY

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Đột Quy hoặc Tai Biến Động Mạch Não (Stroke) là trường hợp trong đó một nhóm tế bào não đột nhiên không còn được động mạch tiếp tế dưỡng khí và chất dinh dưỡng. Tế bào não bị tổn thương và vùng cơ thể do các tế bào này kiểm soát sẽ không hoạt động được như thường lệ.

Nguyên nhân gây ra sự gián đoạn dòng máu chảy tới não là động mạch bị tắc nghẽn vì một cục máu hoặc mạch máu bị đứt đoạn.

Tùy theo vùng nào của não bị tổn thương, tổn thương nhiều hay ít và sự cấp cứu mạng máu tới não mau hay chậm mà hậu quả sẽ nặng hay nhẹ, vĩnh viễn hay tạm thời. Thường thường, phần cơ thể đối diện với vùng não bị tổn thương sẽ chịu các hậu quả này.

Hội Stroke tại Hoa Kỳ cho hay, hiện nay tại đất nước này có trên 4 triệu người đang sống với nhiều khó khăn về sức khỏe cũng như sinh hoạt hàng ngày sau khi bị Đột Quy. Ấy là chưa kể nếp sống của cả nhiều triệu người khác cũng gián tiếp bị ảnh hưởng. Đó là các vị phổi ngẫu, con cái đang dành nhiều thời gian, sức lực để sống với và chăm sóc người thân thoát khỏi lưới hái tử thần vì tai biến.

Hậu quả của đột quy

Hậu quả của Đột quy gồm có liệt, yếu, mất cảm giác nửa người, mất thăng bằng cơ thể đi đứng không vững; không diễn tả được ý nghĩ, lời nói, không hiểu chữ viết và lời nói người khác; ăn nuốt khó khăn; giảm thị lực, không nhìn được phía nửa người bị liệt; không kiểm soát được đại tiểu tiện; trí nhớ và sự suy nghĩ giảm, không tự chăm sóc được.

Theo thống kê, hậu quả đột quy như sau:

- 10% bệnh nhân thoát hiểm bình phục hoàn toàn
- 25% phục hồi với tổn thương tối thiểu
- 40% chịu đựng tổn thương tử trung bình tới trầm trọng, cần sự chăm sóc đặc biệt
- 10% cần được chăm sóc tại dưỡng lão viện hoặc các cơ sở chăm sóc lâu dài khác
- 15 tử vong một thời gian ngắn sau tại biến.

Điều trị phục hồi

Điều trị Phục Hồi Sau Tai Biến (Rehabilitation Therapy After Stroke) có mục đích giúp não bộ tái tổ chức cấu trúc bị tổn thương, từ đó giúp bệnh nhân tìm lại toàn phần hoặc một phần các chức năng đã bị stroke lấy đi, đồng thời cũng để tránh sự tái phát của stroke. Điều trị này cần được thực hiện ngay sau khi bệnh nhân thoát khỏi lưới hái của tử thần, từ khi còn ở bệnh viện,

24- 48 giờ sau khi stroke đã ổn định và tiếp tục tại gia một thời gian lâu dài.

Phục hồi sẽ giúp bệnh nhân sống tương đối độc lập hơn, tự chăm sóc và hòa mình với gia đình, xã hội. Bác sĩ chuyên khoa sẽ phối hợp với các nhà chuyên môn y khoa học khác để lập một team trị liệu cho bệnh nhân, thường thì gồm có:

- Một nhà chuyên môn về Vật lý Trị liệu (Physical Therapist) hướng dẫn bệnh nhân cách tập luyện để phục hồi khả năng đi đứng, lấy lại sự thăng bằng cơ thể, sử dụng tay chân trong các công việc thường nhật, lấy lại sức mạnh cho cơ bắp đã bị suy yếu, giúp khớp không bị đóng băng (frozen), đau cứng.

- Một điều trị viên lao động (occupational therapist) để giúp bệnh nhân thích nghi với hoàn cảnh mới, tiếp tục các sinh hoạt hàng ngày cho sự sống như ăn mặc, vệ sinh cá nhân... càng ít phụ thuộc vào người khác càng tốt; sử dụng vài dụng cụ y khoa để tăng sức mạnh cơ bắp, giảm đau nhức khớp xương; giúp đỡ phương tiện di chuyển, mua sắm, nấu nướng...

- Chuyên gia tư vấn tâm lý (Psychologist) để giúp bệnh nhân đối phó, giải quyết với cảm giác thất vọng vì đột nhiên trở thành vô dụng, ăn bám rồi buông xuôi, trầm cảm, không có động lực cũng như nghị lực để vươn lên. Tâm trạng này là nguyên nhân chính đưa bệnh nhân vào tình trạng suy sụp cả thể xác lẫn tinh thần.

- Chuyên viên phục hồi khuyết tật ngôn ngữ (Speech-Language Therapist) giúp người bệnh học lại cách phát âm ngữ hầu có thể diễn tả ý nghĩ, lời nói rõ ràng rành mạch hơn.

- Chuyên viên xã hội (Social Worker) góp ý lập kế hoạch điều trị sau khi bệnh nhân xuất viện; tư vấn cho gia đình và bệnh nhân đối phó với hậu quả xã hội của bệnh; giúp bệnh nhân tìm kiếm các dịch vụ mà xã hội cung cấp để người bệnh có đời sống thoải mái hơn và sớm trở lại sinh hoạt bình thường.

- Chuyên viên dinh dưỡng (Dietitian) giúp bệnh nhân trong vấn đề dinh dưỡng sao cho thích hợp với tình trạng bệnh.

Và bác sĩ gia đình cũng như chuyên khoa các ngành tim mạch, thần kinh luôn luôn theo dõi, điều trị các bệnh mà bệnh nhân đang chịu đựng.

Vài điều thưa với bệnh nhân

Điều trị phục hồi là việc làm phức tạp, khó khăn nhiều khi bực bội, luôn luôn rơi vào tâm trạng buồn chán buông xuôi. Vì khả năng cơ thể mất đi thì mau mà lấy lại thường thì chậm trễ. Cho nên, có những lúc tình hình tưởng như khá

hơn rồi thấy như đầu lại vẫn hoàn đó.

Nhưng xin ghi nhớ, “có công mài sắt, có ngày nên kim”. Các chuyên viên y tế và người thân luôn luôn sát cánh, tiếp tay.

Cũng nhắc lại là tế bào não có một khả năng phục hoạt một phần đã bị tổn thương, đồng thời các tế bào não lành mạnh xung quanh cũng gia tăng lao động để “chị ngã, em nâng”, bù đắp phần vụ của các tế bào bị hư hao. Cái khó là làm sao “động viên” được sự bù đắp này.

Xin hãy tận tâm, bền chí và có thái độ tích cực. Nói hết ước muốn, bực bội, khó khăn của mình cho toán chuyên viên y tế, cho thân nhân để họ giúp đỡ. Ngoài ra, cũng còn nhiều tổ chức trong cộng đồng như Hội Stroke tại địa phương, nhóm thân hữu bệnh nhân stroke... đều sẵn sàng tiếp tay nếu mình yêu cầu.

Đôi điều với thân nhân chăm sóc

Trong trách nhiệm khó khăn, nặng nhọc, đôi khi bực mình nản chí vì thay đổi tính tình, trở nên khó tính của người thân bệnh hoạn, e ngại tai biến tái phát, e ngại người thân khó thích ứng với tình trạng kém phần sáng sủa, thêm vào đó không hiểu đời sống của mình sẽ ra sao, liệu còn cang đáng chăm sóc được bao lâu, chăm sóc có chu đáo không hay là cũng kiệt quệ theo người bệnh...

Nhưng nghĩ lại ngày nào mấy chục năm trước đây, ngón tay lóng ngóng tay trao nhẫn cưới, quỳ gối trước Thánh Giá, Phật Đài, thề thốt cùng nhau đi trọn cuộc đời vui buồn có nhau... Mà bây giờ thì có lẽ buồn hơi nhiều hơn vui...

Hoặc nghĩ tới các đấng sinh thành đã từng chín tháng mang nặng đẻ đau, bươn chải vật lộn với đời sống nuôi dưỡng con cái, mong sao con sớm trưởng thành, nên người.

Để mà làm tròn nghĩa vụ làm vợ, làm chồng, làm con

Một đồng nghiệp đàn anh ở Houston miền nắng ấm, niên tuế ngoài tám chục, đã dành gần 1/2 cuộc đời để chăm sóc rất chu đáo người bạn đường bị stroke, đồng thời nuôi nấng bầy con nên người, mà đàn anh vẫn lạc quan, yêu đời, lại còn có thì giờ nghiên cứu soạn ra nhiều tự điển văn học giá trị.

Một thân hữu ở San Jose sau tai biến phải dùng xe lăn nhưng nhờ có nhiều niềm tin tôn giáo, một thân hữu khác ở Los Angeles vẫn bước thấp bước cao tập luyện, chạy bộ mỗi ngày nhờ nhiều nghị lực vươn lên. Họ đều đã vượt khỏi tàn phế để viết phổ biến các điều ích lợi và đang sống gần như bình thường, với sự hỗ trợ của người vợ hiền và các con, cháu.

Còn nước còn tát mà.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



TUỆ GIÁC BÀY

*Mượn bút thi nhân thảo mấy vần
Giải bày tâm sự nỗi buồn vui
Nào khi chán ngán đời muôn mặt
Lại lúc bàng khuâng bạn mấy người
Đông cảm ngâm ngùi tình âm lạnh
Thu hoài thao thức nghĩa đầy vơi
Phiền não, an lạc cũng tâm đây
Ta về nghe Chánh Pháp Như Lai
Tự tánh xưa nay vốn không, lặng
Đào điên vọng tưởng khiến đọa đày
Hãy dứt bỏ tham, sân, si, ái
Chuyển hóa thân tâm, Tuệ Giác bày!*

PHÙ SINH NHƯ MỘNG

*Giao mùa sương gió quện heo may
Mời bạn cùng ta nhấp chén say
Say để cho quên tình mặn nhạt
Tình càng thêm ngán vị chua, cay
Đã không lưu ý đời ngang trái
Thì bận lòng chi chuyện dở, hay
Vì biết phù sinh như giấc mộng
Sinh-tử đời người tựa mây bay
Cuộc bể dâu nào của riêng ai
Rồi cũng tàn theo ngày tháng lụn
Kết cuộc hạ màn vẫn trắng tay
Nhu Nữ hoàng Elizabeth còn đâu
Vinh hoa, phú quý mấy cũng sàu
Quyền uy, địa vị cao như núi
Cũng đành bỏ lại thế gian thôi
Cánh nhân gian vật đổi sao dời
Lòng bụi ngùi già từ thế giới
Trên cõi thiên đàng mở lối đi!*

thơ **DIỆU VIÊN**

NẤM KIM CHÂM XÀO THẬP CẨM CHAY

1. Nguyên liệu:

- Nửa củ cà rốt lớn, rửa sạch bổ làm 3, xắt lát mỏng vừa.
- Hai bịch nấm Kim Châm (Enoki mushroom), cắt gốc, rửa sạch để vô thau, cho nước vào ngâm, rồi xả nước cũ cho nước mới vào, làm như vậy khoảng hai ba lần, vớt ra rửa, tách nhỏ.
- 3 miếng đậu hũ đã chiên sẵn, cắt mỏng (1 hộp Tofu hiệu House Foods medium firm 19oz, bỏ vào vò nước xả cho sạch để ráo nước, cắt làm 5 miếng lớn chiên vàng)
- Nửa bịch đậu ve, rửa sạch bỏ cuống, xắt xéo mỏng xào cho mau chín và dễ thấm
- 2 muỗng canh gừng băm
- Muối biển, đường organic, tiêu, ngò
- Dầu hào chay (Vegetarian stir fry sauce)

2. Thực hiện:

- Bắc chảo lên, cho ít dầu, chờ nóng, cho đậu ve vào xào cho đều, rồi cho 1 muỗng cafe muối, 1 muỗng đầy cafe đường xào cho đậu ve xanh và ra nước ươn ướt, tắt lửa.
- Bắc chảo khác lên, cho 1 muỗng canh dầu, chờ nóng cho gừng vào xào cho thơm, đổ carrot vào xào đều, kế tiếp cho nấm vào đảo đều
- Cho tiếp đậu hũ và 2 muỗng cafe muối, 1 muỗng cafe đường, 1 muỗng canh dầu hào chay, trộn đều
- Trút chảo đậu ve vào chung, trộn đều, đây nắp lại, nấu lửa lớn khoảng 3 phút là chín, không cần cho nước, nấm tự ra nước. Mở nắp cho ngò, tiêu vào trộn đều rồi tắt bếp, múc ra đĩa.

G. Phượng



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



DIỆU TÂM ĐỊNH LỰC

Ni cô vốn con gái đất "Ngũ phụng tề phi". Lúc nhỏ đã có biểu hiện từ tâm và hướng đến giải thoát, sau xin xuất gia tu học. Sư phụ nhận thấy cô căn khí nên bồi dưỡng và cho vào Ni viện Hồng Ân để tu học; mấy năm sau ni cô thọ giới sa di ni và hơn nữa là thức xoa ma ni.

Lúc này pháp nạn đã yên phần nào, riêng quê hương ni cô thì vẫn còn nghiệt ngã. Chính quyền sở tại vi phạm nghiêm trọng những nguyện vọng căn bản của Phật giáo đồ và thẳng tay đàn áp dã man. Ni cô đau lòng vì hậu pháp nạn vẫn tiếp diễn và muốn noi gương bồ tát Thích Quảng Đức. Ni cô bản tánh ít nói nhưng đã tuyên bố: "...Sự tự thiêu của tôi không vì nguyện vọng riêng tư ích kỷ, mà sự tự thiêu của tôi là để khai tâm cho những ai đang âm mưu tiêu diệt Phật giáo Việt Nam."

**DIỆU TÂM VÔ ÚY NHẤT THỪA NGUYỆN HẢI TỬ HỒNG HÒA THIÊU THÂN VI PHÁP
ĐỊNH LỰC KIM CANG NGŨ PHỤNG TỀ PHI
TÔN LAM Y TẬN HIẾN CÚNG ĐƯỜNG.**



Tượng đài Sư cô Thích Nữ Như Định ở Chùa Hải Lạc, Đà Nẵng.

HOẰNG PHÁP VẬY SAO

Con cháu tộc Việt dạt về biển tây, sau một thời gian an cư lập nghiệp đồng thời cũng dựng chùa để thờ Phật. Đồng hương có chỗ lễ Phật, sum họp trong những ngày lễ... Nhiều vị kêu gọi:

- Chùa chúng ta quyết tâm hoằng pháp, giáo dục, duy trì truyền thống dân tộc...

Thế là các chùa đua nhau quyên tiền rước La Hán Tàu, sư tử Tàu, pháp khí Đài Loan, đèn đá, chậu kiểng xi măng... về chưng, giá cả nào có ít, cả trăm ngàn đô Mỹ. Trong khi ấy Phật giáo tộc Việt ở đây chỉ có một tờ báo chung để truyền bá Phật pháp, tin tức Phật sự, giáo dục và duy trì văn hóa lại chẳng được chùa chiền quan tâm hay ủng hộ. Tờ báo thiếu hụt tài chánh phải hạ bớt số lượng in ấn, cắt giảm số trang, tương lai có thể sập tiệm. Người biết chuyện than thở:

- Người thế tục tục không đọc đã đành, người trong chùa cũng không đọc nổi, có lẽ vì bận bịu làm chay, gây quỹ, xây dựng, du lịch, hành hương... Hoằng pháp, giáo dục, văn hóa như vậy sao?

Ai đó tức cảnh sanh tình, viết trên vách một ngôi chùa ở địa phương:

*Trang trí chỉ làm vui mắt thôi
Sao bằng sách, báo huệ tài bồi
Hoằng pháp rộng truyền thông chữ nghĩa
Văn hóa tồn lưu với giống nòi.*

CHẤP NHỎ BỎ LỚN

Đậu đi du lịch châu Âu, khi về kể chuyện chơi và than thở:

"Những tưởng là xứ văn minh, nào ngờ cũng nhóc trộm cắp cướp giết như rươi."

Tám, bạn nói khổ của Đậu nghe nói vậy bèn cười tưng tưng:

- Giá mà áp dụng luật Hồi giáo, cứ trộm cắp thì chặt tay, ắt vấn nạn sẽ được giải quyết!

Đậu phản đối:

- Vậy đâu có được! Vì cái nhỏ bỏ cái lớn à? Trộm cắp vặt mà chặt tay, vậy lũ quyền thế trộm cướp, bóc lột quá dã man kia thì xử sao?

- Cho rút dây kinh nghiệm, khắc phục khó khăn, chuyển công tác cao hơn... may ra họ sẽ hồi tâm chuyển ý!

- Mày nói chuyện hoang đường quá.

- Ừ thì vậy, nhưng ăn cắp mà chặt tay thì xem ra chấp nhỏ bỏ lớn rồi.

KHẮC BIẾT

Dòng xe nườm bợp qua lại, khách bộ hành và người dạo mát ai cũng nhìn ngắm trầm trồ ghen ngợi nào là hùng vĩ nhất, dài nhất, đẹp nhất... Chợt có người từ trên cầu gieo mình xuống nước. Một thiếu phụ chứng kiến sự việc, than thở:

- Tôi nghiệp quá, chắc thất tình?

Thằng bé con đi cùng cãi:

- Chú ấy đâu có thất tình, chú ấy đi theo tiếng gọi tình yêu của mỹ nhân ngư.

Lúc ấy dưới long cung, long vương bảo:
- Xưa con vì tình yêu mà chịu đau đớn xẻ đuôi đổi lấy đôi chân. Nay có kẻ vì tình đâm đầu xuống biển, tình yêu là cái gì mà có mãnh lực ghê gớm thế?

Mỹ nhân cười:
- Phụ vương không hiểu nổi đâu, khi nào vướng vào thì khắc biết.

MẬT VÀ RUỒI

Xứ quờn thời tân hồng khéo vờn vẽ chuyện bá vợ, ấy vậy mà người xứ ấy xôn xao hẳn lên. Có kẻ xứ ngoài cũng hăm danh chạy về hồng kiếm chắc chút đỉnh, ngật nổi mật ít ruồi nhiều, có tiếng bản tin:

- Chú em người ngoài, không đủ tiêu chuẩn.

Y nhanh trí, tay chân lanh lẹ, bèn dúm cho chính thống lẫn mạng xã hội tung hô:

- Ông Nguyễn Trần Lê là khúc ruột ngàn dặm yêu nước, có thành tích trong việc xây dựng nền văn hóa mới, nay triều đình ban tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân động nghệ sĩ ưu tú.

Nhiều người diễn trong xứ nhưng không được danh hiệu ấy tức khí:

- Ruồi có chề mật mỡ bao giờ.

LÀM CÁI MẸ GÌ

Ra trường, mọi người bay nhảy bốn phương. Kẻ làm nên sự nghiệp ông nọ bà kia, đưa thành thương gia nghiệp chủ, cũng có một vài trụ vững vào chữ nghĩa bá vợ... Ngày gặp mặt vui như hội. Tèo xưng:

- Tao giờ quản lý hăng cả mấy trăm người.

Cái mở bảo:

- Tổ thì chặn mấy chục em chân dài.

Riêng thằng Tí dương dương tự đắc:

- Tổ là cán bộ chủ chốt đương quyền.

Nhiều người đồng thanh hỏi:

- Làm cán bộ là làm gì há mây?

Thằng tám nhanh nhẩu thày lay:

- Làm cán bộ có làm cái mẹ gì đâu, chỉ có nhậu và đớp thôi! Ờ, mà cũng có làm, làm ra cơ hội để người ta cống!

Cả đám cười rần rật, Tí cười gương trẻ mép, mặt giãn biến sắc.

CÁI GÌ CŨNG NHẤT

Sân khấu rục rờ đèn màu, âm thanh ồn ào náo nhiệt, bên dưới khán giả vỗ tay cười nói rôm rả tán thưởng hai anh hề:

Tám: Xứ mình nhỏ nhỏ nhưng mà "hoành tráng" lắm đó nha, cái gì cũng nhất cả!

Đậu (biểu môi cười khi dễ): Anh đúng là tám, làm gì có chuyện gì cũng nhất, chỉ có ăn và phá là nhất thôi!

Tám: Anh đúng là lạc hậu và phản động, hãy nhìn xem nhé: Đẩu thầu hay nhất vì ai bỏ giá thấp nhất sẽ thắng; xây xa lộ lâu nhất, chất lượng tệ nhất, tốc độ xe thì chậm nhất... Xa lộ độc nhất vì không có làn cấp cứu, nhiều trạm thu phí nhất, người làm dự án giàu lên nhanh nhất...

Bấy giờ Đậu vỗ trán: Ừ, quả thật cái gì cũng nhất, quyết tâm nhất thế giới luôn!

TRÀ TÀU

Năm ấy cụ Đảng chủ sang Tàu châu, để lấy lòng Tập xính xáng nên cụ nói:

- Cầm ơn nị đã chiêu đãi và cho ngộ dấm xà, ái dà, trà Tàu của nị ngon hơn trà của nước ngộ.

Tập xính xáng cười híp mắt, y biết tông ruột gan của thằng đàn em, y cũng hài lòng vì sự thần phục ngoan ngoãn nên vỗ vai xoa đầu cụ:

- Ấy da, nị nói phải đời, trà Tàu thì phải nhất thiên hạ!

Tập xính xáng cùng với Sa hoàng đỏ bắt tay nhau, cùng quyết định ở ngôi suốt đời, tuy nhiên Tập xính xáng ma mãnh và hám danh nên cho tổ chức tái đảng quang. Trong buổi lễ y cho người hạ nhục bằng cách tổng cổ cụ xính xáng ra khỏi hồng cung. Sau lễ, cụ Đảng chủ lật đật lọ mọ sang châu. Xính xáng hài lòng ban khen trông vào cổ cụ một dây chuyền to tổ bố. Con em, đồ đệ của cụ lấy làm vinh dự, còn hàng thức giả thì thấy nhục nhã quá. Riêng cư dân Net thì bảo:

- Sao giồng dây lòi tới mà giang hồ Khả Bảnh đã đeo?

Georgia, 11/22





Vàng dương sau bão lũ

TRẦN TỬ KHÁCH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sư Phụ đứng trầm ngâm, giữa khung trời bạt ngàn gió hút, cơn bão lụt đã trôi qua nhưng mọi thứ còn đang trong đổ nát ngổn ngang. Gần mười Thầy trò huynh đệ đang cố gắng thu dọn đồ đạc trong chùa, tìm kiếm những cái gì còn có thể dùng tạm qua ngày, giữa bốn bề là trời mây, nước mưa phủ kín. Chùa đã bị trận bão lụt cuốn trôi, thỉnh thoảng chỉ còn những tấm ngói rơi tứ tung, đồ đạc gần như bị cuốn theo dòng lũ, nhiều cây cổ thụ trong chùa cũng bị bật gốc, một cảnh tượng thật tang thương.

Hầu hết không ai nói ra nhưng mọi người trong chùa ai cũng biểu lộ một nỗi buồn man mác pha lẫn với những cảm xúc tiếc thương, chùa bị hư hại quá nhiều. Ôi! Buồn biết bao khi tượng Phật, bàn thờ, kinh sách đều gần như bị hư hại hoàn toàn.

Mấy chú tiểu còn chưa khỏi bàng hoàng với trận bão lụt kinh hoàng này. Gần cả tuần Thầy trò phải chia nhau những khẩu phần lương thực bằng mì gói, lương khô và uống nước mưa cầm cự qua ngày. Tối nay, bão tan nước đã rút, mây huynh đệ kiếm vội những vật dụng có thể nhen lửa nấu ấm nước sôi mời Sư phụ, sau cả tuần thì hôm nay được bát mì nóng nên ai cũng cảm giác thật ngon. Dưới ánh lửa lập lờ trong đêm tối, cảnh vật u buồn, bên ngoài vẫn còn những hạt mưa đang tuôn rơi, lạnh lẽo. Biết tâm niệm của những đệ tử đang buồn khi bị hứng chịu thiên tai, Sư phụ ôn tồn dạy bảo:

"Ngôi chùa, kinh sách, tượng Phật hay những vật trong chùa mặc dù đã bị cuốn trôi theo dòng nước lũ. Tuy nhiên, chúng ta quý tiếc vì đây là của thập phương bá tánh phát tâm tôn tạo cúng dường, nhưng sự cố này là thiên tai, ngoài khả năng liệu định. Từ xưa đến nay, vô số công trình kiến trúc của nhân loại cũng không thể cưỡng lại được quy luật của vô thường biến thiên sanh diệt.

Thế nhưng tất cả những thứ vật thể hữu hình ấy nếu hư hoại chúng ta còn có thể tạo lại được, chùa sập từng bước xây dựng với sự góp sức của thiện tín mười phương, tượng Phật chúng ta cũng tôn tạo lại, kinh sách có thể in lại những bộ kinh sách khác. Vấn đề các con còn có niềm tin và đủ nghị lực với cuộc sống hay không? Trong dòng luân chuyển của Phật pháp, cứ tiếp tục nối nhau theo tâm nguyện và hoài bão tô đắp xây dựng ngôi nhà Phật pháp. Tùy theo phước báu nhân duyên của mỗi hành giả mà chúng ta trân quý với những gì mình đang có. Không nhất thiết chỉ là chùa to, Phật lớn, hay kinh sách in cho đẹp hay bảo tháp nguy nga, đồ sộ... những thứ này chỉ là pháp phương tiện duyên sinh cùng tương tác theo nhân duyên giữa dòng đời sanh diệt, diệt sanh. Những pháp hữu vi đều phải chịu luật vô thường thay đổi bị mục nát, bị hư hoại, bị hỏa hoạn, hay bão lụt cướp đi.

Những hậu quả của thiên tai thật đáng sợ, nhưng cái đáng sợ hơn vẫn là những thứ tử con

người tạo ra. Vì vạn vật không rời nhân duyên, tất cả đều có sự tương tác nhân duyên lẫn nhau mà tồn tại. Không thể ngẫu nhiên mà thiên tai khốc liệt tàn phá thế này, từ nhân duyên sâu xa những biến động của thiên nhiên cũng không ngoài những biến động của tâm tư.

Mục đích chúng ta tạo dựng những vật chất trong cuộc đời này là để có phương tiện sống hạnh phúc. Chùa chiền, tôn tượng... cũng không ngoài mục đích đó. Tất cả đều nằm trong yếu tố con người. Tất cả sẽ trở nên vô nghĩa khi đời sống này thiếu vắng tình thương lòng bao dung và độ lượng.

Kinh điển mà các con học, mục đích là để chuyển hóa, để có nghệ thuật sống đúng với lời Phật dạy. Nghệ thuật ấy phải đặt tiêu điểm ở sự thanh thoát của tâm hồn. Phải đặt thân tâm của chính mình trong nghệ thuật ấy. Con đường đưa đến đỉnh cao của sự sống, chứ không phải chỉ là những thứ giải trí tô điểm thường tình."

- Bạch Sư phụ! Chúng con rất tiếc kinh sách của chùa mình, nhiều bộ mới tinh, đẹp lắm đặc biệt là bộ Kinh Bát Nhã còn để nguyên trong thùng chưa kịp mở ra cũng bị nước cuốn trôi, chúng con tiếc lắm!

Mấy chú tiểu lòng không ngớt miên man về những thứ đã mất.

- "Kinh là Pháp bảo thiêng liêng, đương nhiên là chúng ta hết lòng cung kính, tiếc khi sự cố thiên tai xảy ra như thế. Kinh điển các con hằng ngày thọ trì đọc tụng, mục đích để khai mở tâm trí, để có được trí tuệ Bát Nhã thật sự, để thấy và biết rõ đồng thời sống đúng với pháp thực của đời mình. Nếu như năm tháng thoi đưa, những bộ kinh của các con đọc tụng, hay thậm chí các con tụng Kinh Bát Nhã đi chẳng nữa mà không vận dụng lời kinh để thấy ngộ được tâm thì tất cả chỉ dừng lại nơi kinh văn Bát Nhã chứ không phát sanh được trí tuệ Bát Nhã. Kinh Bát Nhã vẫn là Kinh Bát Nhã nếu con chỉ dừng lại những điều giới hạn lời Phật dạy nơi sự tôn trọng kinh pháp mà không thực hành lời Phật dạy, thì muôn đời Kinh Bát Nhã đó là do Phật nói ra, con không hề có được sự lợi ích để khai tâm mở trí. Diệu dụng của Bát Nhã không phải để ta cầu lay van xin, mà chuyển hóa những lời Phật dạy từ Kinh Bát Nhã kia để thể nhập được trí Bát Nhã trong đời sống hằng ngày. Trí Bát Nhã không có trong quyển kinh mà con hằng ngày đọc tụng, không có trong những văn tự uyên thâm đó, vì đó là lời của Phật chứ không phải của chúng ta.

Nếu những vướng mắc đời thường còn đầy dẫy những tham vọng, sân si luôn ngự trị trong lòng thì dù chúng ta có in viết chép bao nhiêu quyển Kinh Bát Nhã; thậm chí bài lay xuống bao nhiêu đi chẳng nữa thì cũng chỉ là những phước báu hữu lậu nhỏ nhoi của kiếp người.

Nếu dừng ở hình thức, văn tự, ngữ nghĩa

thường tình, thì quyển Kinh Bát Nhã mà chùa chúng ta mất do bị dòng nước lũ cuốn trôi và đều bị hủy hoại theo nhân duyên. Thế nhưng, dòng mạch của Phật đã cuộn chảy trong pháp bảo thiêng liêng, đó là dòng suối nguồn của Bát Nhã vô tận khi mỗi người con Phật ứng dụng hành trì, đó là Bát Nhã không văn tự, không thể bị bão lụt của trần gian cuốn đi, không thể bị hỏa hoạn của thế gian làm tiêu mất.

Điều quan trọng trong tâm các con có bị những dòng nước lũ đó cuốn trôi, những danh vọng hào huyền, những tài lộc của thế gian cũng mong manh, thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất... sóng thần sẽ cướp đi tất cả. Quyển Kinh Bát Nhã bằng giấy cũng là pháp vô thường trong khoảng trời đất này. Nếu chúng ta không biết chuyển Kinh Bát Nhã trở thành trí tuệ Bát Nhã để sống, để yêu thương, cảm thông, chia sẻ, và có tình thương giữa cuộc đời ngũ trước này thì dù cho trăm ngàn quyển kinh, sơn son thếp vàng trân quý cũng chỉ mãi mãi là những thứ ràng buộc mà thôi."

Hơn bao giờ hết, ngay từ phút giây này, chúng ta, mỗi người hãy cùng nhìn lại và quán chiếu xem chúng ta có bị những dòng nước lũ ấy cuốn trôi hay không? Vì thân mạng của mỗi chúng ta cũng mong manh dễ bị cuốn trôi trong dòng nước lũ của ngũ dục thường phàm. Chúng ta rất dễ bị đánh mất mình trong những trá hình của danh lợi, địa vị, huyênh hư... Đôi khi ta tự biện hộ cho chính mình bằng những ngôn từ hoa mỹ hay giá cái danh hiệu để tự trang sức cho mình. Trong đợt bão lụt vừa qua, có nhiều người bị dòng nước lũ kia cuốn trôi, có những vị đi cứu người bị nạn cũng đã qua đời... những người ấy thân mạng họ có chết đi nhưng những niềm tiếc thương của người ở lại nhớ về họ, yêu mến họ, và còn trân quý sự hy sinh của họ. Cùng là kiếp người, cũng là thân mạng này nhưng mỗi cái chết có sự sai biệt nhau về ý nghĩa, về sự hy sinh. Thế nhưng nếu chúng ta bị dòng nước ngũ dục cuốn trôi, chẳng những ngay trong đời này bị người đời khinh khi, thế nhân không chấp nhận, mà trong chuỗi dài sanh tử trầm luân của vòng xoáy lốc nghiệp lực khó có thể thoát ra.

Thiên tai thật đáng sợ, nó gây nhiều thiệt hại cho con người, cướp đi tài sản, sinh mạng, nhà cửa, vườn ruộng... Nhưng chính trong những lúc khó khăn ấy con người mới thấy được cái quý giá của tình người. Dù vậy, nhưng mảnh đất vẫn còn, các con còn có thể từ mảnh đất này mà gầy dựng lại. Có khi còn để lại chút phù sa màu mỡ cho con người trồng trọt hoa màu lúa mạ. Thế nhưng những cơn bão lụt của tâm thức con người thì cuốn trôi toàn bộ công đức, cuốn trôi tất cả những ân tình của cuộc sống mà chúng ta đã từng gầy công tạo dựng khổ sở nhọc nhằn để tạo ra nó... và hệ lụy của chúng còn tai hại nhiều hơn nữa. Vì lúc đó, chỉ còn lại những mảnh tâm tư căn cỗi chai sạn cảm xúc, những hận thù tranh chấp hơn thua... thật đáng buồn thay khi tất cả chúng ta sống trên đời này chỉ là một cơn ảo mộng thoáng qua. Nếu cuộc đời mình không tìm được niềm vui chánh pháp thì cũng như những vật hữu tình này sẽ bị những trận lũ cuốn chìm từng đợt này sang đợt khác...

Đức Phật dạy: "Tất cả những pháp hữu vi đều vô thường, hư dối không thật." Chính vì những cái giả tạo đó ngay trong cuộc đời này chúng ta tạo

cái niệm chân thường từ ngay cõi lòng thực tại của chính chúng ta.

Ngâm ngùi trước cảnh vật hoang tàn, không phải chỉ riêng chùa chiền mà còn cả xóm làng, cả vùng rộng lớn bị cơn bão lũ tàn phá, người dân chưa kịp khắc phục cơn bão vừa qua thì cơn bão khác lại có nguy cơ tiếp tục ập đến. Con người đang sống trong hoàn cảnh đó làm sao tránh khỏi cảnh ngâm ngùi, thương tâm, đối mặt trước những biến cố của cuộc sống. Tuy vậy, chúng ta vẫn gắng ngược nhìn ánh mặt trời sau một thời gian dài bị bão lụt và mây mù che khuất.

Đêm về Tiểu Hiện chợt gọi:

"Các Sư huynh ơi! Còn có vài tuần nữa là cúng Sư Ông rồi, bão thế này mình phải làm sao?"

Tiểu Hiện thở dài. Cả chùa ai cũng ngâm ngùi, chỉ còn vài tuần nữa là đến ngày Hủy Nhật Sư Ông, mới đó mà đã gần 5 năm Sư Ông viên tịch, thời tụng kinh sáng tối nay Sư phụ bỗng vỡ òa với từng dòng cảm xúc, nước mắt chảy dài, âm thanh hòa quyện nghẹn ngào theo lời kinh. Lúc còn sinh tiền, mỗi khi sắp đến mùa bão lũ Sư Ông thường hay nhắc nhở chúng con kiểm tra lại nhà cửa, những cây cột kèo nào mối mọt hay không chắc chắn thì thay ra, đặc biệt tất cả những cánh cửa được chú ý sửa lại rất cẩn thận.

Thế nhưng năm nay, luồng gió chưa phải là cuồng phong như những lúc Sư Ông còn sinh tiền, chỉ là cơn gió mạnh thổi, nhưng vì chủ quan theo thành kiến cá nhân và không đặc biệt lưu tâm đến nên không để ý đến tác hại của nó, thậm chí cửa nẻo lại mở toang, để cho gió lùa vào nhà, hắt đổ đồ đạc và thiệt hại chưa từng có. Những loài rắn, rết, côn trùng độc địa nhân đó cũng vào nhà, gây thêm nhiều nỗi lo lắng khác.

Bão tan, nước cũng rút, trời bên ngoài gió cũng đã tạm dừng, từng chòm mây mờ dần tan đi. Mấy huynh đệ ngồi cố gắng nhóm bếp lửa hồng sau cả tuần lạnh lẽo. Sư Phụ bước ra ngoài nhìn ánh trăng sơ tuần vừa ló dạng trên bầu trời. Thấp thoáng xa xa cảnh núi rừng đang hoà lẫn trong vùng trời nước mênh mông của bão lũ, bên ngoài vẫn còn rất lạnh.

"Vào trong đi các con," Sư Phụ bảo khi thấy các Thầy và chú đang theo Sư phụ ra ngoài. Tất cả huynh đệ đang cố gắng dựa lưng vào nhau trên mấy tấm gỗ xen kẽ vào nhau cho đỡ lạnh.

Trong đêm tối, tiếng kêu ni nờ của loài côn trùng, giặc ngủ mệt như cùng hòa quyện vào nhau, nhưng lúc này, anh em cảm thấy thương nhau hơn, không ai nghĩ gì khác là trông trời mau bình lặng, cơn bão qua đi, cùng nhau dựng lại những gì đổ nát. Tất cả đều thiếp đi, đến khi giật mình thấy trời sáng, bầu trời đã trong xanh trở lại, vầng dương đang chiếu qua khung cửa, ánh nắng ban mai như xua tan nỗi ưu phiền. Căn phòng chật chội nhưng ấm áp tình huynh đệ giờ đây sẽ là điểm khởi đầu cho bước đường trình.

"Trời hết bão rồi, nắng lên rồi, dậy đi các con, tất cả chúng ta cùng nhau xây dựng lại Đạo Tràng."

*Đồng Nai, những ngày về thăm Quê Hương,
9/2022*

TRẦN TỬ KHÁCH

CÔI SÁNG

Mặc kệ tất bật xoay vần
Chăm dứt những trò tái sinh mệt mỏi
Là khi linh hồn hòa vào đường bay ánh sáng
Mãi miết cuộc hành trình trở về nguồn

Có gì đâu ra điều bí ẩn
Con trốt gió bật tràng cười điên dại
Cuốn tung đám bụi mù
Đám linh hồn thêm lần lạc lối

Vũ trụ thấp vạ đèn sao
Mảnh linh hồn bay trong yên lặng
Khước từ vòng ôm mẹ đất
Khước từ tiếng gọi mặt trời từ dãy ngân hà xa xôi

Không gian vang rền thứ mật âm hùng vĩ
Mở ra cõi sáng huy hoàng chói lóa
Ở nơi không đến và không đi
Bản thể linh thiêng hòa nhập vô cùng...

CHẠNH THƯƠNG MƯA NGUỒN

Chạnh lòng nhớ tháng năm xưa
Mái nhà thơ ấu vắng đưa trưa hè
Gió lùa từng đợt sắt se
Chập chờn khói mỏng phên tre bếp nghèo

Tảo tần mưa sạ nắng gieo
Cha cười má hóp buồn đeo phận người
Thâm mong mùaặng tốt tươi
Nhọc nhằn cây cấy đâu lời oán than

Sông quê dầu dãi nắng chan
Người quê chân chất cơ hàn mà thương
Cha còn khuya sớm gió sương
Bóng trắng vời vời cuối đường trông theo

Ngày về chân bước như reo
Bến quê con nước eo sèo ngược xuôi
Bóng cha dáng mẹ ngậm ngùi
Giọt mưa chậm chậm rụng rơi về nguồn...

THẮT TỊCH

Vọc vớt canh khuya
Sóng vỗ mạn thuyền nhớ tay người gõ nhịp
Câu vọng cổ ngửa mặt nhìn trăng mà hát
Xào xạc lau khua cứ ngỡ tiếng hện thè

Vốc nước tìm trăng
Trăng quay mặt
Còn một hư dung
Đau đầu ánh nhìn

Người lỡ hện sông trăng
Sao nữ quên khói sương bàng bạc
Đêm thất tịch mơ hồ
Ngư Chửc kết âm hôn

Đêm qua
Có vầng trăng về muộn
Buồn một mình
Thức suốt canh thâu...

CHÓN CŨ

Nghìn cánh gió bay về đâu xa thăm
Biển lặng im và sóng cũng lặng im
Xóa dấu vết bàn chân trên cát mỏng
Bụi tàn tro cát điệu hát vô phiền

Sớm nay trở gót về chốn cũ
Mọc bên đường loài hoa dại vô hương
Mờ nhân ảnh soi hình gương vờ
Chợt cười khan ngạo khúc vô thường

Thằng thốt chim kêu bờ lau lách
Bình minh thôi cũng đã về chiều
Người về bạn cùng mây thiên cổ
Thấp bóng trắng tà cõi tịch liêu...

thơ TỊNH BÌNH

Chạm vào giấc mơ

TIÊU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế là tôi cũng chạm được vào giấc mơ, một giấc mơ huyền hoặc lạ lùng kéo dài bao nhiêu năm kể từ khi biết đọc sách, biết mộng mơ... Giấc mơ hình thành từ những dòng chữ trong sử sách, giấc mơ lung linh trong tâm tưởng suốt một quãng đường đời.

Một buổi chiều tà tháng Mười, tôi được nhà văn Ban Mai dẫn về thăm Đền Bàn - Hoàng Đế, một địa danh, một mảnh đất đã từng huy hoàng trong quá khứ.

Thành Đền Bàn của vương quốc Champa nổi danh trong lịch sử, có niên đại từ 999-1471. Đền Bàn là niềm kiêu hãnh của người Champa. Ngày xưa quân nhà Lý đã từng tấn công Đền Bàn, chém ba vạn thủ cấp. Quân nhà Trần cũng tiếp tục đem quân tấn công. Vua Duệ Tông nhà Trần vì hữu dũng vô mưu mà bỏ mạng tại Đền Bàn. Duệ Tông là ông vua Việt duy nhất chết ở chiến trường và chết ngoài biên giới quốc gia (Champa thời ấy là một nước độc lập). Khi Tây Sơn nổi lên và phát triển vững mạnh, Nguyễn Nhạc đã chọn Đền Bàn để làm nơi đóng đô, cho tu bổ sửa sang lại và đổi tên là thành Hoàng Đế. Kế đến Nguyễn Ánh giành lại vương quyền và cho phá hủy thành cũng như tất cả những di sản văn vật có liên quan đến nhà Tây Sơn. Lịch sử tương tàn cứ tiếp diễn mãi không thôi.

Tôi đến thăm viếng thành vào một buổi hoàng hôn, ánh nắng vàng nhạt pha sắc đỏ đã xa xa tận chân trời. Chân bước đi mà lòng nổi những cơn sóng không sao kìm lại được. Thành ngày xưa đồ sộ, kiên cố và huy hoàng thế nào không biết, giờ chỉ thấy cỏ dại và lau lách đều hiu. Những dấu vết nền móng bằng đá ong được khai quật ẩn hiện trên mặt đất, chìm lẫn với cỏ xanh ngút ngàn. Tường thành, cung điện, đền đài... xưa giờ chỉ còn là những viên đá ong rải rác đó đây. Bàn tay con

người dựng nên và rồi cũng chính bàn tay con người phá hủy, cộng với sự tàn phá của thời gian... Đền Bàn - Hoàng Đế của một thời lầy lừng giờ nằm yên trong tiếng côn trùng rỉ non dưới ráng hoàng hôn. Tôi lang thang trong vùng đất mà các nhà khảo cổ khẳng định là tử cấm thành xa xưa, chỉ thấy cỏ và cỏ. Vật duy nhất còn sót lại chính là hai con voi đá do người Chăm tạc từ đá sa thạch. Thời gian mấy thế kỷ qua nhưng chất liệu đá sa thạch vẫn còn sắc đỏ ẩn dưới lớp phong hóa rong rêu. Đá sa thạch này cùng chất liệu với những tượng Chăm khác. Hai con voi đá nằm chơ vơ, cô đơn và lạc lõng bên vệ đường của một xóm thôn người Việt. Tôi sờ, tôi ôm hai con voi đá mà lòng cảm thán không sao tả xiết, bất chợt có tiếng bò rống làm cho chị Ban Mai thảng thốt hỏi vì ngõ tiếng voi rống. Cả nhóm đi cùng cười vang vì cái sự mẫn cảm quá mức của những kẻ du tử mê chữ nghĩa. Văn hóa, tín ngưỡng, tập tục văn hóa của người Chăm quá

xa lạ với người Việt. Khi người Việt chiếm được đất của người Chăm thì tất cả bị phá hủy hết, cộng với sự xung đột của các triều đại phong kiến Việt cũng tàn phá không thương tiếc. Không hiểu vì cơ duyên nào mà hai con voi đá của thành Đền Bàn xa xưa còn sót lại đến ngày nay.

Ngoài hai con voi đá Champa của Đền Bàn ấy còn có hai con sư tử đá của Hoàng Đế cũng là di vật còn nguyên vẹn. Hai con sư tử nằm trong khu vực tử cấm thành, rêu phủ mờ xanh, thật cũng không biết vì sao cả tòa thành bị phá hủy mà hai con sư tử đá lại thoát khỏi bàn tay hủy hoại của con người? Đền Bàn - Hoàng Đế một dĩ vãng vàng son, huy hoàng xa xưa giờ còn lại hai con voi đá và hai con sư tử đá của người Chăm Vô số xương máu của cả hai quân Chăm-Việt cùng đổ xuống, phải chăng vì thế mà những viên đá ong còn đỏ đến bây giờ?

Đền Bàn đã bị vua Lê Thánh Tông cho phá hủy, Hoàng Đế đã bị vua Gia Long cho san bằng, ngày nay chỉ còn những vết chân thành bằng đá ong, một





quãng đường ngắn lát đá hoa cương xưa là lối đi trong hoàng cung. Ngoài cặp voi đá, sư tử đá trong tứ cấm thành ra, xa xa hơn chút là tháp cánh tiên thuộc ngoại thành. Đồ Bàn - Hoàng Đế giờ chỉ là dư ảnh trong tâm tưởng hoặc chỉ là chữ nghĩa trong sử sách.

Tôi lần bước dưới hoàng hôn đến viếng lăng mộ Võ Tánh. Ngôi mộ đơn sơ, đắp nổi hình mu rùa, một kiểu mộ tập quán văn hóa của cư dân địa phương thời xưa, ngày nay không còn thấy nữa. Tôi áp bàn tay lên mộ tướng quân và cảm nhận như có một luồng điện xuyên suốt thân thể, lòng bồi hồi xúc động. Những dòng chữ viết về ông tự nhiên xuất hiện trong đầu, những hình ảnh tướng tượng cũng dần đập tuôn ra từ trong tạng thức. Một bản anh hùng ca thống thiết và bi thảm của một giai đoạn lịch sử vô cùng nghiệt ngã. Thành mất tướng chết, cái chết can trường, trung dũng, nghĩa khí. Trước khi tự thiêu, ông đã viết di thư yêu cầu tướng Trần Quang Diệu đối xử tử tế với quân binh trong thành. Anh hùng gặp nhau, khí

hùng tương ứng, đại độ và tâm lượng giao cảm. Đô đốc Trần Quang Diệu chẳng những làm đúng như di thư Võ Tánh để lại mà còn cho tấm liệm và chôn cất tử tế hàng hoàng cho Võ Tánh và Ngô Tông Châu. Hậu quân và đô đốc thờ hai vua vốn không đội trời chung, ấy vậy mà họ đã gặp nhau ở cái đức độ và khí tiết. Ngọn lửa tự thiêu của Võ Tánh mãi mãi cháy sáng trong tâm tưởng chúng ta, khí độ Trần Quang Diệu mãi mãi hằn in trong tạng thức của những người yêu nước Việt, sử Việt. Lịch sử qua đi, bài học còn độ nhưng hậu thế dường như vẫn chẳng thuộc bài. Những cuộc tương tàn vẫn tái diễn không ngừng, duy có điều là không còn thấy những tấm gương trung nghĩa, tiết tháo và khí độ như hậu quân Võ Tánh và đô đốc Trần Quang Diệu.

Tôi đi nhiều ba vòng quanh lăng Võ Tánh như thể những Phật tử đi nhiễu Phật. Trong lòng tôi cồn cào bao nhiêu là chuyện xưa sử cũ. Tôi dường như nghe hơi thở âm u tiết ra của những phiến đá ong, lời thì thầm của lau lách đìu hiu bao

phủ cả một vùng.

Hoàng hôn xuống nhanh, ánh nắng dần tắt, nơi chân trời dần tím thẫm. Nhà Văn Ban Mai bảo tôi: "Thôi về em ơi, chị dường như cảm nhận âm khí rờn rờn quanh đây." Tôi không nghĩ là âm khí, có còn gì nữa đâu mà âm khí? Mấy thế kỷ đã trôi qua, xương máu Chiêm-Việt giờ đã hóa đất đai và lau lách, hồn người xưa giờ như những áng mây bay khuất nẻo chân trời. Tôi nấn ná thêm tí nữa chưa muốn về nhưng rồi cũng phải chia tay. Quay lưng đi mà lòng ngổn ngang không biết dùng lời lẽ gì để tỏ bày. Tôi chấp hai tay, tôi xòe tay chào tạm biệt lăng mộ Võ Tánh. Tôi ngậm ngùi quay lưng bỏ lại hai con voi đá Đồ Bàn, hai con sư tử Hoàng Đế giữa một vùng lau lách quanh quế hoang vu. Tôi lên xe nhưng vẫn ngoái đầu lại cố căng mắt tìm Đồ Bàn thành, Hoàng Đế thành. Xe chạy xa rồi mà trong tôi còn vọng tiếng voi rống, ngựa hí, quân reo.

Tiểu Lục Thân Phong

Đồ Bàn thành, 10/22

THIÊN ĐÀNG, TỊNH ĐỘ Ở NƠI ĐÂU?

*Đôi khi tâm ta thường tự hỏi
Thiên đàng tìm kiếm ở nơi đâu?
Thiên hà vũ trụ mệnh mông quá!
Lạc trong hàng muôn triệu tinh cầu.*

*Tìm khắp nhân gian cõi địa đàng
Hỏi cùng ngàn chốn tại thế gian
Thiên đàng nào đã ai tìm thấy?
Ấn hiện mơ hồ ngoài không gian...*

*Thiên đàng, Tịnh độ ở nơi đâu?
Có trong vũ trụ hành tinh nào?
Khoa học nhân gian luôn tìm hiểu
Tìm kiếm thiên đàng ở nơi nao?*

*Trong Kinh Di Đà, Phật nói rõ,
Địa cầu cách Tịnh độ rất xa...
Mười muôn tám ngàn ức Phật đố
Có cõi Tịnh Độ A Di Đà.*



THIÊN ĐÀNG TỊNH ĐỘ TRONG TÂM

*Khi Tâm tĩnh thức và an yên
Tâm không dính mắc chút muộn phiền
Tâm luôn trong sáng, yên tự tại
Thiên đàng, Tịnh Độ ở trong Tâm.*

*Chân lý bao trùm khắp mọi nơi
An trú trong Tâm tại chính mình
Tĩnh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định
Tịnh độ hiện hữu tại Chân Tâm.*

*Một ngày an tịnh trên non cao
Tiếng gió vi vu, lá rì rào
Róc rách suối nguồn nước tuôn chảy
Nhè nhẹ êm như tiếng Kinh cầu.*

*Thiên đàng, Tịnh độ chẳng đâu xa,
Tịnh độ, Thiên đàng trong TÂM TA
CHÂN TÂM trong Ta là tất cả
CHÂN TÂM trùm muôn triệu thiên hà...*

thơ HOÀNG THỰC UYÊN

AZ, 11/2022

Thuở xưa, ở nước Ấn Độ, có một trưởng giả giàu nứt đố đổ vách nhưng hết sức keo kiệt, thường cắt cổ, lột da thiên hạ với cách cho vay nặng lãi. Tánh ông lại còn hung tợn, tàn ác nữa. Thật đúng với câu: “Vi phú bất nhân.” Ông không có chút từ tâm. Mỗi khi có những kẻ mang công thiếu nợ không lo trả nổi theo lời hứa hẹn, thì ông sai lũ gia nhân đánh đập một cách tàn nhẫn, thậm chí ông còn đối đãi với kẻ ăn, người ở trong nhà một cách hết sức tệ bạc, xem họ như loài thú vật không hơn không kém.

Trong nhà có một bà lão bộc, làm công việc nhà quần quật suốt ngày không có một lúc hở tay. Nhưng không phải chỉ vậy mà thôi đâu, mỗi khi có sơ sót, hay lỡ tay làm hư hỏng việc gì, thì ông chủ miệng chửi, tay đánh không mảy may thương xót. Áo quần không đủ để che kín tấm thân gầy, cháo cơm không đủ làm no dạ dày lép xẹp. Lại còn tuổi già sức yếu mà phải chịu bao nỗi nhọc nhằn, vất vả, vì sức chịu đựng của con người có hạn, cho nên bà thường bị đau yếu luôn. Có lẽ vì đau khổ quá, cực nhọc quá, nên nhiều khi bỗng không bà rơi nước mắt, rồi bà khóc thực sự, khóc cho thân thể bị bầy vò, khóc cho tình đời đen bạc, trọng phú khinh bần.

Có một hôm nọ, nhân lúc mang bình ra mé sông múc

nước, được ít phút rảnh rang khỏi cặp mắt găm gù của ông chủ, bà yên tâm tạm ngồi nghỉ chân dưới cội cây bàng. Trong đầu óc bà lúc ấy lại thoáng hiện ra những sự hành hạ, đập đánh, chửi rủa, tàn nhẫn vô lương tâm của ông chủ. Trong một phút suy ngẫm về giá trị đời sống, bà bỗng rùng mình. Tội nghiệp, bấy giờ bà chán sự sống lắm, một ý nghĩ đen tối thoáng hiện trong óc bà, bà muốn quyền sinh. Bà nghĩ bà phải chết đi, chết để giải quyết tất cả mọi nỗi đau khổ loài người đen bạc đã cố ý dày dọạ bà. Bà nghĩ những nỗi nọ niềm kia, nghĩ đủ thứ, nước mắt hai bên khóe tự nhiên ràn rụa tràn ra, lăn dài xuống hai má hóp. Bà để mặc cho hai dòng lệ tự do tuôn chảy không buồn chậm lau. Bà vẫn cố muốn khóc cho thật nhiều, khóc cho hết nước mắt để rồi bà chết, phải giữ hết nợ đời, chớ sống mà thân xác cũng như linh hồn bị dày vò dày ải quá sức, thì thà chết đi

Bán nghèo

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

còn hơn.

Bà khóc mùi mẫn cho đến đổi Tôn giả Ca Chiên Diên đi đến tận bên, bà cũng không hay biết gì. Mãi đến lúc Tôn giả cất tiếng hỏi bà mới giật mình.

- Sao thế? Sao bà khóc lóc quá như thế? Ai ăn hiếp bà, ai hành hạ đánh đập bà?

Bà lão vẫn còn nghẹn ngào, không nói được ra lời để đáp lại những câu hỏi của Tôn giả. Bà chỉ giương đôi mắt mờ lệ nhìn Ngài.

- Tội nghiệp quá, xem bà nghèo khổ, gian truân quá, nhưng tình cảnh nhà bà ra sao? Tại sao bà lại ngồi đây một mình mà khóc, bà cho tôi biết đi, bà nói hết nỗi khổ của bà cho tôi nghe đi, may ra tôi có phương chước gì để giúp ích phần nào cho bà.

- Bạch Ngài, Ngài xem tôi từng này tuổi mà vẫn phải làm tôi mọi cho người ta, công việc làm việc vất vả suốt ngày thâu đêm, lại còn bị chủ nhà ác nghiệt, bó buộc, đánh đập hành hạ khổ sở. Thân thể già yếu, nay đau mai mạnh, thể hăng ngày cơm chẳng đủ no, áo không đủ ấm, thì làm sao mà sống cho nổi!

Bà vừa nói vừa khóc trông thảm thiết lắm.

- Tội nghiệp bà nghèo từng này tuổi mà còn phải làm tôi tớ cho người để bị nhiều điều cực, đau đớn, sao bà không bán quách cái nghèo đi, để đeo nó theo làm gì cho thêm khổ sở?

- Trời ơi! Sao Ngài bảo lạ thế? Ai thèm mua nghèo mà hồng bán?

- Bà ạ! Tôi nói thật đấy, nghèo có thể bán được như thường. Tôi thấy bà khổ sở, tôi thương bà, tôi bảo thật đấy. Tôi nói gạt bà có ích lợi gì cho tôi đâu?

Nghe giọng nói quả quyết và trông gương mặt hiền từ, thành thật của Tôn giả, bà già hết sức ngạc nhiên, nhìn Tôn giả trân



trần, hồi lâu mới thốt được lời:

- Nếu Ngài có phương kế gì bán được cái nghèo, mong Ngài thương xót chỉ cho, tôi xin ngâm vành kết cỏ, cảm ơn đức suốt đời, không lúc nào quên được.

- Được, tôi xin hứa chắc với bà và nếu bà thật tình muốn bán, thì tôi bảo thế này, bà phải làm đúng y như vậy mới có kết quả tốt đẹp được. Bây giờ bà hãy xuống sông tắm cho thật sạch sẽ, thân thể bẩn thỉu quá có thể sinh ra nhiều bệnh tật, lại ai cũng chán mà chẳng dám đến gần.

Bà già vâng lời tôn giả xuống sông tắm rửa sạch sẽ xong xuôi, bà liền đến bên bạch rằng:

- Bây giờ Ngài dạy tôi cách nào để bán?

- Bây giờ bà phải bố thí. Vì Phật đã dạy: pháp bố thí là để cho người vượt khỏi lòng tham lam, mà tham lam là cái nhân bần cùng khổ sở. Tôi đã dùng huệ nhãn quán sát thấy bà nhiều kiếp về trước tánh tình tham lam keo kiệt, nên kiếp này bà phải chịu quả báo cực kỳ nghèo cùng. Vì vậy muốn hết nghèo cùng bà phải dứt lòng tham lam, còn phải thật hành phương pháp bố thí. Nhân nào thì quả nấy, chắc chắn không sai.

- Đắt ơi! Ngài bảo tôi bố thí, bố thí để dứt lòng tham, nhưng tôi có tham hỏi nào đâu? Tại tôi nghèo cùng đến nỗi giờ xương, lồi da như thế này, tôi phải đào đâu ra của để mà bố thí. Thưa Ngài, Ngài bảo cách nào dù thiên lao vạn khổ gì, già này cũng có thể cố gắng làm được, chớ còn điều này thì xin chịu. Tôi không biết làm cách nào để làm cho được vừa lòng Ngài. Đây hiện giờ trong tay chỉ có cái bình này của chủ thôi, tôi mang đi để múc nước về, nếu có thể bố thí được thì tôi xin bố thí ngay, bất quá về nhà chủ đánh chút thôi, không đến nỗi gì, quen rồi chả sợ. Miễn giờ đây có thể làm đủ theo ý muốn của Ngài là tôi vui lắm rồi.

- Ấy chết! Của chủ bà đem cho đi, về nhà mất bình chủ bà đánh chịu chịu sao nổi?

- Không sao, thưa Ngài! Già đã chịu đựng quen rồi, không đến nỗi gì, mà già cũng nghĩ liệu mạng bất quá chết là cùng.

- Cũng được, miễn có lòng thành kính là được, không luận ít nhiều. Bà hãy đem bình tìm chỗ nước thật trong và thật sạch

mức đầy bình đem về đây cho tôi.

Tôn giả Ca Chiên Diên tiếp nhận bình nước sạch do tự tay bà lão múc đem về dâng. Ngài chú nguyện cho bà, lại dạy bà lão nên ăn chay, niệm Phật, làm các công đức v.v... đoạn Ngài hỏi:

- Bà có chỗ ở nào thật sạch sẽ không?

Bà lão thưa không có. Tôn giả tiếp:

- Tội nghiệp quá nhưng bà về nên cố gắng giữ lòng, lo trọn bốn phận, không nên hiềm hận điều gì cả. Tối đến, đợi khi trong nhà ngủ hết, bà hãy lên mở cửa lên nhà trên, vào trong ngòi xếp bằng ngay ngắn niệm Phật, tâm đừng nghĩ gì khác chỉ nên nhất tâm tưởng Phật mà thôi. Bà nên nhớ thế.

...Bọn đầy tớ nhà ông Trưởng giả rạng ngày mở cửa, cả sợ, tri hô lên. Ông Trưởng giả hốt hoảng ba chân bốn cẳng vừa chạy vừa quát "Mẹ tổ này sao hôm nay lại trốn lên được đây ngòi chết? Từ trước đến giờ không bao giờ mù được lên đây cả, thế sao hôm nay... Bây đầu, hãy đến gần rờ xem bà ta chết đã lâu chưa? Nếu thiệt chết, bẫy cột chân kéo xác bỏ vào rừng cho quạ kên ăn quách đi là xong chuyện. Mau lên! Không tao đập chết cả lũ bay nữa bây giờ. Mau lên, mau lên.

Bọn đầy tớ lúi húi tìm dây cột chân làm theo lời ông chủ, nhưng ra khỏi ngõ chúng lại lúi túm bố đã giấu được đem ra đắp đệm cho bà, xong rồi chúng rập nhau khiêng xác đem bỏ trong rừng lạnh.

Có ai ngờ đâu, lúc bấy giờ bà lão tuy tội tàn thế, nhưng thần thức của bà đã được sanh lên cõi trời Đao Lợi, do nhờ sự chú nguyện của Tôn giả Ca Chiên Diên và nhờ sự cố gắng niệm Phật của bà.

Bấy giờ ở trên cõi Đao Lợi có một vị Thiên tử vì hết phước báo nên phải hoàn sanh nhân gian, bà lão nhờ sức trì giới, niệm Phật và công đức bố thí mà được thể vào địa vị ấy. Nhưng vì ham vui chơi theo khoái lạc của thiên báo mà quên nguyên do gì mình được sanh làm Thiên tử. Song vị Thiên tử này (bà lão bộc) trước đã gây phước lành, kết duyên Phật pháp, nên cảm đến lòng tử của Tôn giả Xá Lợi Phất,

Ngài bèn đến lân la dò hỏi để kích thích đạo tâm sẵn có của vị Thiên tử.

- Phạm việc gì có ra đều có nguyên nhân cả, hẳn Ngài đã biết mình từ đâu đến và do nhân duyên gì mà được cảm quả báo làm Thiên tử như hôm nay chứ?

Vị Thiên tử cùng các quyến thuộc còn đang ngỡ ngác chưa hiểu ra làm sao cả, thì Ngài Xá Lợi Phất liền truyền đạo nhãn cho vị Thiên tử xem. Như chiêm bao chợt tỉnh, vị Thiên tử rí rít tỏ lời cảm tạ ơn Ngài Xá Lợi Phất đã khai thị cho, đồng thời hợp cả năm trăm quyến thuộc lễ Ngài, rồi cùng nhau mang hương hoa sang ngay hàn lâm, xông hương, rải hoa cúng dường tử thi.

Ánh sáng của Chư Thiên chiếu khắp cả khu rừng có tử thi của bà lão bộc làm cho mọi người hết sức kinh dị. Nhà ông Trưởng giả cũng hay, cùng kéo nhau đến xem.

Lấy làm lạ, có người đến gần hỏi: "Đây là người tử già của nhà chúng tôi vừa chết, thân thể đã sinh trương dơ nhớp, khi bà còn sống người ta còn ghê tởm ít dám đến gần thay, phương chi nay bà đã chết rồi có gì quý lạ mà quý vị đến đây rải hoa cúng dường?"

Nghe hỏi vị Thiên tử bèn ứng tiếp đáp lời thuật rõ ngọn ngành, vì nhân duyên gì mình được bỏ thân tử tử, sanh làm trời hưởng phước báo vô lượng. Đoạn vị Thiên tử xây mặt về phía tịnh xá tưởng nghĩ đến Tôn giả Ca Chiên Diên, rồi vị Chư Thiên quyến thuộc của mình và một số người trần có mặt hôm đó giàng pháp mầu đã lãnh thọ được cho nghe, nào là: Luận về pháp bố thí, giữ giới, niệm Phật, lìa dục v.v...

Nghe xong, năm trăm vị trời ấy tâm được xa lìa trần cấu, chứng nhãn thanh tịnh, đồng bay về thiên cung.

Bấy giờ những người trần có mặt tại đó thấy đều tình ngộ. Ông Trưởng giả bấy giờ mới sáng mắt và mới nhận được cái giá trị của con người không phải ở vật chất mà chính ở tinh thần vậy. Thế là bà lão đã bán được cái nghèo với một giá cao hết sức tưởng tượng: làm thân trời.

T.P

"Người ta ở đời nghèo gì mà đến nỗi không có một chút bủn để bố thí cho một con kiến."

KIÊN TRÌ TU TẬP DẠY BỚT "CÁI TA"

(phần 3)

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(2c): Đề Nghị Cách Tập TU 3:

Ứng Dụng Biến Phiền Não Thành Bồ Đề Hay Trải Rộng Tình Thương:

Thấy người có tính xấu khó bỏ hoặc gặp những điều trái tai gai mắt ở ai đó, thông thường mình hay có tâm ghét họ. Đó là tâm NGÃ MẠN. GHÉT sẽ sinh ra SÂN. SÂN sẽ sinh ÁC KHẨU. Từ đó, miệng phạm phải những lầm lỗi và đưa đến kết quả sau đây:

*Mỗi ngày NGÃ MẠN lộ nhiều sao!
Ác khẩu xuất ra, có biết đâu.
Nhìn mặt khó ưa, ai cũng ghét.
Trách trời cuộc sống quá sâu đau!*

*Sân hận tiết nhiều, tụ ở đâu?
Tạo thành NỖ KHÍ khoảng trời
cao.
Chiến tranh, Dịch bệnh,... dập dồn
đến.
Hạn hán, Sóng thần,.. gây khổ
đau!*

*Lỗi TAI, Con MẮT, đáng lo thay!
Để chúng thấy, nghe có chuyện ngay.
"TA" biết được, liền sinh lầm chuyện:
Bao lời ác khẩu nói thường ngày.*

*Người khó tính, tâm khổ lắm mà!
Ai làm sao, chẳng hợp lòng "TA".
Miệng thường hay thốt lời chê trách!
Tâm bực bội, người rất chóng già!*

*Niệm Phật, làm lành, trì chú luôn,...
Mà sao Nghiệp khẩu lại không buông.
Cứ đi nói xấu, thị phi mãi...
Phật đốn Tây Phương, chuyện bất thường!*

*Ác khẩu với ai, phải nhớ là:
Rất nhiều độc tố sẽ sinh ra.
Còn như người nhận không thềm biết.
Giận tức sẽ hồi lại phía ta.*

*Ác khẩu đến từ xem lớn TÔI.
Cố tình dứt bỏ, việc êm trôi.
Còn không điều xấu dập dồn đến.
Cõi ÁC ba đường, chắc chắn thôi!*

*Ác khẩu, coi chừng, phải tránh thường.
Nếu không, rồi sẽ gặp tai ương.
Chết về địa ngục, theo hình phạt:
Cắt lưỡi, Xé mồm,... nát tợ tương.
Xuất hiện CÁI TA vì Tự cao,*

*Tự ái, Tự tôn... rồi Tự hào,...
Cứ có một tên vừa lộ mặt.
Ai chạm vào, "TA" mắng phủ đầu.*

*Miệng người tạo ác nhất trong ngày,
Nói xong, biết quấy, phải dừng ngay.
Nếu không, miệng cứ ung dung nói.
Chết về địa ngục, khổ trần ai!*



Những người khó tính hay ghét người có tật mình không thích. Họ thường phạm phải khẩu nghiệp qua phần lớn những cách biểu lộ sau đây: (xin viết thành văn vần cho dễ đọc)

*Độc đoán, kiêu ngạo, cái "ta"
Khoe khoang, kỳ thị, moi ra lỗi người,
Ác khẩu, hồng hách, lảm lời,
Thêu dệt, đâm thọc, khinh người,
gièm pha.*

*Chửi rủa, vu khống, điều ngoa,
Lừa dối, thất hứa, nói đùa, chê bai,
Nhục mạ, chỉ trích, mỉa mai,
Châm biếm, nói gây khổ cho ai, hận thù.*

*Thô tục, hỗn láo, yểm trừ.
Nói phủ đầu, nịnh hót để ru lòng người.
Xia xói, miệt thị, móc bươi.
Khắc nghiệt, xuyên tạc, chuyện đời trách chê.*

*Xảo trá, gan tị, chọc quê,
Quạt tháo, nói mặt, chửi thề, bực ai!
Quyết chí sửa đổi hôm mai,
Tật phạm khẩu nghiệp từ rày còn đâu!
Được vậy, thật tốt làm sao!
Cổ TU khẩu nghiệp, ngõ hầu được lên.*

Ghét người nào có sướng đâu, chi bằng ta hãy TRÁI RỘNG TÌNH THƯƠNG, tỏ lòng thương hại họ. Tức từ PHIỀN NÃO sẽ biến thành BỒ ĐỀ thì "CÁI TA" sẽ tự biến đi:

*Biến Phiền não trở thành Bồ Đề,
Một cách tập tu đoạn bớt mê.
Tật xấu của ai nên hỷ xả.
Vạy TA biến mất, lợi nhiều bề.*

Xin mời quý vị đọc những câu lục bát dưới đây:

BIẾN PHIÊN NÃO THÀNH BỒ ĐỀ. Hay TRÁI RỘNG TÌNH THƯƠNG

Đọc, sàng lọc lấy điều hay.
Thực hành tha thiết: đổi thay cuộc đời.
Phước lành hồi hướng về nơi:
Quê hương Cực Lạc: cuối đời vắng sanh.

Chê bai, nịnh hót, khoe khoang...
Tật này, có kẻ cứ mang theo hoài.
Nhiều người ghét đặng, ghét cay.
Rời đi nói xấu, tưởng hay làm hoài.

Não Phiền, Sân... hiện lên ngay!
Thế là Ác khẩu... ngày ngày phóng ra!
Tật người ghét: bệnh trầm kha,
Chữa, không dễ lắm nên ta thương tình,
Chớ nên tỏ ý rẻ khỉnh,
TÌNH THƯƠNG TRÁI RỘNG: chính mình là Mê.
Não Phiền đã hóa Bồ Đề.
Cổ làm tâm đỡ nặng nề vì Sân.

Lại thêm: nghiệp khẩu tiêu dần,
Người làm được vậy, tâm, thân an nhàn.
Ngoài ra cũng phải hiểu rằng:
Người ta đã ghét, rõ ràng ân nhân:
Bồ Đề tâm tự nhiên tăng,
Lòng sao dễ chịu, nhẹ nhàng hơn xưa.
Được người quý mến vui chưa!
Do không lảm chuyện, nhờ chữa chê bai...

Còn Phiền Não giữ hôm mai,
Vì điều gai mắt, bực hoài, không an!
Để rồi rước bệnh vào thân:
Làm cho tim mạch... có phần tăng cao.
Ung thư, ruột loét: khổ sao!
Mạch tim rối loạn, huyết cao... nhập vào.

Biết không, khi chết về đâu?
Đọa ba đường ác, khó cầu thoát ra.
Đó là sự thật, không ngoa,
Cổ tu để được vượt qua luân hồi.
Thân người khó lắm ai ơi!
Đã tin Phật pháp, buông trôi phí đời.
Tội bày thương hại: tuyệt vời!
Áy là Trí Huệ, đúng nơi tỏ bày,
Hàng ngày thực tập thấy ngay,
Não Phiền, giận tức... xa bay liền liền.
Thực hành, kết quả, hãy tin.
Ai làm được, hãy lan truyền người thân.

Xin có mấy lời thêm:

Độc mồm chết khổ lắm người ơi!
Nằm trên giường bệnh, nhiều năm trời.
Để trả cái NHÂN gieo Ác khẩu.
Hồi tỉnh, sửa Mồm, vạ xa chơi!
TU MIỆNG là TU nửa cuộc đời.
Nên chi ăn nói chớ buông lời.
Nói ra ngấm lại là sai phạm.
Sám Hối, từ nay cố giữ Jời!
Biểu hiện CÁI TA là qua CÁI MIỆNG.
Tu tốt MIỆNG rồi, mọi chuyện được yên.
Nên chi cố giữ miệng, đừng gây phiền.
Thế là HẠNH PHÚC hiện liền dài lâu.

Kính mong Quý Bạn Đạo hữu duyên hãy cùng chúng tôi cố thực tập hằng ngày phần viết trên để đạt được mục đích là dẹp bớt "CAI TA". Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức có được này hồi hướng cho tất cả Pháp giới chúng sanh, tương lai đều trọn thành Phật đạo.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài viết và thực hành./.





Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MỘT

Có những ngày trong đời, người ta thả trôi lòng mình theo dòng cuốn dập dềnh bất định của bao cảm giác. Vui thì cười nói hồn nhiên, lộ vẻ sung sướng, buồn thì mặt dầu dầu cúi xuống để nước mắt rơi thành dòng. Điều đó chẳng có gì lạ. Còn vui buồn, còn cười khóc được thì hãy còn là con người.

Nhưng cũng có những đoạn đời mà ngay cả thứ hạnh phúc to lớn nhất hay thứ khổ đau nặng nề nhất, người ta cũng không được phép chọn lựa, bởi chúng nhập nhằng với nhau, lẫn xô nhau, hủy diệt nhau trên từng khoảnh khắc để được tồn tại độc lập. Nhiều hạnh phúc nhỏ lốt nền cho một khổ đau lớn, hay nhiều khổ đau nhỏ mở đường cho một hạnh phúc lớn, thì còn dễ chấp nhận, vẫn có thể tiếp tục sống thanh thản khi xúc cảm dịu đi. Chỉ khi nào cả hai thứ cảm giác ấy đều to lớn và cùng xô đến một lượt, người ta mới bị sức nặng của chúng đè

chụp xuống, nén xuống, thành một cái gì như vô tri, vô hồn, vô cảm... thành một thứ người ngơ ngác giống như một gã điên tinh quái, khó mà phân giải được đâu là cảm quan và thức giác thực của hẳn.

Nàng lẩn quẩn ở hành lang, chờ tôi vừa từ phòng tắm ra là đã bước tới, mời tôi xuống lầu để dùng cơm tối.

Ở cái bàn rộng có sáu cái ghế dựa, nàng dọn cho tôi một bữa ăn đơn sơ. Nàng đã dùng cơm từ hồi chiều, nàng nói vậy. Trong khi tôi dùng cơm, nàng ngồi xéo góc ở phía đối diện, cô về muốn tránh nhìn tôi ăn để tôi được tự nhiên, nhưng thỉnh thoảng nàng lại ngược nhìn tôi với đôi mắt lạ lùng lắm. Giống như là thương hại mà cũng giống như là ngưỡng mộ; giống như là quý mến mà cũng giống như là tình yêu. Nàng tránh không hỏi chuyện tôi trong bữa ăn. Chỉ khi tôi xong bữa, nàng mới bắt đầu, lần lượt nêu từng thắc mắc một cách thú vị, đặt

từng câu hỏi một cách ngây thơ. Và trong cái tình bạn nhanh chóng sớm sủa như từng thân nhau từ thuở nào, tôi bỏ quên những biến động to lớn vừa xảy ra cho tôi ngày hôm nay, tuần tự kể lại nàng nghe câu chuyện của tôi năm ấy... Tôi kể thật vắn tắt, nhưng từ kho tàng ký ức của tôi, từng nét mặt, từng câu nói nụ cười, từng nỗi đau lặng lẽ sâu kín, từng hình ảnh khô khốc thể lượng hay thơ mộng huy hoàng... bỗng chốc hiện rõ ràng trước mắt tôi. Tôi cơ hồ sống lại với chúng lần nữa...

Câu chuyện bắt đầu từ khi tôi tham gia lực lượng Phục quốc hoạt động tại Long Thành, tỉnh Đồng Nai; lực lượng bị đổ vỡ, tôi ẩn lánh ở nhiều gia cư tại Sài Gòn, cuối cùng bị Hàn và ông thầy Tư—hai đặc tình mật báo của công an—chỉ điểm và sắp đặt cho công an đón bắt tôi ngoài đường, đưa tôi vào trại giam T20 thuộc Sở Công An thành phố Hồ Chí Minh, rồi từ trại giam đó, tôi và một người bạn tu khác bị công an tỉnh Đồng

Nai áp giải về trại tạm giam B5 ở Biên Hòa.

☞

Sau hơn nửa giờ chạy nhanh trên xa lộ rồi vòng vo qua các đường phố lớn nhỏ, xe từ từ tiến vào cổng trại giam B5, Biên Hòa. Cổng trại mau chóng khép lại sau lưng chúng tôi. Dừng đầu xe sát vào dãy nhà ở trung tâm, nơi có văn phòng trưởng trại và các văn phòng chính của trại giam. Dừng mở còi cho tôi trước, rồi tháo gút giây điện, mở trời cho tôi và Thiện Đặc.

Còng mở ra rồi, hai cườm tay tôi còn in hằn hai vòng đỏ lửng, giống như hai lắc tay bằng hồ phách. Dù rằng trong vòng nửa giờ đồng hồ trước, tôi như tìm thấy một ngõ thoát và nổi bình an cho chính mình... thì ngay lúc được tháo còng cởi giây trời này, tôi lại chợt cảm thấy rằng cái tâm thức mê muội của tôi vẫn còn trơ ra đó, tự quẩn lấy mình bằng nhiều vòng giây oan khiên mê chấp. Giây trời hữu hình thì hoàn toàn tùy thuộc vào những người đang nắm quyền lực, nhưng giây trời vô hình kia, chỉ riêng chính tôi mới có thể tự tháo gút, cởi bỏ. Không ai làm thay được. Tôi biết tôi còn phải nỗ lực nhiều hơn.

Chúng tôi bước xuống, ngồi ở bậc thềm, chờ đợi Dũng vào văn phòng làm thủ tục bàn giao tù nhân để chúng tôi nhập trại. Dũng vào trong một lúc thì cùng hai công an một nam, một nữ kéo ra. Nam khoảng ba mươi ngoài, nữ xấp xỉ tuổi tôi. Có lẽ chức vụ cũng khá cao. Dũng nói gì đó rồi chỉ tôi. Hai người công an kia chăm chú ngó tôi một lúc, xì xầm. Cô nữ công an đứng nhìn tôi trần trụi như đứa con nít hiếu kỳ nhìn ngắm sự kiện lạ chưa từng thấy. Hình như cô nhòen miệng cười với tôi thì phải. Tôi hơi ngỡ ngàng không dám cười đáp lại, chỉ thoáng có nhận xét rằng cô là người nữ cán bộ mang kiếng cận đầu tiên mà tôi gặp trên đời (ở xứ này người ta tránh mang kiếng cận không phải vì nghèo, mà vì sợ bị lên án là thành phần trí thức; vắng, cặp kiếng cận là thứ linh vật tiêu biểu cho dáng vẻ trí thức của "bọn tư bản thành thị" đáng ghét, đáng nghiên nát-vậy mà mấy tháng trước tôi đã ngu xuẩn đến độ trốn tránh công an bằng cách mang kiếng cận!). Dù cô nữ

cán bộ cố tình ăn mặc đơn giản, cặp kiếng cận và khuôn mặt khá thông minh của cô cũng cho thấy cô có dáng vẻ của một cô giáo hay một nữ sinh viên loại chăm chỉ, cặm cụi đèn sách, chứ không phải là một cán bộ công an thực thụ.

Một chập, cô bước đến gần, hỏi một câu mà tôi nghĩ là cô đã biết sẵn câu trả lời:

"Anh là Vĩnh Khang phải không?"

"Phải," tôi đáp.

Cô im một lúc, hình như chẳng biết nói câu gì tiếp theo. Bất chợt, cô nghĩ ra được thêm một câu hỏi khác:

"Anh mới bị bắt hôm nay à?"

"Không, cách đây hơn một tháng rồi."

"Có thăm nuôi chưa?"

"Thăm nuôi à? Chưa."

Cô đứng im như cố tìm thêm một câu hỏi nào đó, nhưng rồi chắc là không còn câu hỏi nào nữa, cô quay về chỗ Dũng. Công tác áp tải tù nhân của Dũng đã xong, anh lên xe, lái đi mất. Cô nữ công an nói:

"Anh Khang ngồi chờ ở đây một chút nghe, sẽ có cán bộ bảo vệ đưa anh vào trong. Anh uống nước nhé, nước trà được không?"

Không chờ tôi trả lời, cô vào rót nước trà, đem cho tôi một tách.

"À, còn anh kia nữa, để tôi lấy thêm một tách," cô đem cho Thiện Đặc một tách trà khác.

Tôi và Thiện Đặc đón lấy tách trà cô nữ công an đem đến cho mỗi người, chẳng có gì mà phải từ chối. Bên thềm hiên của trại giam, chúng tôi cùng nhấp trà, chờ đợi anh chiến sĩ bảo vệ nào đó áp giải vào phòng giam.

Nặng chiều màu vàng nghệ chiếu nghiêng ở sau hàng me phía bên phải của trại, tạo nên những luồng sáng chập chóa, lung linh. Cô nữ công an cứ tò mò đi ra đi vào, liếc nhìn tôi, cười tùm tùm. Tôi chẳng hiểu nổi ý nghĩa của nụ cười đó.

Thấy họ có vẻ thả lỏng chúng tôi trong thời gian chờ đợi này, Thiện Đặc hỏi nhỏ tôi:

"Khang có bị chúng nó đánh không?"

"Không."

"Tôi bị Sơn đập một báng súng vào mặt."

"Dữ vậy? Anh có sao không?"

"Chầy cả máu mồm. Hấn còn xé áo tôi, không cho tôi mặc đồ tu nữa chứ!"

Tôi thở dài, chua xót. Chợt nghĩ, mình là kẻ bầy đầu mà không bị đánh đập, trong khi Thiện Đặc chẳng làm gì lại bị hành hung, bắt công quá! Điều này khiến tôi cảm thấy như mình có làm một điều gì sai trong cung cách khai cung hoặc đối diện với bạo lực. Phải chăng tôi phải như Thiện Đặc, nói và hành động như thế nào đó để họ đánh đập, tra tấn... thì mới đúng. Không bị tra tấn có vẻ như có sự thỏa thuận như thế nào đó với bạo lực rồi! Tại sao họ không chịu đánh tôi để có cơ hội chia sẻ với bao tầng sĩ và chiến hữu khác? Tôi cũng cãi lại Long và Sơn, sao họ chỉ gườm chứ không vung tay vung chân? Tôi là người đáng đánh nhất, đáng tra tấn nhất, sao họ không chịu đánh đập lại đi đánh đập một người vô tội như Thiện Đặc!

"Khang chưa có thăm nuôi à? Sao đi tay không vậy?"

Tôi cười, đưa cái ca nhựa với cái muỗng nhựa lên.

"Cái ca đó thì tôi biết rồi. Vậy mà tôi tưởng Khang đã có thăm nuôi nên Khang chia sẻ thức ăn và phiếu tiền cho tôi mấy tuần trước. Té ra giờ Khang lại đi tay không! Tôi cũng chưa được thăm nuôi. Phiếu tiền Khang nhờ anh nuôi đưa tôi bên trại Phan Đăng Lưu, tôi gọi mua cả giỏ thức ăn kia. Để tôi chia bớt cho Khang nghe."

"Thôi, không cần đâu... Anh cứ giữ lấy mà dùng. Trước sau gì tôi cũng có người thăm nuôi mà. Và lại, có thể họ giam mình chung một phòng, chia sớt làm gì mất công."

Khi anh bảo vệ được văn phòng trại điều tới thêm văn phòng, cô nữ công an ra lệnh anh cho tôi vào phòng mấy, Thiện Đặc vào phòng mấy. Vậy là chúng tôi bị giam riêng. Thiện Đặc biết vậy bèn dúm vào cái ca nhựa của tôi một gói đường non nửa kí. Anh còn nhét vào túi áo tôi một gói thuốc lá Đà Lạt.

"Tôi không hút đâu."

"Cầm vào, sẽ có lúc cần đến, với lại hút thuốc thấy đỡ buồn đó Khang à," Thiện Đặc cứ dúm thuốc cho tôi.

Cô nữ cán bộ đứng ngó, chẳng làm khó dễ gì chúng tôi chuyện trao đổi này. Chờ chúng tôi xong việc, cô mới gạt đầu ra dấu cho anh bảo vệ đưa chúng



tôi đi. Hôm ấy, nhằm ngày 10-6-1985. Tôi nhớ được ngày ấy vì qua ngày mai là đúng ngày kỷ niệm hai mươi hai năm Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu và cũng là mười lăm năm ngày xuất gia của tôi.

Con đường ngoằn ngoèo dẫn qua một số dãy nhà, vườn rau, trại chăn nuôi... cuối cùng, chúng tôi đến trước một khu trại có tường vách kiên cố. Trên nóc trại có mấy cái bót gác. Một anh lính mang súng đứng trên nhìn xuống chúng tôi, đôi mắt không có cảm giác.

Anh bảo vệ bảo tôi đứng chờ ở một góc tường rồi anh đưa Thiên Đắc vào một phòng giam phía bên kia dãy rào. Sau đó, anh trở lại, mở khóa cho tôi vào phòng giam tập thể số 7.

Phòng giam đang ồn ào thì bỗng im phăng phắc khi anh bảo vệ đưa tôi đến bên song sắt. Những tù nhân vây quanh cửa sắt cũng dạt ra hai bên, cùng ngồi cả xuống đất.

Cửa sắt lách cách mở ra, tôi bước vào. Anh bảo vệ khóa lại rồi lạnh lùng quay đi. Lúc đó, phòng giam mới rộn rã tiếng nói cười trở lại. Đám tù gần sáu chục người vây lấy tôi, họ đều cởi trần mặc quần đùi, chẳng khác gì tôi và ông Trọng trong hơn một tháng trước ở trại giam T20, nhưng bỗng dưng, tôi có cảm giác như bị vây bởi một bầy khi.

Họ réo ầm lên, bảo tôi cởi áo quần ngoài. Tôi làm theo. Và khi tôi cởi xong cái áo thì mặt trời cũng vừa khuất sau dãy tường phía tây, chỉ để lại một vùng đỏ

úa cuối chân mây.

Có một người tù mới vào, dường như không khí trong phòng giam được sinh động, vui vẻ hơn thì phải. Ngày ngày đứng lên ngồi xuống, lãnh cơm, tắm rửa, tán gẫu, hy vọng, thất vọng, thở dài... chẳng có gì mới mẻ và hứng thú hơn là đón tiếp một tù nhân mới - hy vọng có thêm một vài tin tức gì đó về tình hình chính trị bên ngoài có thể ảnh hưởng đến mức ăn; hoặc ít nhất là tình hình kinh tế khả quan của đất nước ảnh hưởng đến giỏ đồ thăm nuôi mà gia đình sẽ mang đến mỗi nửa tháng.

Đám tù xúm xít quanh tôi, người nói câu này, người hỏi câu kia, tôi chẳng biết phải nói gì, trả lời với ai. Tôi im lặng đứng mãi một chỗ, để cho họ hỏi và tự trả lời với nhau thay tôi luận.

"Ê, mới bị bắt hay là từ trại nào chuyển đến vậy?"

"Đi hai tay không như vậy thì chắc là mới bị bắt rồi. Nếu từ trại khác chuyển đến thì phải có mang theo giỏ đồ chứ!"

"Thì đó, anh ta mang cái ca có đựng cái gói gì trong đó kia! A, đường cát bây ơi."

"Cha, thằng này da dẻ trắng trẻo hồng hào, có vẻ con nhà quá hả! Chắc là tội vượt biên rồi!"

"Chưa chắc, có thể là tội buôn bán hàng lậu hay móc nối bán bãi gì đây!"

"Không có đâu, tương anh ta hiền như nhà giáo!"

"Xi, giống một tay nghệ sĩ ăn chơi thì đúng hơn!"

"Nghệ sĩ gì, bộ vó hăn cũng có hạng đấy chứ!"

"Nhưng bàn tay hăn nhỏ xíu!"

"Ừ nhỉ, tay như tay con gái. Tay này số sướng, chắc chẳng biết lao động chân tay bao giờ."

"Ê, có chị hay em gái chưa chồng không vậy hả?"

"Thôi mấy cha nội ơi, để người ta đến làm việc với trưởng phòng cái đã rồi muốn hỏi gì thì hỏi."

Theo sự hướng dẫn của một anh tù hơi trọng tuổi, tôi tiến đến "văn phòng" của người trưởng phòng. Văn phòng của anh ta thực ra chỉ là chỗ mà anh trải chiếu để ngủ mỗi đêm, và có treo cái giỏ đồ đạc cá nhân ở trên đầu nằm. Tôi gật đầu chào anh, anh cũng chào tôi rồi moi trong giỏ đồ của anh ta một tập vở học trò với cây bút nguyên tử. Anh ngồi xuống trước và cũng mời tôi ngồi xuống đất để "làm việc." Khoảng bảy tám người tù khác cũng tùm đến, vây quanh anh trưởng phòng với tôi vào trong một vòng tròn nhỏ. Anh trưởng phòng hỏi với giọng Bắc, thứ giọng Bắc rất nặng mà tôi mới nghe được từ sau năm 1975:

"Anh tên gì đấy nhỉ?"

"Vĩnh Khang"

"Vĩnh Khan? Ô, tên nghe hay thế. Ấy, mà Khang có g hay Khan không g?"

"Khang có g," tôi đáp.

Anh cúi xuống hí hoáy ghi vào tập, dang hằng lấy giọng rồi hỏi tiếp:

"Tội gì?"

"Chính trị."

Đám tù vây quanh "õ" lên một tiếng, rồi phao lên ầm ĩ cho cả phòng biết:

"Chính trị!"

"Tù chính trị! Tay này trẻ mà cũng dữ thần ta ơi!"

Anh trưởng phòng yêu cầu im lặng, rồi anh hỏi tiếp, giọng ra vẻ quan trọng và muốn chứng tỏ hiểu biết:

"Nhưng chính trị là chính trị thế nào?"

"Thế nào là sao? Tôi chẳng hiểu ý anh," tôi hỏi lại.

"Anh là đảng viên, cán bộ nhà nước, làm sai đường lối chính sách hay là ngụy quân ngụy quyền chống phá cách mạng?"

"Tôi chẳng phải đảng viên hay cán bộ nhà nước, cũng chẳng phải ngụy quân ngụy quyền gì hết. Tôi là người dân."

“Người dân, ai lại chẳng phải dân! Thôi cũng được, nhưng anh làm cái gì mà gọi là tội chính trị?”

“Tôi có bị bắt buộc trả lời không vậy? Theo tôi biết, những điều tôi làm chỉ có thể nói với cán bộ vấn cung thôi mà.”

Một giọng Bắc từ đám tù vây quanh xen vào:

“Cha, cái thằng này, mày ở ngoài mới vào mà nói ngon thế à! Đợi ca hỏi thì lo trả lời, còn hỏi vắn vẹo lý sự gì cơ chứ!”

Tôi ngược lên thấy một anh tù híp mắt nhìn xuống. Cặp mắt anh có vẻ như đang lim dim ngủ, chúng hé ra tí xíu thôi, đủ để lộ hai tròng đen từ hai phía nhập vào nhau như là bị lể. Đầu mày anh đang nhú lại, nhìn tôi với cái dáng vẻ của một người đang suy tư hay tính toán gì đó. Cặp môi anh mỏng lét, tím rịm, mím chặt lại trông như hai con đĩa nằm chồng lên nhau. Anh có vẻ là một tên nịnh thần trong các truyện vua chúa ngày xưa. Thấy tôi ngược nhìn, anh làm bộ hùng hổ xấn tới, nhưng có các người tù khác giữ anh lại.

Anh trưởng phòng mặt mày tái mét, hình như đang nén cơn giận, xoa tay với anh tù kia, rồi dịu giọng với tôi, có lẽ vì nghi rằng tôi là cán bộ hay đảng viên gì đó của nhà nước nên mới dám nói lý với anh:

“Ừ thì dĩ nhiên là anh muốn trả lời cũng được, không cũng được, nhưng dù sao cũng phải rõ ràng để tôi ghi vào sổ chứ. Anh coi này, mấy người đến trước, tội gì thì ghi tội đó cả. Cả tên và tuổi, nghề nghiệp, sinh quán, đều ghi rõ chứ có phải tôi lạm quyền cán bộ để lấy cung anh đâu.”

“Tôi đã nói khi nãy, bên trại T20, mấy người bạn tù gọi chung chung cái tội của tôi là chính trị. Chẳng biết còn cách gọi nào khác thích hợp hơn không.”

“Có phải anh hoạt động chống lại chính sách của nhà nước, đòi tự do... hay đại loại như thế, phải không?”

Tôi gật đầu. Đám tù vây quanh lại la ầm lên:

“Thứ dữ! Thứ dữ!”

“Thế thì là cướp rồi!” anh tù mặt lươn có vẻ nịnh thần lại nói.

Thấy tôi nhìn với ý muốn nghe lại câu ấy, anh lặp lại:

“Tôi nói tội của anh là tội cướp ghế mới đúng.”

“Cướp ghế?” tôi hỏi lại.



“Ừ, cướp ghế, tức là cướp chính quyền đó mà, chẳng phải sao?”

Tôi bật cười. Rõ ràng là trên xứ sở này, bởi hoàn cảnh thay ngôi đổi chủ quen thuộc, bởi những tham vọng và thù hận trường kỳ của cá nhân hay các bè nhóm khác nhau, người ta mặc nhiên hiểu vai trò của những kẻ cầm quyền hay những kẻ hoạt động chính trị đối lập như là vai trò của những kẻ cướp. Suy ra, những kẻ cầm quyền chỉ là những kẻ thành công trong cuộc tranh giành xâu xé chiếc ghế quyền lực và quyền lợi. Người Trung Hoa cướp chính quyền của Giao Châu, người Pháp cướp chính quyền của An Nam, người Nhật cướp chính quyền Việt Nam qua tay người Pháp, Việt Minh cướp chính quyền Việt Nam qua tay người Nhật... cho đến những chính quyền sau đó, ở cả hai miền, đều là những chính quyền cướp giật được manh động dựng nên từ lòng tham và thù hận. Đặc biệt là từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay, sự cướp giật càng lúc càng khốc mặc những lớp áo chính nghĩa cao kỳ như là chống đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc v.v... mà kỳ thực vẫn là cướp. Chưa có chính quyền nào thực sự là của nhân dân, hay ít ra là vì nhân dân. Cái nghiệp dĩ nặng nề oái ăm nào đó của dân tộc đã khiến cho sử sử này, cứ mỗi lúc có biến động, có đổi thay chính quyền mới, thì đều lọt vào tay những tên cướp, tức là những người có tham vọng về quyền lực và quyền lợi, chứ

không lọt vào tay người dân thực lòng yêu nước. Những phong trào cách mạng hay đảng phái thực sự nghĩ đến dân tộc thì thường thất bại, tan vỡ. Trong khi đó, đảng cướp thì lại dễ dàng thành công hơn. Thành công không ở tầm lòng mà ở những quỷ kế, ma thuật. Ai có nhiều mưu ma chước quỷ thì thắng! Ai có lòng thì phải thất bại, lao lý, hoặc chết mất xác! Cái nghiệp gì mà thâm thương đến thế? Vậy ra, đất nước này cứ mãi sống dưới sự mưa rày bùa phép của một bọn phù thủy đầy tà thuật sao! Điều đáng tởm lợm nhất là tên cướp nào cũng khoe khoang mục đích công ích, vì dân, cho dân, hứa rằng sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến cá nhân mình, gia đình mình hay phe nhóm mình, đảng phái mình! Với bao nhiêu chính nghĩa và lý tưởng cao vời đưa ra, mục đích cũng chỉ để mê hoặc và ru người dạt trôi dạt dờ vào những ảo tưởng hạnh phúc huyền hoặc, mà trên thực tế, cái khổ, cái đói, cái nghèo, bất công, tù hãm nô lệ, vẫn cứ sờ sờ trước mắt. Đó là chưa kể những tên cướp đầu đàn, những đại ca ở bên ngoài, xúi dục và đòi nộp xâu hay chia chác khi cuộc cướp giật thành công. Chiếc ghế đang ngồi chưa bao giờ là những chiếc ghế giành được từ chính sức lực của mình, của người dân, mà đều do sự sắp đặt giúp đỡ của các đại ca. Xua đại ca Pháp-Mỹ, rước đại ca Nga-Tàu, hay ngược lại, đều là cái ngu xuẩn nô lệ của những tên cướp hèn hạ chỉ biết bái vọng cái gì đồ sộ hung hăng ở bên ngoài chứ không biết cúi

nhìn mảnh đất khiêm nhường mà thân thuộc dưới chân mình. Vậy rồi được ngồi trên ghế, những tên cướp ấy lúc nào cũng nhớn nhỡ phè phỡn với lợi danh, có quyết tâm đánh đuổi những kẻ khác thì cũng chỉ để bảo vệ cái lợi danh mà mình đang hưởng, hoặc vì muốn tóm thâu thêm những quyền lợi chưa có khác, chứ không phải để bảo vệ và xây đắp sự yên bình no ấm của người dân. Hết chính quyền tham lam này đến chính quyền háu đói khác, thay nhau nổi lên, dày ai người dân, bắt họ phục vụ và bảo vệ chiếc ghế của mình. Cứ như vậy thì bảo sao dân không nhìn các chính quyền, những người cầm quyền, như là những tên cướp! Mà cũng có thể lời hô toáng lên "cướp, cướp" được khởi đi từ chính miệng những tên cướp chứ chẳng phải từ người dân.

Tôi nhìn kỹ lại người tù đã phát ngôn rằng tôi có âm mưu cướp ghế. Anh ta là một người dân bị bỏ tù như tôi hay là cán bộ, đảng viên cộng sản? Người dân đã quen chuyện bọn cướp giành giật nhau những chiếc ghế chính quyền, có biết thì cũng yên phận làm thính, phát biểu cũng chẳng lợi ích gì, chẳng thay đổi được gì—vì tên cướp nào ngồi trên ghế, người dân vẫn khổ như nhau thôi. Chỉ có mấy anh cướp mới lo sợ bị mất cái ghế của mình nên hết lòng đề phòng và gán đặt ý đồ cướp giật cho bất cứ kẻ nào có hành động phương hại đến quyền lợi của chúng mà thôi. Cho nên, hôm nay, tôi, một ông thầy tu, dù có ôm ấp bất cứ cái hoài bão tốt đẹp nào, như đòi hỏi tự do dân chủ, đòi hỏi ấm no cho dân tộc thì vẫn cứ bị coi như có ý đồ hay tham vọng cướp giật quyền bính của chính quyền.

Anh trưởng phòng, cười nói: "Anh ấy nói đùa thôi, tội của anh phải ghi là *phản cách mạng*," nói rồi anh ghi ngay vào sổ.

Ba chữ "phản cách mạng" ấy tôi đã bị cán bộ trực dãy C3 ở trại T20 ghi vào sổ một lần trước đây. Mặc dù đối với tôi, sự gán đặt từ ngữ ấy chẳng ảnh hưởng gì lắm đối với thực tế ở tù, nhưng tự thân tâm, tôi biết việc tôi làm chẳng dính gì với từ *phản cách mạng* ấy. Tôi có theo con đường cách mạng của mấy anh cộng sản đâu mà nói là tôi phản. Nếu chữ phản có nghĩa là chống thì sao không ghi là "chống cách



mạng" cho dễ hiểu, khỏi nhầm lẫn, mà cũng có thể tránh bớt từ Hán-Việt như văn hóa cách mạng chủ trương! Còn riêng ý tôi, tôi tự hiểu việc làm của tôi là "làm cách mạng," hay "hoạt động cách mạng." Như vậy chính xác hơn nhiều. Vì "cách mạng" đâu phải của riêng ai, riêng bè nhóm nào. Con người nào, xã hội nào, lại không cần tiến hành công cuộc cách mạng để tiến đến cái toàn thiện, toàn mỹ. Tiến trình cách mạng là một chuỗi vận động trường kỳ của các đối lực sinh-diệt để thành tựu một hiện thể mới mẻ hơn. Cái này diệt để cái kia sinh. Cái này sinh để cái kia diệt. Không có cái sinh mãi mãi. Không có cái diệt mãi mãi. Không có cái sinh tự nó sinh. Không có cái diệt tự nó diệt. Cái này sinh cho cái kia diệt. Cái kia diệt cho cái này sinh. Cái này sinh bởi cái kia diệt. Cái kia diệt bởi cái này sinh. Không có cái cách mạng chết khô trên giấy tờ, trên biểu ngữ, trên sự đứng đứng bèn vững của một đường hướng, một chính sách hay một chế độ cầm quyền. Một cuộc cách mạng toàn diện đúng nghĩa phải được phát động để đẩy con người và xã hội tiến đến phía trước mà nhận ra cái ý nghĩa hiện hữu của mình; và cũng chỉ bằng cái nhận thức về ý nghĩa đó, con người và xã hội mới tồn tại. Con người sẽ dĩ chết là vì các tế bào trong cơ thể chỉ diệt mà không còn sinh nữa. Xã hội cũng chết khi các phần tử cá nhân trong nó không còn khả năng làm cách mạng—tức là

mất đi khả năng tự do chọn lựa sự sáng tạo và hủy diệt đối với các ý niệm của chính mình và xã hội mình đang sống. Ý niệm vay mượn âm sắc của ngôn ngữ để hiện hữu; nhưng trong khi động năng của ý niệm là liên tục vận chuyển trong diễn trình sinh diệt để vươn tới mà ngôn ngữ cứ nằm ì trên biểu ngữ hoặc lặp lại mãi trên môi mấp, thì ý niệm cũng phải bị trùng lặp, lẫn lộn, hoặc khô cứng theo. Hệ luận của nó là cách mạng sẽ chết khi người ta không đủ can đảm đâm lên cái cũ để dọn đường cho cái mới hiện hữu, không biết diệt để được sinh. Thế giới này chưa bao giờ có cách mạng thực sự mà chỉ có những biến động, những cuộc cướp giật với các biểu ngữ và tiêu đề hào nhoáng, bông rỗng.

"Thế anh làm nghề gì bên ngoài nhỉ?" anh trưởng phòng hỏi.

"Thất nghiệp," tôi đáp.

"Thất nghiệp? Anh... như vậy mà thất nghiệp à? Thế trước khi thất nghiệp cũng có cái nghề gì chứ?"

"Làm rẫy."

"Làm rẫy? Anh... như vậy mà làm rẫy à? Mà thôi, được rồi, thủ tục nhập phòng đã xong. Bây giờ để tôi sắp xếp chỗ nằm cho anh nhé!" Anh trưởng phòng nói rồi, đứng dậy, cất cuốn sổ và cây bút vào giỏ.

Tôi cũng đứng dậy theo. Nhưng hai anh tù khác đến vỗ vai tôi, Một anh người Nam có khuôn mặt mà hình như cái gì cũng muốn lộ ra ngoài, đưa về phía trước: mắt lộ, mũi hếch, miệng hở. Anh khác chính là anh chàng người Bắc có khuôn mặt nịnh thần khi nãy đã gán cho tôi hai chữ "cướp ghế."

"Này, có nghề không? Thủ tục nhập phòng không phải chỉ có ghi tên là xong đâu, còn phải qua cái mục đầu võ nữa chứ!" anh người Bắc nói.

Anh người Nam mắt lộ tiếp lời:

"Theo thông lệ của phòng giam, anh có quyền chọn bất cứ người nào trong phòng này để đấu. Thua thì phải chọn người khác, cho đến khi nào thắng thì mới xong thủ tục."

Nghe họ nói vậy tôi mới nhớ lại vài hình ảnh sinh hoạt rất dã man trong những câu chuyện mà tôi từng đọc thấy trong tiểu thuyết. Vậy mà hơn tháng nay, ở chung với ông Trọng ở phòng biệt giam tại T20, tôi đã không

hề nhớ nghĩ gì đến các chuyện ấy. Hình như ở bất cứ nhà tù nào trên thế giới cũng gặp cái tình trạng "ma cũ hiệp ma mới," hoặc gặp những tay anh chị làm chủ phòng giam, thậm chí làm chủ hết các phòng của trại giam mà bọn tù gọi là "đại ca," "anh Hai," và xưng tụng như là một "đại bàng." Tôi chẳng rõ ở đây lại có "đại bàng" không. Nếu có, hẳn là đám đàn em thuộc hạ của anh "đại bàng" đó sẽ bắt tôi đến trình diện, hoặc hòa nhau đập tôi một trận để dẫn mặt trước. Hay "đại bàng" là anh trưởng phòng khi nãy? Anh ấy cũng có vẻ dữ dằn lắm: Tay xăm con rồng, ngực xăm trái tim với mũi tên xuyên ngang. Tôi đang còn phân vân thì anh người Bắc nói tiếp:

"Sao, muốn chọn ai đây?" vừa nói, anh vừa múa hai tay, như hai quả đấm trước mặt tôi.

Anh ấy cao và mập hơn tôi chút, nhưng bộ ngực lép kẹp, bụng lại hơi ồng ra. Đó không phải tướng của người mạnh, cũng không phải tướng của con nhà võ. Anh chỉ có cái bề ngoài hung hăng, háu đá mà thôi. Một

cái gì động đậy trong tim tôi. Hừ, tôi chẳng sợ gì đâu, dù rằng chút võ Thiếu lâm lem nhem không chịu tập luyện của tôi cũng chẳng ra làm sao cả, nhưng ít nhất nó cũng có thể bảo vệ được tôi, hoặc cho tôi chút tự tin, bình tĩnh. Và lại, cái thằng tôi này tuy hiền lành, chẳng bao giờ làm hại ai, nhưng đối với anh chàng nịnh thần đang múa may hai tay mà hạ bộ để trống, bộ cước không vững thể kia, tôi chỉ cần xấn vào giữa, đánh hai chỗ một trên một dưới, một thuận một nghịch, rồi sẵn nắm tay phải nắm thuận ngang tầm hạ bộ đối phương, bồi thêm một cái nhẹ là anh sụm ngay. Nếu điều lệ của phòng được tôn trọng đúng mức theo lời anh người Nam mắt lộ nói, tôi chỉ cần thắng anh nịnh thần, khỏi cần phải đánh đấm gì với ai khác. Tôi vừa suy nghĩ, vừa đề phòng sẽ bị tấn công bất ngờ. Có thể họ không bỏ qua tôi bằng một điều kiện đơn giản như vậy đâu. Bất chợt, một thằng tôi khác trong tối lại nhú đầu lên, xỉ vả: "Vút hết cái tâm hiệu

chiến tâm thường của nhà người đi! Cần gì phải thắng chứ! Chứ không phải mi vốn lì đòn hay sao!"

Tôi giật mình như vừa tỉnh mộng. Phải rồi, tôi đâu cần phải vùng tay đấm đá ai. Tôi là một tu sĩ, không phải một anh chàng thất nghiệp hay một anh nông dân thể tục, không phải anh giáo viên hay chàng nghệ sĩ. Tất cả những con người, những nghề nghiệp nói trên, chỉ là tạm thời thôi, chỉ là đóng kịch thôi. Thực tế, tôi vẫn còn là một tu sĩ, dù tóc có dài và hình thức đã thay, dù mình trần trụi trực với cái quần xà-lỏn độc nhất che thân. Tôi phải ẩn nhẫn, chịu đựng tất cả những đau đớn khổ nhục của thể gian chụp phủ lên thân phận mình như mặt đất từng cừu mang và chịu đựng tất cả sức nặng của cuộc đời. Tôi thoáng nhớ lại một kỷ niệm, hay một kinh nghiệm của năm năm trước, tức vào đầu mùa hè năm 1980...

(còn tiếp)

